



TỔNG QUANCÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



THỦ TỤC CHO DN MỚI THÀNH LẬP

❖ Tại doanh nghiệp :

- ❖ Treo bảng biển tại trụ sở kinh doanh
- ❖ Xác định hình thức khai thuế GTGT: Khấu trừ hay trực tiếp
- ❖ Đăng ký khai, nộp thuế điện tử
- ❖ Chuẩn hóa hồ sơ lao động và bảo hiểm
- ❖ Xây dựng bảng định mức NVL (nếu có)
- ❖ Chuẩn bị hợp đồng thuê nhà hoặc mượn nhà

+ Làm việc với bên ngoài DN :

Web: taca.edu.vn

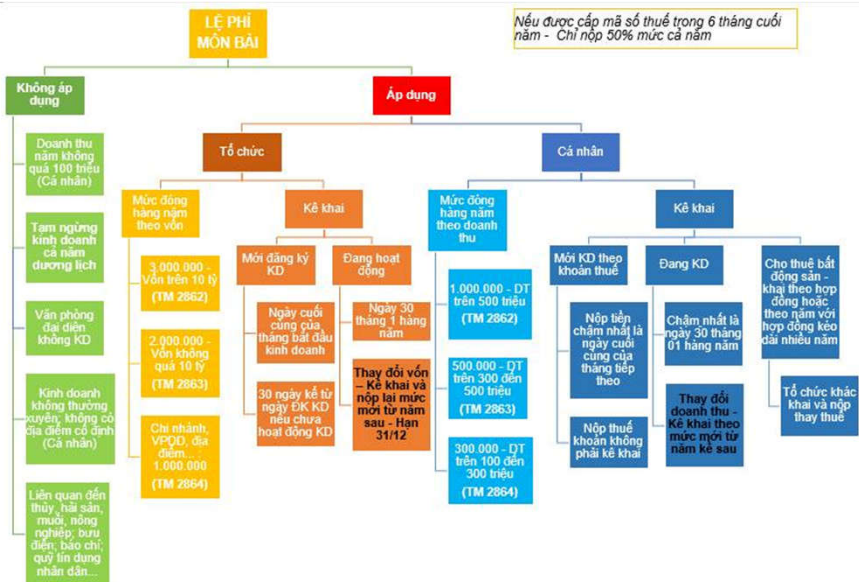
Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

❖ Cơ quan thuế :

- Khai, nộp lệ phí môn bài
- Hóa đơn: KK thuế theo PP trực tiếp thì mua hóa đơn của CQ thuế.
KK thuế theo PP khấu trừ thì đặt in hoặc sử dụng hóa đơn điện tử.
- Thông báo thông tin với cơ quan thuế : Có CQ thuế yêu cầu; có CQ Thuế không yêu cầu.
- Đăng ký Phương pháp khấu hao TSCĐ
- Đăng ký áp dụng chế độ kế toán: TT133 hoặc TT200
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung,
- Phương pháp xác định giá trị HTK
- Ngoài ra : Mở TK ngân hàng. Nộp thông báo mở TK với sở KHĐT; mua chữ ký số...



- ❖ **Khái niệm** : Là loại lệ phí trực thu, đánh dựa trên giấy phép kinh doanh của **doanh của** các doanh nghiệp và hộ kinh doanh.
- ❖ Người nộp thuế nộp tờ khai cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, kinh doanh ở đâu thì nộp tại đó
- ❖ **Mức thu lệ phí môn bài** : căn cứ vào mức vốn đăng ký kinh doanh



❖ Khai lệ phí môn bài:

- Khi mới ra hoạt động kinh doanh, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thành lập nhưng chưa HĐ SXKD khai lệ phí môn bài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

❖ **Nộp lệ phí môn bài** : chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hàng năm, (Mới kinh doanh : ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai)

CÔNG VĂN

(V/v: Đăng ký thực hiện hình thức, chế độ kế toán, hóa đơn).

Kính gửi: Chi cục thuế Quận Hoàn Kiếm

Đơn vị chúng tôi là:

Địa chỉ:

Ngành hoạt động chính: Tư vấn quản lý.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 010767xxx ngày 19 tháng 12 năm 20xx của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội.

Công ty cổ phần Taca Việt Nam xin đăng ký sử dụng chế độ kế toán theo các nội dung sau:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Hệ thống tài khoản: Theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Hệ thống sổ kế toán: Nhật ký chung.

- Hệ thống báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong kế toán: Tiếng Việt Nam.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

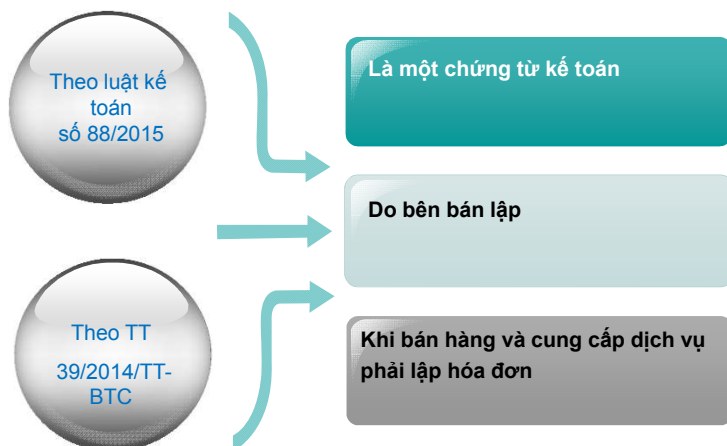
- Đơn vị đo lường sử dụng trong kế toán: Theo hệ thống đo lường chính thức áp dụng tại Việt Nam.

4. Niên độ kế toán áp dụng: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

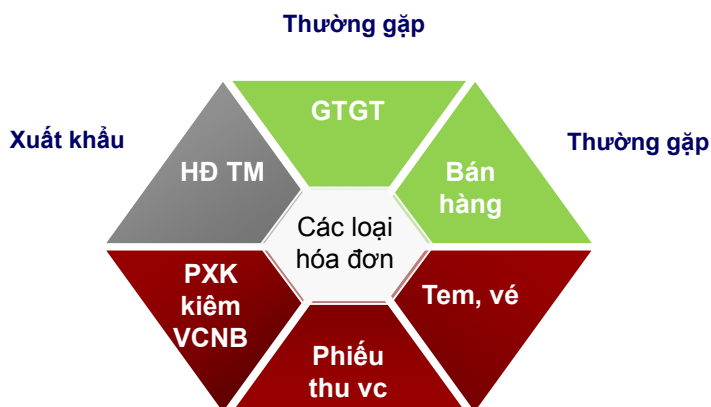
5. Chế độ khấu hao: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

6. Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý Chi cục!



- ❖ Các giao dịch nào sau đây phải xuất hóa đơn
- Bán hàng hóa đã giao hàng và khách hàng chưa thanh toán
 - Cung cấp dịch vụ và khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt
 - Doanh nghiệp thanh lý một máy in bị hỏng và thu tiền mặt
 - Doanh nghiệp bán phế liệu không sử dụng và chưa thu tiền
 - Doanh nghiệp nhận đặt cọc tiền hàng hóa và chưa cung cấp hàng



- ❖ Hóa đơn GTGT: dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- ❖ Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong nội địa;
- ❖ Hoạt động vận tải quốc tế;
- ❖ Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;
- ❖ Xuất khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài.

- ❖ Hóa đơn bán hàng: dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng hóa, dịch vụ trong nội địa, xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được như xuất khẩu
- ❖ Hóa đơn khác gồm: tem; vé; thẻ; phiếu thu tiền bảo hiểm
- ❖ Phiếu thu tiền cước vận chuyển hàng không; chứng từ thu cước phí vận tải quốc tế; chứng từ thu phí dịch vụ ngân hàng...

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mã số: 8307874/001
Lần 1: Lưu Kệ hóa: TP/13P Số: 0000016
Ngày: 13 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHÀ TÂN THỊNH PHÁT**
Mã số thuế: 0311479542
Địa chỉ: 172/19/9 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 5432 1198 Fax: (08) 5432 1455
Số tài khoản: 06004376266 tại NH Sacombank - PGD Hầm Hài Nguyễn

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUỲ MINH HUY**
Mã số thuế: 03110634905
Địa chỉ: 87/23 Tô Hiệu, Phường Hố Nai, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Màng công nghiệp	kg	416	37.500	15.600.000
Cộng tiền hàng:					15.600.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.560.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.160.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một nghìn sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên): _____ Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên): _____

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Mã số: 00077380
Lần 1: Lưu Kệ hóa: NL/1P Số: _____

ĐƠN VỊ BÁN HÀNG: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG**
MÃ SỐ THUẾ: _____
ĐƠN VỊ MUA: _____
MÃ SỐ THUẾ: _____

HỌ TÊN NGƯỜI MUA HÀNG: _____
TÊN ĐƠN VỊ: _____
ĐƠN VỊ: _____
HỌ TÊN NGƯỜI BÁN HÀNG: _____
MÃ SỐ THUẾ: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	F= D x E

Cộng tiền hàng hóa, thuế VAT: _____
Số tiền viết bằng chữ: _____

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu): _____
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu): _____
Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, đóng dấu): _____

Chữ in hoa in đậm, chữ in thường in nhỏ
Số in hoa in đậm, chữ in thường in nhỏ

Hóa đơn nào sẽ được kê khai thuế GTGT?

Có dòng thuế suất. Bên mua được khấu trừ

Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo trực tiếp

Khu phi thuế quan bán hàng tại Việt Nam

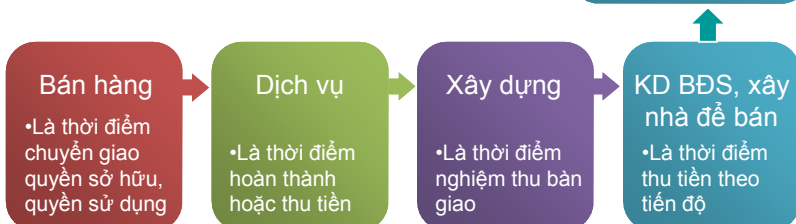


- Phần chữ ký trên hóa đơn
- Các thông tin phụ trên hóa đơn
- Lập hóa đơn trong 1 số TH đặc biệt

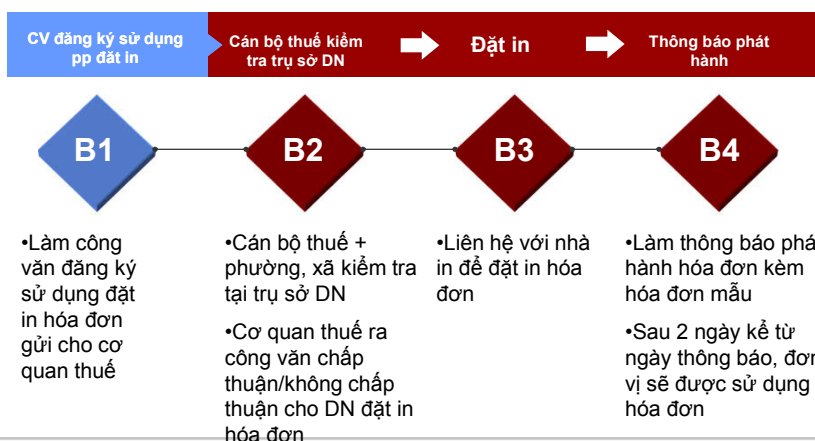
- ❖ *Lập hóa đơn khi bán nhiều hàng hóa, dịch vụ?*
- ❖ *Lập hóa đơn khi bán hàng hóa dịch vụ dưới 200.000 VND?*

*Thời điểm xuất hóa đơn có phải là thời điểm khai thuế GTGT hay không?
Thời điểm xuất hóa đơn có phải lúc nào cũng đúng theo quy định hay không?
Trường hợp cung cấp dịch vụ có thu tiền phải xuất hóa đơn, vậy thế nào là thu tiền?*

Đối với hoạt động cung cấp điện nước
Chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày chốt số



Quy trình để sử dụng hóa đơn cho doanh nghiệp mới thành lập



- Trường hợp TB phát hành cần bổ sung, cơ quan Thuế gửi văn bản thông báo trong thời hạn hai (02) ngày làm việc
- DN điều chỉnh để lập thông báo phát hành hóa đơn. Nộp cả bản mềm và bản cứng.
- Từ lần thứ 2 trở đi:**
Nộp thông báo phát hành mới bằng bản mềm.
- Thời hạn:**
 - ✓ Chậm nhất hai (02) ngày trước khi bắt đầu sử dụng
- Niêm yết tại trụ sở thông báo phát hành và hóa đơn mẫu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN

(Dành cho tổ chức, cá nhân kinh doanh đặt in, tự in)

Mẫu: TB01/AC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)

- Tên đơn vị phát hành hóa đơn:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Các loại hóa đơn phát hành:

STT	Tên loại hóa đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Số lượng	Từ số	mẫu thông báo phát hành hóa đơn		Doanh nghiệp in/Doanh nghiệp cung cấp phần mềm	
						Đền số	Ngày bắt đầu sử dụng	Tên	MST
01	Hóa đơn GTGT	01GKTGT3/001	TU/14P	150	0000001	0000150	02/11/2015	Công ty CP in Hà Nội	0101181842

6. Thông tin đơn vị chủ quản (trường hợp tổ chức, cá nhân dùng hóa đơn của đơn vị chủ quản đặt in, tự in):

- Tên đơn vị:
- Mã số thuế:

7. Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo: Chi cục Thuế Quận Hoàng Mai.

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân tự in hóa đơn đặt in hoặc tự tạo phần mềm tự in hóa đơn để sử dụng không ghi cột Doanh nghiệp in/Doanh nghiệp cung cấp phần mềm. Tại cột Hợp đồng đặt in/cung cấp phần mềm, ghi theo số và ngày Quyết định in hóa đơn đặt in.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2015
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Hóa đơn mẫu là bản in thể hiện đúng, đủ các tiêu thức trên liên của hóa đơn giao cho người mua loại được phát hành, có số hóa đơn là một dãy các chữ số 0 và in hoặc đóng chữ "Mẫu" trên tờ hóa đơn. Hóa đơn mẫu kèm thông báo phát hành để gửi cơ quan Thuế và để niêm yết tại các cơ sở sử dụng bán hàng hóa, dịch vụ là liên giao cho người mua hàng.

- Hóa đơn thương mại có phải thông báo phát hành? Mẫu áp dụng?
- Mua hóa đơn từ cơ quan thuế có phải thông báo phát hành?
- Thông báo phát hành phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ?
- Niêm yết thông báo phát hành hóa đơn và hóa đơn mẫu dạng dữ liệu điện tử hiển thị có được chấp nhận không?





Cửa hàng có được tạo hóa đơn riêng không?

Không được phép tạo hóa đơn riêng để sử dụng mà phải sử dụng hóa đơn đã phát hành của Trụ sở chính.

Chi nhánh sử dụng hóa đơn được phân bổ theo thứ tự từ số nhỏ - số lớn trong phạm vi số hóa đơn được phân chia

Không thay đổi cơ quan thuế quản lý

Phát hành hóa đơn mới và hủy hóa đơn đang sử dụng

Tiếp tục sử dụng hóa đơn đã phát hành

Đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn

Gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn - cơ quan thuế quản lý trực tiếp

Thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp

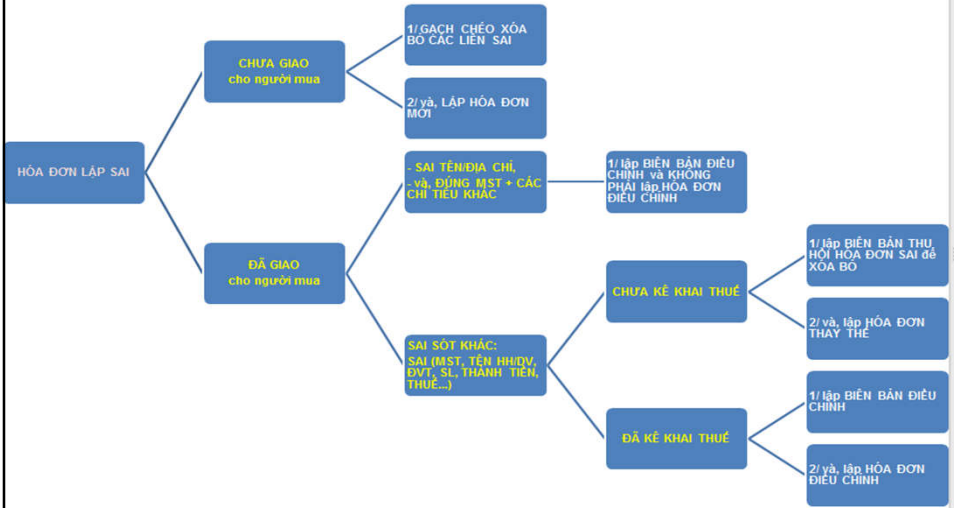
Phát hành hóa đơn mới với cơ quan thuế nơi chuyển - và hủy hóa đơn đang sử dụng với cơ quan thuế nơi chuyển đi

Tiếp tục sử dụng hóa đơn đã phát hành

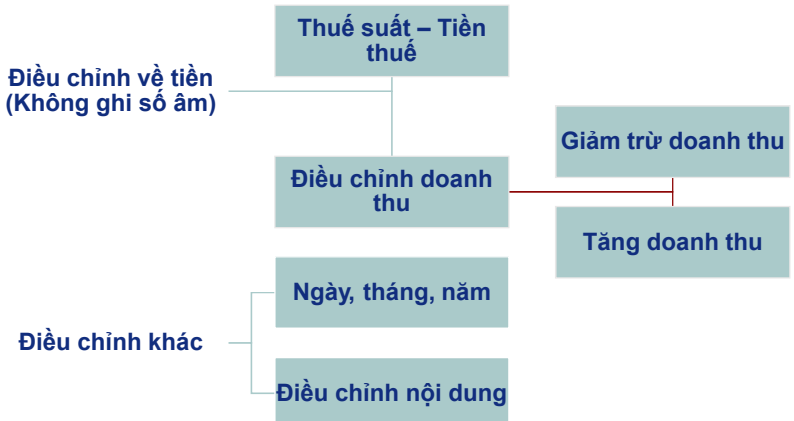
Đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn

Nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn với cơ quan thuế nơi chuyển đi kèm bảng kê hóa đơn chưa sử dụng

Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn - cơ quan thuế nơi chuyển -



Ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hóa, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hóa đơn số..., ký hiệu...



- **CÔNG VĂN 4943/TCT-KK?**
 - Khi kê khai sót hóa đơn đầu ra, đầu vào thì xử lý thế nào? Trường hợp nào thì cần khai bổ sung điều chỉnh tờ khai thuế GTGT? Kê khai điều chỉnh như thế nào?
- Khách hàng trả lại hàng là cá nhân? Là tổ chức sử dụng hóa đơn bán hàng?
- Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT trả lại hàng đã mua của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp – Không thu hồi được hóa đơn
- Hóa đơn đã xuất cho khách hàng từ 200.000 trở xuống
- Điều chỉnh do xác định giá thị trường?

Trường hợp Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ theo trình bày, trong tháng 10/2015, Công ty mua một lô hàng hóa của nhà cung cấp là đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, nhà cung cấp đã lập hóa đơn bán hàng giao cho Công ty. Nay Công ty phát hiện một phần hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng, phải trả lại một phần hàng hóa thì khi xuất hàng hóa trả lại cho nhà cung cấp,

Công ty lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán của hàng hóa trả lại, cột thuế suất, tiền thuế GTGT không ghi, gạch chéo.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PKT2;
- PJC;
- Lưu: VT; THT.
91441, nmgant



- Các trường hợp hủy hóa đơn: Hóa đơn đặt in bị in sai, in trùng, in thừa; Thay thế mẫu hóa đơn đang sử dụng; Chuyển phương thức kê khai thuế giá trị gia tăng; Làm thủ tục đóng mã số thuế; Hóa đơn không còn giá trị sử dụng chuyển sang mua hóa đơn của cơ quan thuế; Hủy hóa đơn đã mua của cơ quan thuế để chuyển sang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in...
- Thời hạn: 30 ngày kể từ ngày thông báo với cơ quan thuế (10 ngày – Nếu cơ quan thuế thông báo hết giá trị sử dụng)
- Phương thức hủy: Đốt, cắt góc, xé bỏ...
- Hồ sơ hủy hóa đơn
 - Quyết định thành lập **Hội VND hủy** hóa đơn, trừ trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh.
 - Bảng kiểm kê hóa đơn hủy (Chi tiết: thông tin hóa đơn hủy, số lượng hủy...)
 - Biên bản hủy hóa đơn
 - Thông báo kết quả hủy hóa đơn theo mẫu – Gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày thực hiện hủy hóa đơn

*Có được hủy không liên tục hóa đơn không?
Cần xuất hóa đơn nếu đã hủy hết hóa đơn?*

Theo tháng

- Vi phạm không được sử dụng hóa đơn tự in, đặt in
- Rủi ro cao về thuế mua hóa đơn của cơ quan thuế
- **Ngày thứ 20 của tháng kế sau**
- Thực hiện ít nhất trong thời gian 12 tháng và chuyển sang theo quý khi có có thông báo của cơ quan thuế

Theo quý

- Các trường hợp còn lại
- **Ngày thứ 30 của tháng kế sau quý**

Theo từng lần

- Chia, tách...chuyển đổi doanh nghiệp
- **45 ngày kể từ ngày có quyết định chuyển đổi (Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế)**

- *Thông báo phát hành ngày 28/3/2017 thì có phải làm báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quý 1/2017 không?*
- *Trong kỳ không sử dụng hóa đơn có phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn?*
- *Trong kỳ không phát hành hóa đơn có phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn?*
- *Đơn vị tạm ngừng kinh doanh*
- *Chi nhánh sử dụng chung hóa đơn với trụ sở có phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn?*



- Lập báo cáo gửi cơ quan thuế chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra vụ việc
- Lập biên bản ghi nhận sự việc - ghi rõ liên 1 đã kê khai, nộp thuế trong tháng nào
- Sử dụng bản copy liên 1 của hóa đơn có ký xác nhận và đóng dấu của người bán làm chứng từ thay thế

- *Mất hóa đơn chưa lập?*
- *Nếu liên mất không phải là liên 2 – Giao khách hàng của hóa đơn?*
- *Thông báo mất nhiều số hoá đơn vào cùng một thời điểm thì xử phạt như thế nào?*

- Lập khống hóa đơn, nội dung không có thực
- Cho hoặc bán hóa đơn chưa lập để bên khác lập khi bán hàng hóa, dịch vụ
- Cho hoặc bán hóa đơn đã lập để bên khác sử dụng làm chứng từ kê khai thuế
- Lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc
- Lập hóa đơn sai lệch nội dung giữa các liên
- Dùng hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ này để chứng minh cho hàng hóa, dịch vụ khác
- Sử dụng hóa đơn đã được cơ quan chức năng kết luận là sử dụng bất hợp pháp hóa đơn

- **Sử dụng hóa đơn giả - Được khởi tạo theo**
 - Mẫu hóa đơn đã phát hành của một người bán khác
 - Tạo trùng số của cùng một ký hiệu hóa đơn
- **Sử dụng hóa đơn chưa có giá trị sử dụng**
 - Chưa hoàn thành việc thông báo phát hành
- **Sử dụng hóa đơn hết giá trị sử dụng**
 - Đã phát hành nhưng không tiếp tục sử dụng
 - Hóa đơn bị mất đã báo cáo với cơ quan thuế
 - Hóa đơn của bên bỏ trốn, tự ý ngừng hoạt động không thông báo, đã đóng mã số thuế
- *Tại thời điểm hóa đơn xuất, bên bán chưa ngừng hoạt động thì xử lý như thế nào?
Hóa đơn với ngành nghề không đăng ký?*



- ❖ Thời hiệu tính từ khi chấm dứt vi phạm/ phát hiện vi phạm
 - 05 năm với sai phạm trốn thuế, gian lận, nộp chậm, khai thiếu thuế
 - 01 năm với các trường hợp khác
- ❖ Thời hiệu coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính
 - 06 tháng (với xử phạt cảnh cáo)
 - 01 năm, (với xử phạt tiền)
 - Hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm

Hành vi	Mức phạt
<input type="checkbox"/> Lập sai hoặc không đầy đủ nội dung của báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn bị cơ quan thuế phát hiện	200.000 - 1.000.000
<input type="checkbox"/> Lập Thông báo phát hành không đầy đủ nội dung <input type="checkbox"/> Không niêm yết Thông báo phát hành hóa đơn <input type="checkbox"/> Nộp thông báo, báo cáo chậm sau 10 ngày – 20 ngày kể từ ngày hết thời hạn	2.000.000 - 4.000.000
<input type="checkbox"/> Không lập Thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng (Hóa đơn đã sử dụng gắn với nghiệp vụ đã được kê khai, nộp thuế)	6.000.000
<input type="checkbox"/> Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ - số lớn <input type="checkbox"/> Làm mất, cháy, hỏng hoá đơn đã phát hành – Không phân biệt bên mua hay bên bán gây ra <input type="checkbox"/> Không nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (Sau 20 ngày kể từ hạn)	4.000.000 - 8.000.000
<input type="checkbox"/> Lập Thông báo phát hành sau khi hóa đơn đã sử dụng (Hóa đơn chưa - kỳ khai thuế) <input type="checkbox"/> Mất, cháy, hỏng, hóa đơn đã mua chưa lập	6.000.000 - 18.000.000
<input type="checkbox"/> Không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từ 200.000 VND trở lên	10.000.000 - 20.000.000
<input type="checkbox"/> Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp <input type="checkbox"/> Sử dụng bất hợp pháp hóa đơn	20.000.000 - 50.000.000



Tờ khai
thuế
GTGT

Báo cáo
tình hình
sử dụng
hóa đơn

Tờ khai
thuế
TNCN
(nếu có)

**Các tờ
khai**

- ?1: Không phát sinh hóa đơn mua vào, bán ra có phải nộp tờ khai thuế GTGT?
?2: Không xuất hóa đơn có phải nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn?
?3: Tờ khai thuế TNCN nộp ntn?

Ông Tổng Giám đốc của một doanh nghiệp Nhật Bản quyết định đầu tư sang thị trường Việt Nam yêu cầu tư vấn để làm sao nộp ít thuế nhất?



*Bạn có chấp nhận không?
Giữa lý và tình?*

- ❖ Người nộp thuế tự kê khai, tự nộp thuế và chịu trách nhiệm
- ❖ Nguyên tắc áp dụng giá thị trường và ấn định thuế

Nếu hôm nay, bạn bỏ tính sai số thuế dẫn - nộp thiếu **10,000\$** tiền thuế, bạn có biết điều gì sẽ xảy ra?

Năm thứ nhất: không có gì xảy ra
 ...
 Năm thứ hai: không có gì xảy ra
 ...
 Năm thứ ba: không có gì xảy ra

 Năm thứ tư: Không có gì xảy ra
 -

Năm thứ năm: Thanh tra thuế và bị phát hiện
 Kết quả xấu nhất là:

1. Phạt 3 lần tiền thuế do gian lận và trốn thuế:
 $10,000\$ \times 3 = 30,000\$$
 2. Thu lãi chậm nộp tiền thuế (18%/ năm): $10,000\$ \times 18\% \text{ năm} \times 5 \text{ năm} = 9,000\$$
 3. Phạt truy thu thuế 20% trên số tiền bị truy thu:
 $10,000\$ \times 20\% = 2,000\$$
- Nộp bổ sung số thuế thiếu: **10,000\$**

Tổng cộng: 51,000\$
 (gấp 5 lần số tiền phải nộp ban đầu và có thể còn nhiều hơn thế nếu thời gian càng lâu)

+ Giảm giá vốn hàng bán số tiền là 4.601.950.000 đồng đối với 2.966 m³ gỗ mua vào không có hóa đơn chứng từ theo quy định; doanh nghiệp có bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn nhưng thực tế không mua thực tế của 7 người có tên trong bảng kê do doanh nghiệp đã kê khai trên bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn (Có biên bản xác minh với các cá nhân và biên bản làm việc của Đoàn thanh tra với doanh nghiệp kèm theo).

2. Kiến nghị:

2.1. Truy thu thuế TNDN: 1.079.852.855 đồng.

2.2. Phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1 lần tính trên số thuế trốn, số thuế gian lận: 920.040.798 đồng (Số thuế trốn tính trên giá trị gỗ trừ (-) lỗ các năm trước chuyển sang).

Cách tính: $(4.601.950.000 \text{ đồng} - 419.946.374 \text{ đồng}) \times 22\% \times 1 \text{ lần} = 920.040.798 \text{ đồng}$.

Theo quy định Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

2.3. Phạt vi phạm hành chính với mức phạt 20% đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là: 31.962.411 đồng

Cách tính: $(1.079.852.855 \text{ đồng} - 920.040.798 \text{ đồng}) \times 20\% = 31.962.411 \text{ đồng}$.

Theo quy định Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

2.4. Tiền chậm nộp tiền thuế: Tính tiền chậm nộp tiền thuế theo mức 0,05%/ngày tính trên số thuế khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp là: 26.996.321 đồng.

Theo quy định tại khoản 32, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13

1. Trích tiền từ tài khoản; yêu cầu phong tỏa tài khoản
2. Khấu trừ một phần tiền lương không thấp hơn 10% và không quá 30% tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng nhưng không quá 50% tổng số thu nhập
3. Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
4. Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng
5. Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản
6. Thu tiền, tài sản khác do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ
7. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...



Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

- ❖ KẾ TOÁN LÀ GÌ?
- ❖ BÁO CÁO TÀI CHÍNH LÀ GÌ?



**WHAT IS
ACCOUNTING??**

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

1 Các khái niệm cơ bản của kế toán

2 Quy trình kế toán

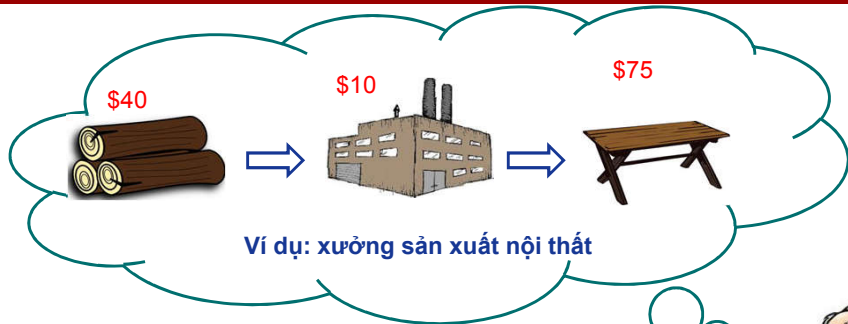
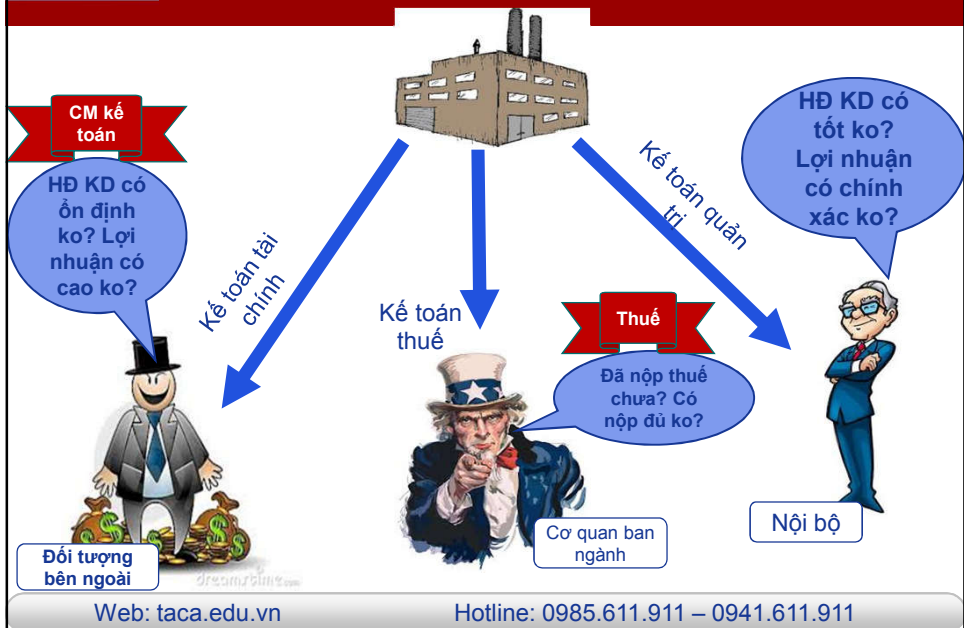
3 Phương trình và các yếu tố của BCTC

4 Vận dụng hệ thống tài khoản

KẾ TOÁN LÀ GÌ?

- ❑ Kế toán là ngôn ngữ kinh doanh
- ❑ Kế toán là công việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin
- ❑ Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động (LUẬT KẾ TOÁN 2015)



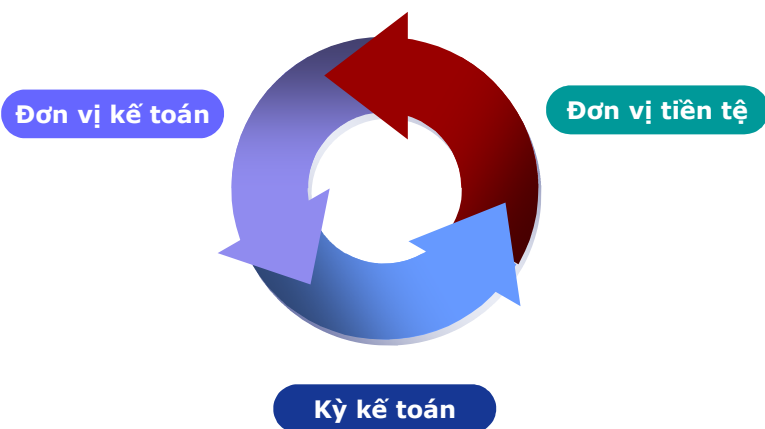


Hoạt động kinh doanh có thể hiểu là quá trình bao gồm một chuỗi các hoạt động (giao dịch) nhằm mục đích tạo ra lợi nhuận.

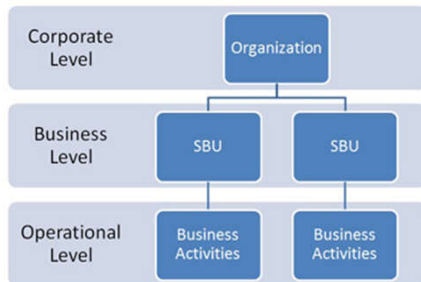


Giao dịch kinh tế có thể được hiểu là bất kỳ hoạt động, sự kiện nào diễn ra trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ví dụ giao dịch kinh tế của xưởng nội thất

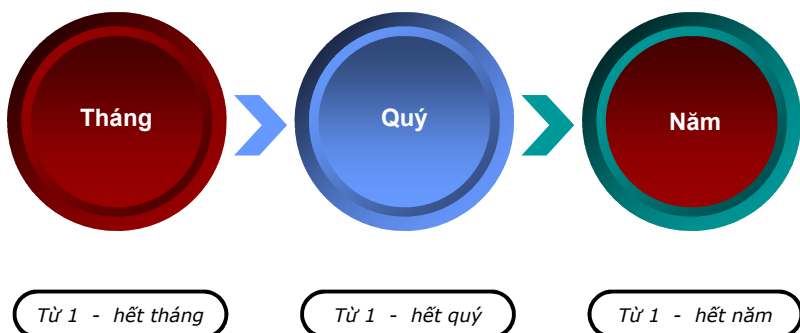


- ❑ *Đơn vị kế toán là đơn vị kinh tế có tài sản riêng, chịu trách nhiệm sử dụng và kiểm soát tài sản đó và phải lập báo cáo kế toán.*
- ❑ Hệ quả
- ❑ Tại Việt Nam



- VND tiền được kế toán sử dụng trong đo lường, ghi chép và lập báo cáo kế toán là VND tiền kế toán
- Hệ quả
- Tại Việt Nam





*Kỳ kế toán là khoảng thời gian mà kế toán phân
ánh tình hình tài chính và hoạt động của đơn vị
với các sự kiện và giao dịch xảy ra trong khoảng
thời gian đó.*

- ❖ *Chứng từ kế toán là những chứng minh bằng giấy tờ về giao dịch kinh tế đã phát sinh và thực sự hoàn thành*
- ❖ Chứng từ kế toán là khâu đầu tiên của quá trình kế toán có tác dụng:
 - Chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - Căn cứ để ghi sổ kế toán
 - Cơ sở kinh tế để giải quyết mọi sự tranh chấp, khiếu nại, tố cáo
 - Quản lý giám sát quá trình kinh tế.
- ❖ Doanh nghiệp tự xây dựng hệ thống chứng từ kế toán nhằm đảm bảo các mục tiêu trên.
(Có thể tham khảo hệ thống chứng từ kế toán theo mẫu chứng từ theo thông tư)

❖ KHÔNG

- Ký chứng từ bằng mực màu đỏ
- Đóng dấu chữ ký khắc sẵn
- Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung
- Lập nội dung các liên khác nhau
- Viết tắt, tẩy xóa, sửa chữa; số và chữ viết phải liên tục, không ngắt quãng



Kế toán là quá trình chụp lại các giao dịch của hoạt động kinh doanh và chuyển đổi thành thông tin theo yêu cầu

Thu nhận
thông tin



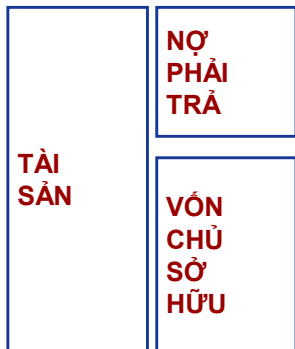
Xử lý
thông tin



Cung cấp
thông tin

MÃ	TÊN PHÂN HỆ	TÊN TIẾNG ANH
(P)	Mua hàng - Phải trả	Purchase
(S)	Bán hàng - Phải thu	Sales
(C)	Tiền - Thanh toán	Cash
(F)	TSCĐ - Chi phí trả trước	Fixed Assets
(LA)	Lương và các khoản trích trước	Labor-Accrue
(I)	Hàng tồn kho	Inventories
(M)	Giá thành	Manufacturing
(F)	Báo cáo tài chính	Financial Statements
(T)	Báo cáo thuế	Tax Reports
(O)	Các báo cáo khác và các công việc bổ sung	Others

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH KINH DOANH



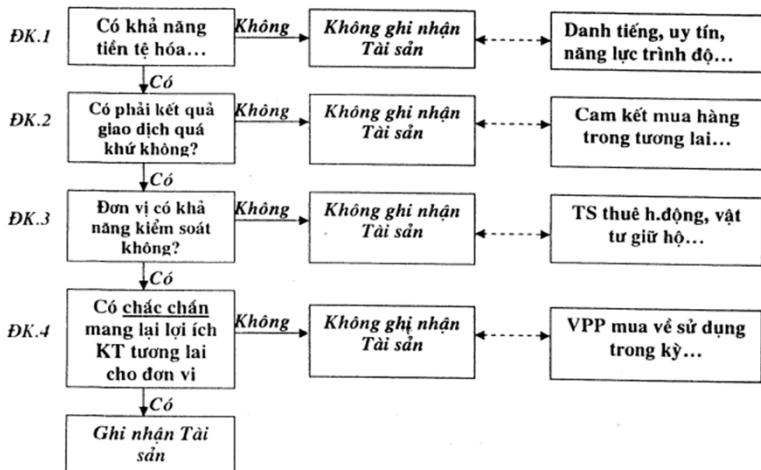
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

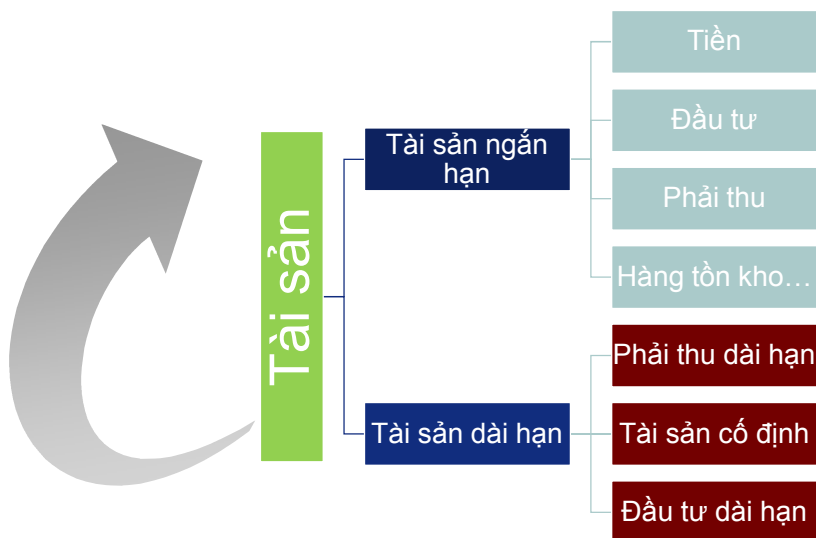
- ❖ Báo cáo tài chính là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Balance Sheet
Assets

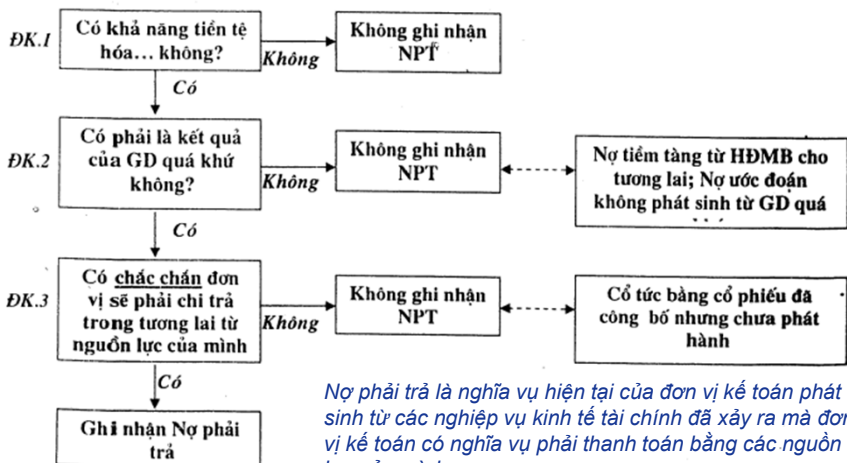
- ❑ Tình trạng tài chính - Bảng cân đối kế toán
 - ❑ Tài sản
 - ❑ Nợ phải trả
 - ❑ Vốn chủ sở hữu.
- ❑ Tình hình hoạt động - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
 - ❑ Thu nhập
 - ❑ Chi phí
 - ❑ Kết quả hoạt động.
- ❑ Luồng tiền - Báo cáo lưu chuyển tiền
 - ❑ Luồng tiền vào
 - ❑ Luồng tiền ra
 - ❑ Luồng tiền thuần

Sơ đồ 1: Nhận diện tài sản





Sơ đồ 2: Nhận diện nợ phải trả





Nợ phải trả (NPT)

NPT ngắn hạn

NPT dài hạn

Vay

Thuế

Phải trả người bán ngắn

Phải trả người lao động

Dự phòng phải trả

Vay dài hạn

Phải trả người bán dài

Thuế TN hoãn lại phải trả

Vốn chủ sở hữu là loại nguồn vốn thuộc sở hữu của đơn vị kế toán, đơn vị có quyền sử dụng lâu dài trong suốt thời gian hoạt động của đơn vị.

Gồm: Vốn đầu tư, các quỹ, lợi nhuận giữ lại

Tài sản

-

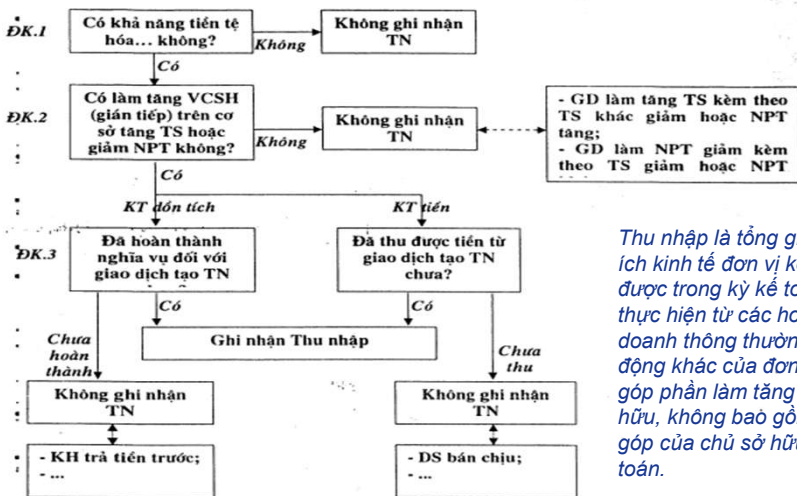
Nợ phải trả

=

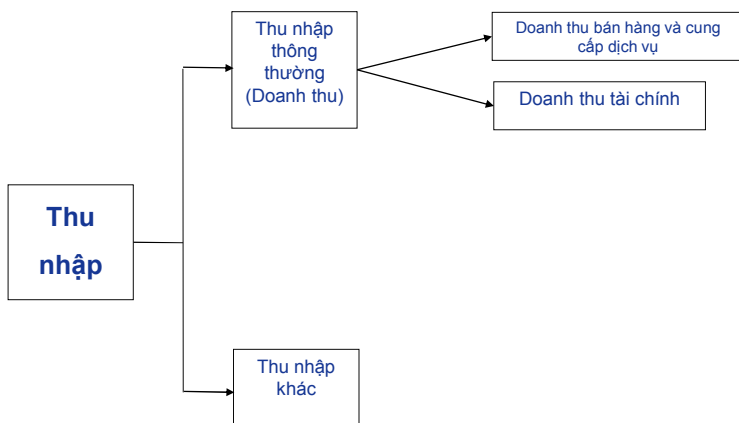
Vốn chủ sở hữu

- ❑ Phân biệt giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu?
 - ❑ Đều là nguồn vốn của đơn vị kế toán
 - ❑ Hai điểm nổi bật khác biệt, đó là quyền lợi pháp lý của chủ nguồn vốn và bản chất kinh tế của hai loại chủ nguồn vốn này.

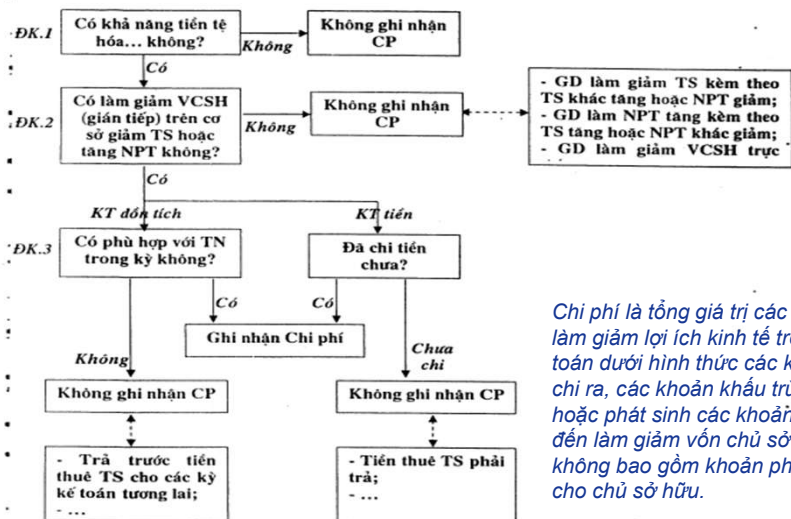
Sơ đồ 3: Nhận diện thu nhập



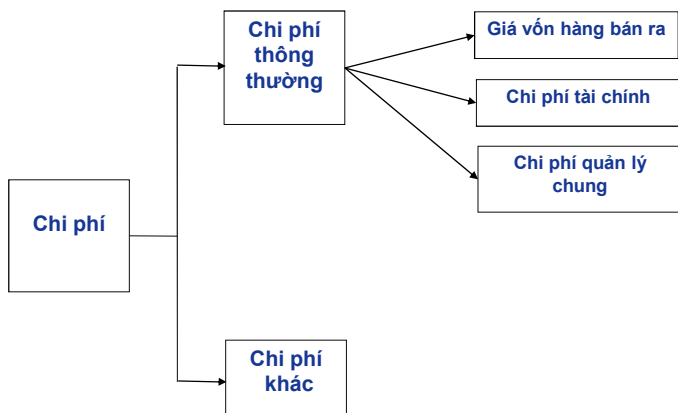
Thu nhập là tổng giá trị các lợi ích kinh tế đơn vị kế toán thu được trong kỳ kế toán, được thực hiện từ các hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của đơn vị kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản vốn góp của chủ sở hữu đơn vị kế toán.



Sơ đồ 4: Nhận diện chi phí



Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho chủ sở hữu.



- ❑ *Kết quả hoạt động là một trong những chỉ tiêu quan trọng được trình bày trên báo cáo tài chính, phản ánh thành quả hoạt động kinh doanh của đơn vị kế toán trong mỗi kỳ kế toán*
- ❑ Phương pháp xác định:
 - ❑ *Phương pháp so sánh vốn chủ sở hữu cuối kỳ với vốn chủ sở hữu đầu kỳ;*
 - ❑ *Phương pháp so sánh giữa thu nhập và chi phí.*



TÀI KHOẢN XYZ

NỢ

CÓ

Tài khoản kế toán để phản ánh một cách có hệ thống các đối tượng kế toán cụ thể theo từng chỉ tiêu kinh tế tài chính

Cách ghi chép trên tài khoản kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và hoàn thành trên cơ sở phân loại các nghiệp vụ đó theo nội dung kinh tế để ghi vào tài khoản tương ứng.

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

VÍ DỤ MỞ TÀI KHOẢN

Đối tượng kế toán cụ thể	Tài khoản phản ánh
- Tiền mặt	- Tài khoản Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng	- Tài khoản Tiền gửi ngân hàng
- Phải thu khách hàng	- Tài khoản Phải thu khách hàng
- Tạm ứng	- Tài khoản Tạm ứng
- Phải thu khác	- Tài khoản Phải thu khác
- Nguyên vật liệu	- Tài khoản Nguyên vật liệu
- Thành phẩm	- Tài khoản Thành phẩm
- Hàng hóa	- Tài khoản Hàng hóa
- Công cụ dụng cụ	- Tài khoản Công cụ dụng cụ
- Tài sản cố định hữu hình	- Tài khoản Tài sản cố định hữu hình
- ...	- ...
- Vay ngắn hạn	- Tài khoản Vay ngắn hạn
- Phải trả người bán	- Tài khoản Phải trả người bán
- Phải trả người lao động	- Tài khoản Phải trả người lao động
- ...	- ...
- Nguồn vốn kinh doanh	- Tài khoản Nguồn vốn kinh doanh
- Lợi nhuận chưa phân phối	- Tài khoản Lợi nhuận chưa phân phối
- ...	- ...

Web: taca.edu.vn

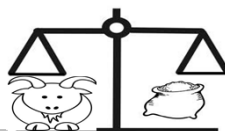
Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Lập bảng cân đối kế toán:

TK Tài sản	=	TK Nợ phải trả	+	TK Vốn chủ sở hữu
↑ ↓		↓ ↑		↓ ↑

Lập báo cáo kết quả kinh doanh

TK Thu nhập	-	TK Chi phí	=	TK Lợi nhuận
↓ ↑		↑ ↓		↓ ↑



Bút toán Nợ/Có:

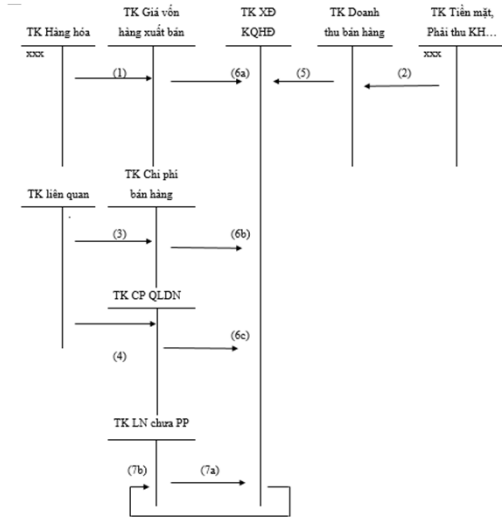
- Nợ tăng: Nhóm tài khoản Tài sản, chi phí
- Có tăng: Nhóm tài khoản Nguồn vốn, doanh thu

Tổng phát sinh Nợ = Tổng phát sinh Có

Lưu ý các bút toán kết chuyển cuối kỳ

GHI SỔ KẾ TOÁN

Ghi số các bút toán kết chuyển



Tại đơn vị X, tháng 1 năm N (đvt: nghìn đồng)

1. Số dư đầu kỳ các tài khoản kế toán như sau:

Các tài khoản kế toán khác có số dư bằng không hoặc không có số dư.

1. TK Tiền mặt	200.000	7. TK Vay ngắn hạn	2.000.000
2. TK Tiền gửi ngân hàng	700.000	8. TK Phải trả cho người lao động	60.000
3. TK Tạm ứng	20.000	9. TK Nguồn vốn kinh doanh	6.200.000
4. TK Nguyên liệu, vật liệu	1.200.000	10. TK Phải trả cho người bán	160.000
5. TK TSCĐ hữu hình	7.300.000	Chi tiết: Phải trả công ty A	100.000
6. TK Hao mòn TSCĐ	1.000.000	Chi tiết: Phải trả công ty B	60.000

II. Các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh trong năm N như sau:

1. Chủ sở hữu góp vốn bổ sung bằng tiền mặt: 100.000
2. Xuất tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng: 150.000
3. Mua một tài sản cố định hữu hình chưa trả tiền cho công ty A: 500.000
4. Chuyển tiền gửi ngân hàng trả nợ tiền mua hàng cho công ty A: 300.000 và cho công ty B: 50.000
5. Xuất tiền mặt trả lương kỳ trước cho người lao động: 60.000
6. Vay ngắn hạn trả nợ tiền mua hàng cho công ty A: 200.000

Yêu cầu:

- ❖ 1. Định khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nêu trên
- ❖ 2. Phân ánh các tài liệu đã cho vào các tài khoản kế toán và lập bảng cân đối số phát sinh
- ❖ 3. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ

Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1. Tiền mặt	200.000		100.000	210.000	90.000	
2. Tiền gửi ngân hàng	700.000		150.000	350.000	500.000	
3. Tạm ứng	20.000		-	-	20.000	
4. Nguyên liệu, vật liệu	1.200.000		-	-	1.200.000	
5. TSCĐ hữu hình	7.300.000		500.000		7.800.000	
6. Hao mòn TSCĐ		1.000.000	-	-		1.000.000
7. Vay ngắn hạn		2.000.000	-	200.000		2.200.000
8. Phải trả cho người bán		160.000	550.000	500.000		110.000
9. Phải trả cho người LĐ		60.000	60.000	-		-
10. Nguồn vốn kinh doanh		6.200.000	-	100.000		6.300.000
Tổng cộng	9.420.000	9.420.000	1.360.000	1.360.000	9.610.000	9.610.000

II. Giả sử đến năm $N+1$, các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh như sau:

1. Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ đã thu bằng tiền gửi ngân hàng: 2.000.000
2. Theo bảng lương, tổng chi phí nhân công tính vào giá vốn hàng bán ứng với dịch vụ ở nghiệp vụ 1 là 900.000 đã trả toàn bộ bằng tiền gửi ngân hàng
3. Tổng chi phí bán hàng chưa thanh toán cho người bán A: 200.000
4. Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán A: 100.000
5. Kế toán kết chuyển các giao dịch doanh thu và chi phí cuối kỳ

Yêu cầu:

- ❖ 1. Định khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nêu trên
- ❖ 2. Phân ánh các tài liệu đã cho vào các tài khoản kế toán và lập bảng cân đối số phát sinh cho năm $N+1$
- ❖ 3. Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ năm $N+1$ và báo cáo kết quả kinh doanh năm $N+1$
- ❖ 4. Hãy thử áp dụng hệ thống tài khoản Việt Nam cho các giao dịch trên?

1. Nợ TK TGNH 2.000.000/Có TK Doanh thu cung cấp dịch vụ 2.000.000
2. Nợ TK Giá vốn hàng bán/Có TK TGNH 900.000
3. Nợ TK Chi phí bán hàng/Có TK Phải trả người bán 200.000
4. Nợ TK Chi phí quản lý doanh nghiệp/Có TK Phải trả người bán 100.000
5.
 - Kết chuyển doanh thu:
Nợ TK Doanh thu cung cấp dịch vụ/ Có TK Xác định kết quả: 2.000.000
 - Kết chuyển giá vốn hàng bán:
Nợ TK Xác định kết quả/ Có TK Giá vốn hàng bán: 900.000
 - Kết chuyển chi phí bán hàng:
Nợ TK Xác định kết quả/ Có TK Chi phí bán hàng: 200.000
 - Kết chuyển chi phí quản lý:
Nợ TK Xác định kết quả/ Có TK Chi phí quản lý: 100.000
 - Kết chuyển lợi nhuận:
Nợ TK Xác định kết quả/ Có TK Lợi nhuận: 800.000



Thank You!

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

QUY TRÌNH DÒNG TIỀN

Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

LUẬT

- Luật số 88/2015/QH13

CHUẨN MỰC

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam – VAS 10 về tỷ giá hối đoái
- Các văn bản sửa đổi

THÔNG TƯ

- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014 (từ 2015) với DN lớn và thông tư 133/2016 (từ 2017) với DN vừa và nhỏ
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC
- Các quy định về thuế...

Ghi nhận thông tin liên quan đến dòng tiền

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng
- Khoản tương đương tiền

Thu nhận chứng từ



Xử lý - Ghi sổ kế toán



Rà soát số liệu báo cáo

Chứng từ

- ❖ **Chứng từ gốc liên quan thanh toán:**
 - Hóa đơn bán hàng
 - Giấy thanh toán tiền tạm ứng...
 - Phiếu nhập,...
- ❖ **Chứng từ gốc liên quan thu chi tiền**
 - Phiếu thu
 - Phiếu chi
 - Giấy báo có, Ủy nhiệm thu
 - Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi, Séc
- ❖ **Chứng từ đối chiếu**
 - Bảng kiểm kê quỹ
 - Bản sao kê của Ngân hàng

985.611.911 – 0941.611.911



Phiếu thu

PHIẾU THU

Ngàythángnăm

Quyển số:.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nộp tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do nộp:.....

Số tiền: (Viết bằng chữ):.....

Kèm theo:..... Chứng từ gốc:.....

Ngàythángnăm

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp
tiền

Người lập
phiếu

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng
dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU CHI

Quyền số:.....

Ngàythángnăm

Số :.....

Nợ :.....

Có :.....

Họ và tên người nhận tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:.....

Số tiền:..... (Viết bằng chữ):.....

Kèm theo Chứng từ gốc:

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Ngàythángnăm
Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Ngân Hàng A Châu
Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA

GIẤY BẢO NỢ
Ngày: 26-08-2008

Ma GDV: NGUYEN THU HANG
Ma KH: 44048
So GD: 13

Kính gọi: CTY CP MISA
Mã số thuế: 0101243150

Hôm nay, chúng tôi xin bảo đảm ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 21137519

Số tiền bằng số: 4,000,000,000.00

Số tiền bằng chữ: BỐN TỶ DŨNG CHAN

Nội dung: CK GỬI KÝ HẠN: ĐAU TU LINH HOAT 12 THANG -KY NHAN LAI HANG 1 THANG

Giao dịch viên

Kiểm soát



Ngân Hàng A Châu Chi nhánh: ACB - CN CHUA HA	GIẤY BẢO CỐ Ngày: 25-08-2008	Ma GDV: Ma KH: 44048 So GD :
Kính gọi: CTY CP MISA Ma số thuế: 0101243150		
Hôm nay, chúng tôi xin bảo đảm ghi CỔ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
So tài khoản ghi CỔ :	21137519	
So tiền bằng số:	4,500,523.00	
So tiền bằng chữ:	BON TRIEU NAM TRAM NGAN NAM TRAM HAI MUOI BA DONG CHAN	
Nội dung:	Lai nhập vốn	
Giao dịch viên	Kiểm soát	

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

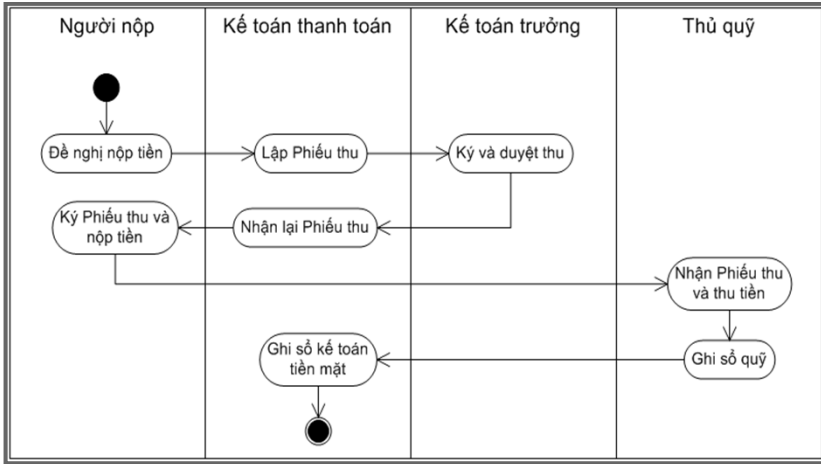
Kiểm tra bộ chứng từ

- ❖ Các thông tin cần kiểm tra
 - Thông tin về doanh nghiệp
 - Thông tin về hàng hóa mua, số tiền
 - Dấu và chữ ký trên hóa đơn
- ❖ Các chứng từ đi kèm
 - Chứng từ chứng minh
 - Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt với hóa đơn có giá trị cả thuế từ 20 triệu trở lên
- ❖ Đọc thêm quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế

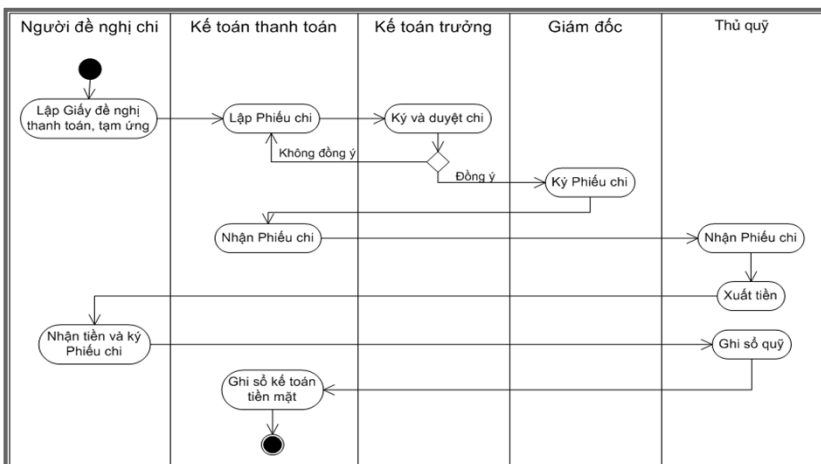
TTP		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 010/GTCT/001	
		Liên 1: Lưu		Ký hiệu: TP/13P	
		Ngày 12 tháng 12 năm 20 13.		Số 0000016	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA TÂN THỊNH PHÁT					
Mã số thuế: 0311475542					
Địa chỉ: 172/19A/9 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh					
Điện thoại: (08) 5432 1198 Fax: (08) 5432 1455					
Số tài khoản: 060303716266 tại NH Sacombank - PGD Hàn Hải Nguyên					
Họ tên người mua hàng: _____					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY MINH HUY					
Mã số thuế: 0310634905					
Địa chỉ: 87 / 32 Tô Hiệu , Phường Hiệp Tân - Quận Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh					
Hình thức thanh toán:		Tiền mặt	Số tài khoản		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Màng công nghệ	kg	416	37.500	15.600.000
				Cộng tiền hàng:	15.600.000
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	1.560.000
				Tổng cộng tiền thanh toán:	17.160.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng /.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

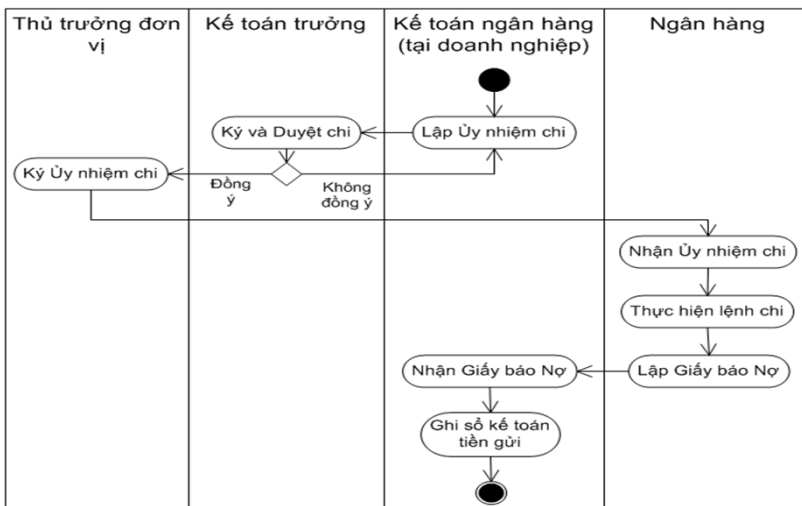
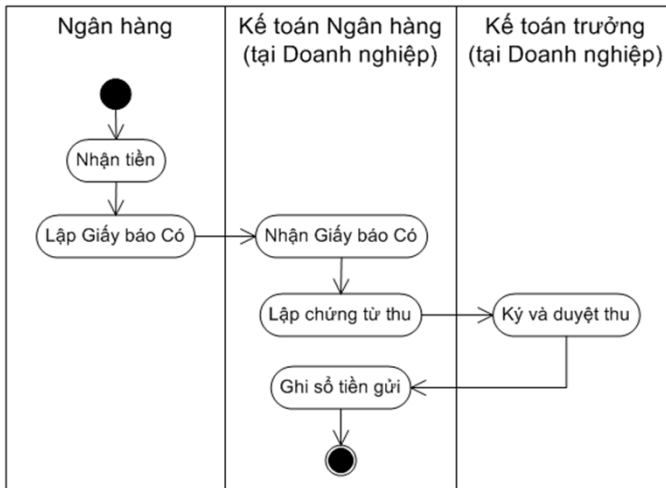
985.611.911 – 0941.611.911

Hoạt động thu tiền mặt



Hoạt động chi tiền mặt





Thống nhất đơn vị tiền tệ kế toán

Mở sổ ghi chép hàng ngày, liên tục số phát sinh và số tồn quỹ

Các khoản ký quỹ, ký cược được xem như các khoản tiền

Căn cứ phiếu thu, GBC

- Các tài khoản tiền ... nhập quỹ
- Số tiền thừa phát hiện khi kiểm kê, đối chiếu
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ

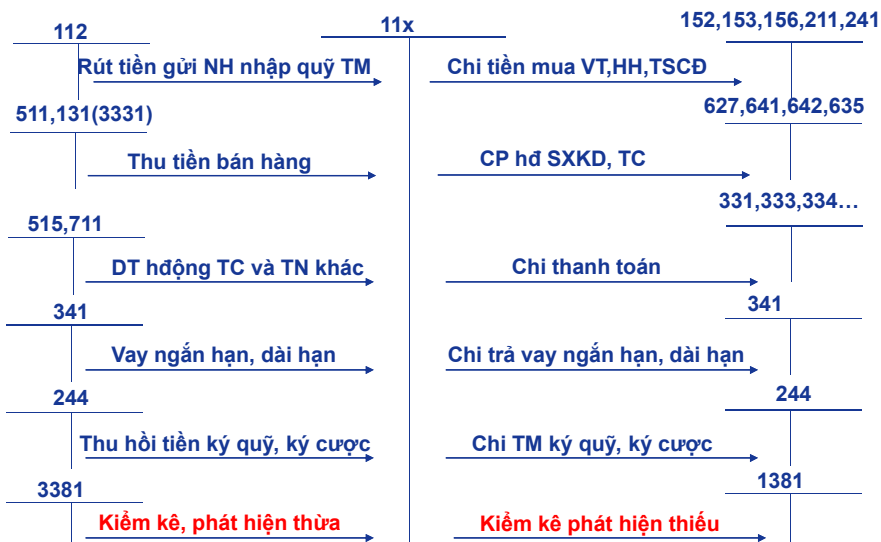
Dư NQ cuối kỳ: Số tiền hiện có

Căn cứ phiếu chi, GBN

- Các tài khoản tiền ... xuất quỹ
- Các tài khoản tiền mặt phát hiện thiếu khi kiểm kê
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm do đánh giá lại cuối kỳ

Tiền mặt: TK 111
Tiền gửi ngân hàng: TK 112

- VNĐ: 11x1
- Ngoại tệ: 11x2 (Chi tiết từng loại ngoại tệ*)
- Vàng tiền tệ: 11x3



❖ Chi tiền: Có TK 11x

- Mua hàng thanh toán ngay:
 - Nợ TK 15x (Nhập kho)
 - Nợ TK 6xx (Đưa vào chi phí)
 - Nợ TK 242 (Đưa vào chi phí cho nhiều kỳ)
 - Nợ TK 211 (Mua tài sản cố định)
- Thanh toán các khoản phải trả:
 - Nợ TK 3xx (331 - Người bán; 333 - Nhà nước; 334 - NLĐ; 338: Khác; 341 - Trả vay...)
- Chi khoản tạm ứng: Nợ TK 141
- Chi đầu tư tài chính: Nợ TK 221, 128

- ❖ Doanh nghiệp A, kỳ kế toán 2x17, ĐVT: đồng
- ❖ Rút tiền gửi ngân hàng ACB về nhập quỹ: 20 tr
- ❖ Thu tiền công ty A trả nợ tiền hàng kỳ trước: 50 tr
- ❖ Nhận được số tiền vay của ngân hàng Agribank trả vào tài khoản: 2000 tr
- ❖ Thu lãi tiền gửi ngân hàng ACB: 500 000
- ❖ Trái phiếu đáo hạn thu lại bằng tiền mặt: Mệnh giá 10tr, lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 3 năm
- ❖ Tạm ứng lương cho nhân viên kỳ này: 200 tr
- ❖ Tạm ứng tiền công tác cho cán bộ H: 5 tr
- ❖ Trả công tác phí cho cán bộ K : 4 tr
- ❖ Trả nợ cho nhà cung cấp B: 20 tr
- ❖ Trả tiền thuê văn phòng 5 năm: 1 tỷ
- ❖ Mua lô bàn ghế 20 bộ, 1 tr/bộ thanh toán ngay
- ❖ Trả lãi vay vốn: 50 triệu cho ngân hàng Agribank
- ❖ Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng: 300 tr
- ❖ Chuyển khoản tạm ứng tiền cho nhà cung cấp: 150 tr
- ❖ Hoàn tiền ký quỹ bảo lãnh bằng tiền mặt: 80 tr

- ❖ *Nợ TK 111/ Có TK 112ACB: 20 tr*
- ❖ *Nợ TK 111/ Có TK 131A: 50 tr*
- ❖ *Nợ TK 112Agri/ Có TK 311/341: 2000 tr*
- ❖ *Nợ TK 112ACB/ Có TK 515: 0.5 tr*
- ❖ *Nợ TK 111: 10,15 tr/ Có TK 228: 10 tr; Có TK 138/515: 0.15 tr*
- ❖ *Nợ TK 334/ Có TK 111: 200 tr*
- ❖ *Nợ TK 141/ Có TK 111: 5 tr*
- ❖ *Nợ TK 642/ Có TK 111: 4*
- ❖ *Nợ TK 331B/ Có TK 111: 20*
- ❖ *Nợ TK 242/ Có TK 112: 1000 tr*
- ❖ *Nợ TK 642/ Có TK 242: 200/12 tr*
- ❖ *Nợ TK 153/ Có TK 111: 20 tr*
- ❖ *Nợ TK 635/ Có TK 112: 50 tr*
- ❖ *Nợ TK 112/ Có TK 111: 300 tr*
- ❖ *Nợ TK 331/ Có TK 112: 150 tr*
- ❖ *Nợ TK 111/ Có TK 244: 80 tr*

CÔNG TY CP ABC

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ TIỀN MẶT

Hôm nay, vào 17 giờ 30, ngày 31 tháng 12 năm N

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:
 - Ông/Bà: Chức vụ:

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

Số TT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		466.318.300
II	Số kiểm kê thực tế:		466.318.000
1	- Loại 500.000 đ	604	302.000.000
2	- Loại 200.000 đ	285	57.000.000
3	- Loại 100.000 đ	480	48.000.000
4	- Loại 50.000 đ	564	28.200.000
5	- Loại 20.000 đ	434	8.680.000
6	- Loại 10.000 đ	121	1.210.000
7	- Loại 5.000 đ	12	60.000
8	- Loại 2.000 đ	21	42.000
9	- Loại 1.000 đ	26	26.000
III	Chênh lệch: (III = I - II)		300

- Lý do:

- Thiếu:
 - Thiếu:
 - Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

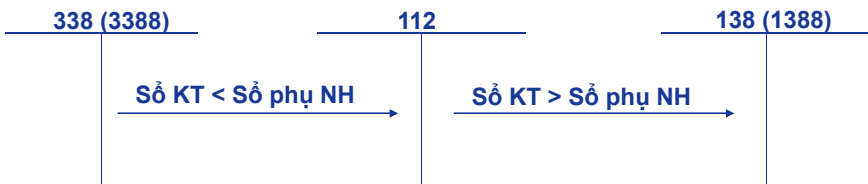
Phụ trách Kế toán (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ (Ký, họ tên)

Web: taca.edu.vn

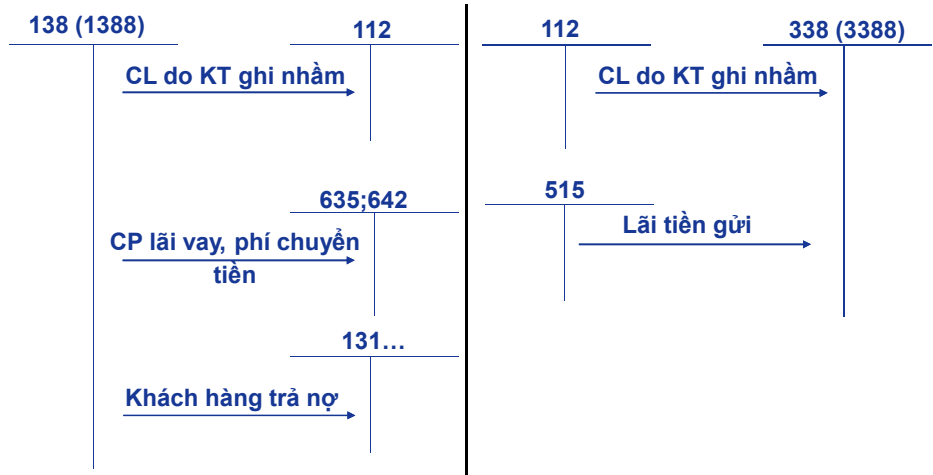
Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

- ❖ Đếm số loại, số tờ → Biên bản kiểm kê
- ❖ Nếu có sự khác biệt thực tế với sổ kế toán:
 - Thực tế > sổ kế toán: Nợ TK 111/Có TK 3381
 - Thực tế < sổ kế toán: Nợ TK 1381/ Có TK 111
- ❖ Xử lý số khác biệt:
 - Nợ TK 3381/ Có TK 3388 hoặc Có TK 711
 - Nợ TK 1388 hoặc Nợ TK 811/ Có TK 1381

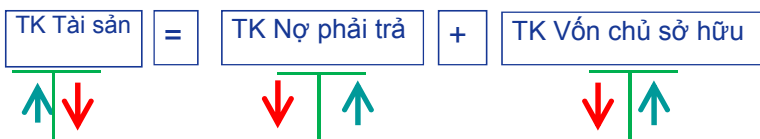
- ❖ Cuối tháng xin xác nhận ngân hàng về số dư tài khoản hiện hành (Sao kê, sổ phụ...)



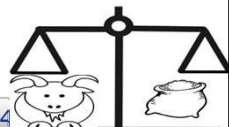
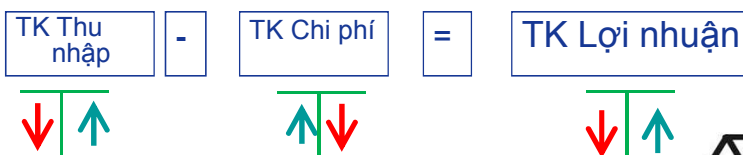
Trên sổ kế toán TGNH – Sổ phụ NH



Lập bảng cân đối kế toán:



Lập báo cáo kết quả kinh doanh



Các chỉ tiêu liên quan đến tiền gồm:

- Tiền (mã số 111): Tiền mặt, TGNH và tiền đang chuyển. Số liệu từ TK 111,112,113
- Tương đương tiền (mã số 112): Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi dưới 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, không có rủi ro
- Lưu ý về
 - Chuyển đổi BCTC từ ngoại tệ
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ❖ Lập báo cáo tồn quỹ, biên bản kiểm kê

Sổ quỹ tiền mặt

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 20/01/2009

Mẫu số : S07-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tài khoản: 111

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền			Ghi chú
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
31/12/2008	31/12/2008			Số dư đầu kỳ (Balance forward)			1.003.425.687	
10/01/2009	10/01/2009		PC00001	Thanh toán tiền mua hàng		102.872.000	900.553.687	
15/01/2009	15/01/2009		PC00002	Chi tiền tạm ứng công tác phí		1.500.000	899.053.687	
19/01/2009	19/01/2009	PT00002		Thu tiền hàng	86.680.000		985.733.687	
Tổng cộng					86.680.000	104.372.000	985.733.687	

Sổ này có 1 trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày soạn số:

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200...

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 20/01/2009

Mẫu số: S07b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tài khoản: 111

Ngày, tháng ghi số	Ngày, tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số tồn	Ghi chú
		Thu	Chi			Thu	Chi		
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
31/12/2008	31/12/2008			Số dư đầu kỳ (Balance forward)				1.003.425.687	
10/01/2009	10/01/2009		PC00001	Thanh toán tiền mua hàng	331	102.872.000	900.553.687		
15/01/2009	15/01/2009		PC00002	Chi tiền trợ cấp công tác phí	141	1.500.000	899.053.687		
19/01/2009	19/01/2009	PT00002		Thu tiền hàng	131	80.880.000	899.733.687		
Cộng số phát sinh						86.680.000	104.372.000		
Số dư cuối kỳ								985.733.687	

Sổ này có 1 trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200...

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 20/01/2009

Mẫu số S08-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tài khoản: 112

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền			Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu	Chi	Còn lại	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
31/12/2008		31/12/2008	Số dư đầu kỳ (Balance forward)				250.657.052	
14/01/2009	NT0000001	14/01/2009	Thanh toán tiền hàng Công ty Hòa Nam	131	132.594.000		383.251.052	
20/01/2009	S000001	20/01/2009	Nộp thuế GTGT tháng 12/2008	33311		12.894.091	370.416.961	
20/01/2009	S000001	20/01/2009	Nộp thuế môn bài năm 2009	3338		1.000.000	369.416.961	
Cộng số phát sinh					132.594.000	13.894.091		
Số dư cuối kỳ							369.416.961	

Sổ này có 1 trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200...

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



TACA

Training And Coaching Accounting

Thank You!

Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

CÁC VẤN ĐỀ VỀ LƯƠNG, NHÂN SỰ, BẢO HIỂM

Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

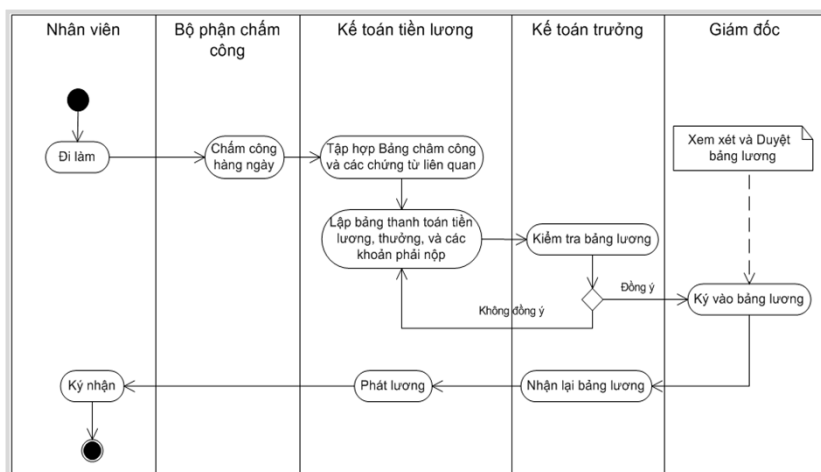
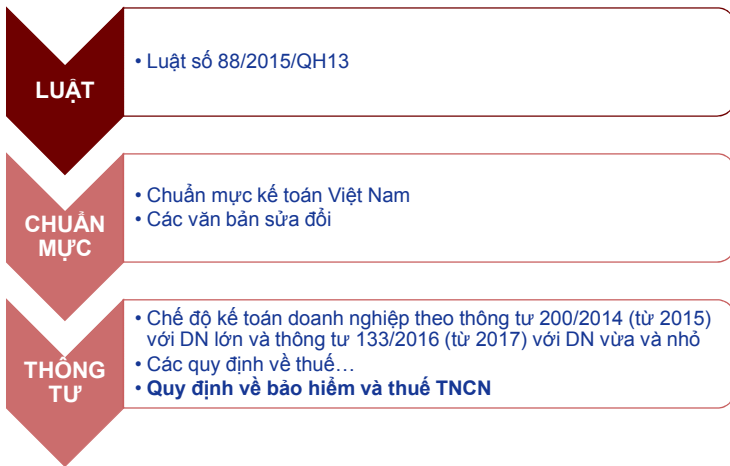


KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG

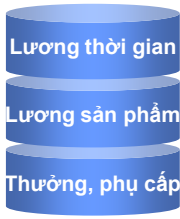
- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

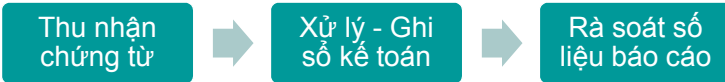
Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



Quy trình kế toán tiền lương



Thuế thu nhập cá nhân



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Chứng từ

- ❖ Bảng chấm công
- ❖ Phiếu xác nhận khối lượng công việc hoàn thành
- ❖ Bảng thanh toán tiền lương thêm giờ (Mẫu số: 06- LĐTL)
- ❖ Bảng thanh toán tiền thuê ngoài
- ❖ Bảng kê trích nộp các khoản theo lương
- ❖ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- ❖ Thông báo đóng bảo hiểm
- ❖ Bảng thanh toán lương
- ❖ Bảng kê tiền thưởng...

Đơn vị:
Mã số: 09-LĐTL
(theo hình thức đơn GQ số 1/2009/QĐ-BTC ngày 20/01/2009 của Bộ trưởng/BTC)

Họ và tên:

BẢNG CHẤM CÔNG
Tháng: năm:

STT	Họ và tên		Ngày bắt đầu làm việc (đầy đủ các số)	Ngày trong tháng							Quy mô công việc		
	A	B		C	1	2	3	31	Số công việc trong tháng (theo phần)	Số công việc trong tháng (theo giờ)	100%	Số công việc trong tháng (theo giờ)	Số công việc trong tháng (theo giờ)
A	B	C		1	2	3	31	32	33	34	35	36	
Tổng													

Ngày tháng năm
Người được cấp:

Đơn vị:
Mã số: 01-LĐTL
(theo hình thức đơn GQ số 1/2009/QĐ-BTC ngày 20/01/2009 của Bộ trưởng/BTC)

Họ và tên:

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng: năm:

STT	Họ và tên		Số tiền	Các khoản phải trả và nợ												Kỳ II được trả						
	A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		13	14	15	16	17	C
A	B	C		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	C	
Tổng																						

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng:

Các hình thức của hợp đồng lao động:

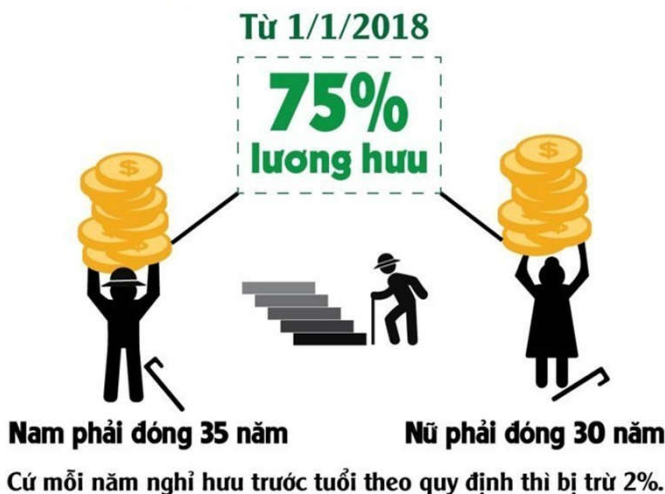
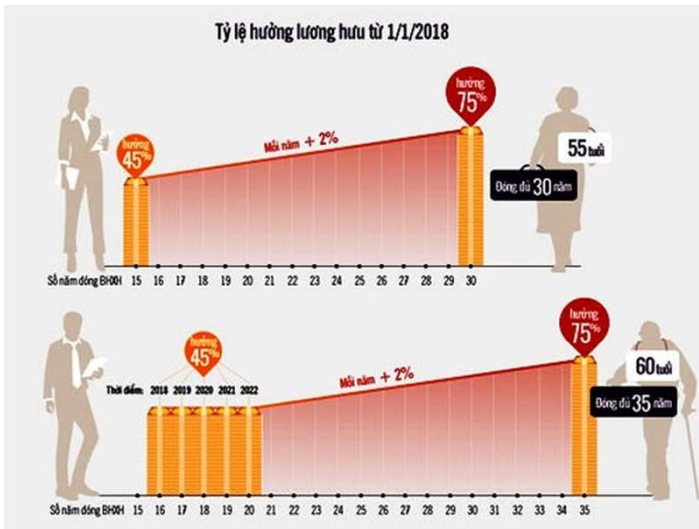
- ❑ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: Không xác định thời điểm chấm dứt hiệu lực
- ❑ Hợp đồng lao động xác định thời hạn: Xác định thời hạn hiệu lực của hợp đồng từ đủ 12 tháng đến 36 tháng (Tự động chuyển thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn nếu vẫn lao động và không ký kết hợp đồng mới) – Chỉ được ký kết tối đa 02 lần
- ❑ Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng (Tự động chuyển thành hợp đồng lao động thời hạn là 24 tháng nếu vẫn lao động và không ký kết hợp đồng mới)

Thử việc:

- Người sử dụng lao động và người lao động có thể thoả thuận về việc làm thử, quyền, nghĩa vụ của hai bên trong thời gian thử việc. Nếu có thoả thuận về việc làm thử thì các bên có thể giao kết hợp đồng thử việc.
- Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó.
- Thời gian thử việc căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm các điều kiện sau đây:
 1. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên;
 2. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ.
 3. Không quá 6 ngày làm việc đối với công việc khác.

- ❖ Đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm :
 - ❖ - Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng; từ 01 tháng đến dưới 03 tháng.
 - ❖ - Tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định tại Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH





Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q. Tây Hồ, Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Tháng 1 Năm 2009

STT	Họ và tên	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp	Công hệ số	Số công	Lương bình quân / 1 Công	Tổng tiền lương & Phụ cấp	Khoản trừ BHXH 6%	Lương thực lĩnh	Kỳ nhận
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8	9	10=8-9	11
1	Lê Mỹ Duyên				176	14205	2.700.000	162.000	2.538.000	
2	Nguyễn Thị Lan				176	10795	2.100.000	126.000	1.974.000	
3	Nguyễn Văn Bình				176	8523	1.600.000	96.000	1.504.000	
4	Nguyễn Văn Nam				176	11364	2.100.000	126.000	1.974.000	
5	Phạm Minh Quang						5.000.000	300.000	4.700.000	
6	Phạm Văn Minh				176	13068	2.400.000	144.000	2.256.000	
7	Trần Đức Chi				176	11932	2.300.000	138.000	2.162.000	
8	Tạ Nguyệt Phương						4.500.000	270.000	4.230.000	
	Cộng						22.700.000	1.362.000	21.338.000	

Ngày in : 04/02/2009

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

❖ Từ năm 2014:

	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Cộng
Tính chi phí	18	3	2	1	24
Trừ vào lương	8	1,5	0	1	10,5

❖ LƯU Ý TỪ 01/06/2017:

	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Cộng
Tính chi phí	17.5	3	2	1	23.5
Trừ vào lương	8	1,5	0	1	10,5

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

- ❖ Thuế TNCN = (Lương và các khoản khác - Bảo hiểm bắt buộc - Giảm trừ gia cảnh) x Thuế suất
 - Các khoản khác không gồm phụ cấp ăn trưa, công tác... theo quy định
 - Giảm trừ gia cảnh: 9 triệu đồng/cá nhân + 3,6 triệu đồng/1 người phụ thuộc
 - Biểu thuế suất lũy tiến từng phần (Cách 2 hay sử dụng)

Giảm trừ gia cảnh: - Bản thân 9 triệu đồng/tháng
- Người phụ thuộc: 3,6 triệu đồng/người/tháng



Đặc	Thu nhập tính thuế /tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trđ)	5%	0 trđ + 5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trđ đến 10 trđ	10%	0,25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ	10% TNTT - 0,25 trđ
3	Trên 10 trđ đến 18 trđ	15%	0,75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ	15% TNTT - 0,75 trđ
4	Trên 18 trđ đến 32 trđ	20%	1,95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ	20% TNTT - 1,65 trđ
5	Trên 32 trđ đến 52 trđ	25%	4,75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ	25% TNTT - 3,25 trđ
6	Trên 52 trđ đến 80 trđ	30%	9,75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ	30% TNTT - 5,85 trđ
7	Trên 80 trđ	35%	18,15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ	35% TNTT - 9,85 trđ

- ❖ Trong năm tính thuế, Cá nhân X1 là người Việt Nam có 2 người phụ thuộc đủ điều kiện được giảm trừ có tài liệu thu nhập như sau:
 - Thu nhập từ tiền lương 1,2 tỷ đồng. Trong đó, tiền lương được trả tăng thêm do làm thêm giờ: 300 trđ (Tại mức 150% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường)
 - Phụ cấp độc hại: 100 trđ
 - Tiền thưởng tăng năng suất lao động: 250 trđ
 - Lương tháng thứ 13: 240 trđ
 - Đã đóng góp quỹ ủng hộ đồng bào lụt qua Đài truyền hình Việt Nam: 10 trđ
 - Phí bảo hiểm bắt buộc đã nộp 100 trđ
 - Được nhận giải thưởng sáng tạo kỹ thuật Quốc gia trị giá 20 trđ
 - Trong năm đi công tác ở nước ngoài, tiền công tác phí là 60 trđ
- ❖ *Xác định nghĩa vụ thuế TNCN của ông A?*
- ❖ *Xác định lại nghĩa vụ thuế của ông A nếu*
 - Khoản phụ cấp độc hại thực chất là khoản phụ cấp chức vụ
 - Khoản phụ cấp độc hại thực chất là khoản phụ cấp tiền ăn trưa
 - Khoản đóng góp ủng hộ đồng bào thông qua cá nhân có uy tín
 - Giải thưởng nhận được là Giải Khoa học công nghệ theo chương trình của Tổ chức phi chính phủ phát động

- ❖ Phải có chứng từ thanh toán theo quy định
- ❖ Phải quy định về điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính

- Lương của chủ DNTN, TNHH MTV do 1 cá nhân làm chủ
- Chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 5 (năm) triệu đồng/người/năm.
- Chi đào tạo
 - ❖ Tiền lương của doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm xã hội?
 - ❖ Lương phải trả cho những ngày nghỉ phép?
 - ❖ Lương phải trả cho ngừng sản xuất
 - ❖ Lương của nhân viên thời vụ không có hợp đồng lao động
 - ❖ Lương của chồng là giám đốc công ty cổ phần do vợ là chủ sở hữu
 - ❖ Chi phí tiền lương làm thêm giờ
 - ❖ Lương của chuyên gia người nước ngoài do công ty mẹ
 - ❖ Tiền thưởng cá nhân có thành tích đột xuất
 - ❖ Tiền thưởng Tết
 - ❖ Tiền thưởng cho con người lao động đạt giải Quốc gia

- ❖ Công tác phí trả cho người lao động đi biệt phái dài hạn
- ❖ Chi phí bảo hiểm và thuế TNCN trả thay cho người lao động của lương NET?
- ❖ Mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động
- ❖ Mua bảo hiểm sức khỏe cho gia đình người lao động?
- ❖ Chi phí đi du lịch?
- ❖ Chi phí cho người lao động đi học thạc sỹ
- ❖ Chi phí mua trang phục bảo hộ lao động 20 triệu đồng/người/năm
- ❖ Chi phí vé máy bay đi công tác nhưng thanh toán qua tài khoản cá nhân và hoàn trả cá nhân bằng tiền mặt

Tính lương

Nợ TK 6xx: Số lương, thưởng thực chi của từng bộ phận
 Nợ TK 353, 421: Trường hợp thưởng đột xuất
 Nợ TK 1388, 112....: Có thông báo, được chuyển tiền bảo hiểm của người lao động được hưởng do bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chi trả

Có TK 334

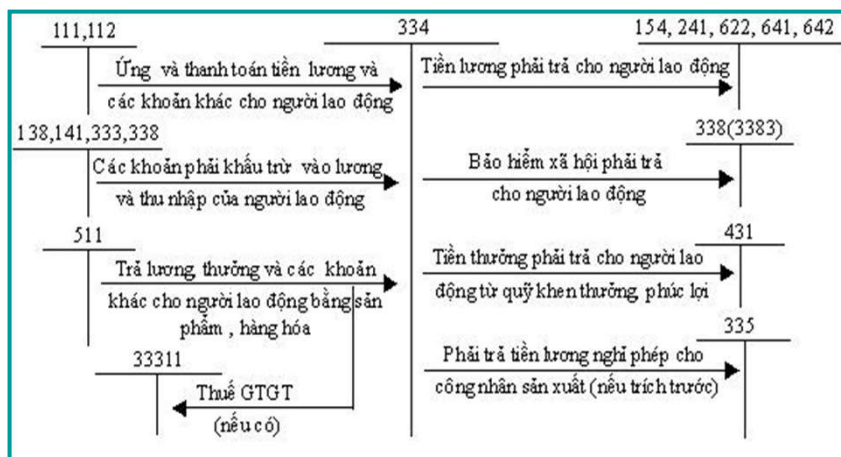
Tính vào chi phí

Nợ TK 6xx:– Phần phí công ty chịu
 Có TK 3382: Số kinh phí công đoàn
 Có TK 3383: Số bảo hiểm xã hội
 Có TK 3384: Số bảo hiểm y tế
 Có TK 3386: Số bảo hiểm thất nghiệp

Trừ lương

Nợ TK 334: Phần trừ vào lương người lao động
 Có TK 3383: Số bảo hiểm xã hội
 Có TK 3384: Số bảo hiểm y tế
 Có TK 3386: Số bảo hiểm thất nghiệp

- ❖ Bút toán trả lương và trả bảo hiểm:
 - Nợ TK 334, 338x/ Có TK 111, 112, 141, 311...
- ❖ Trường hợp khác: Nợ TK 334
 - Do làm mất mát: Có TK 1381, 1388
 - Trả lương bằng sản phẩm: Có TK 511, Có TK 3331 (Đồng thời ghi giá vốn)
 - Thu hộ thuế TNCN: Có TK 3335
 - Trả bằng cổ phiếu doanh nghiệp: Có TK 421



338(3382,3383,3384,3386)

334

BH phải trả cho
NLĐ trong kỳ →

622,627,641,642...

Trích theo tiền lương
do **DN** chịu →

111,112

Nộp BH, chi KPCĐ →

334

Trích theo tiền lương do
người lao động chịu →

❖ Doanh nghiệp A, kỳ kế toán N, ĐVT: tr đồng

Bộ phận	Lương tính BH	Lương s.phẩm	Phụ cấp
Phân xưởng SX	50	12	10
Quản lí phân xưởng	30	0	5
Hành chính	8	0	2
Kinh doanh	15	20	5
Kỹ thuật	10	0	5
Kế toán	12	0	5
Bán hàng	20	14	5
Ban lãnh đạo	80	20	20

- ❖ Chuyển khoản thanh toán 80% lương và 100% các khoản cho toàn DN. Số còn lại chi trả bằng hàng hóa.
- ❖ Khấu trừ vào lương nhân viên
 - Phòng kinh doanh tiền điện và nước 4,5 trđ
 - Giám đốc A tiền tạm ứng còn thừa: 15 trđ
 - Phòng kỹ thuật: 2 trđ do làm mất dụng cụ (tháng trước chưa tìm ra nguyên nhân)
- ❖ BHXH chi cho 1 nhân viên kế toán nghỉ sinh: 4 trđ
- ❖ Chi thường đột xuất cho cán bộ phòng hành chính: 2 trđ bằng LN giữ lại
- ❖ Trích trước lương bộ phận sản xuất tháng 7: 40 trđ. Trong tháng thực phát sinh là 60 trđ.



Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"

QUY TRÌNH MUA HÀNG VÀ NỢ PHẢI TRẢ



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN MUA HÀNG

- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

LUẬT

- Luật số 88/2015/QH13

CHUẨN MỰC

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam – VAS 02 Hàng tồn kho
- Các văn bản sửa đổi

THÔNG TƯ

- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014 (từ 2015) với DN lớn và thông tư 133/2016 (từ 2017) với DN vừa và nhỏ
- Các quy định về thuế...

Ghi nhận thông tin liên quan đến hàng mua:

- Mua các tài sản nhập kho (NVL, CCDC...)
- Mua tài sản cố định
- Mua dịch vụ

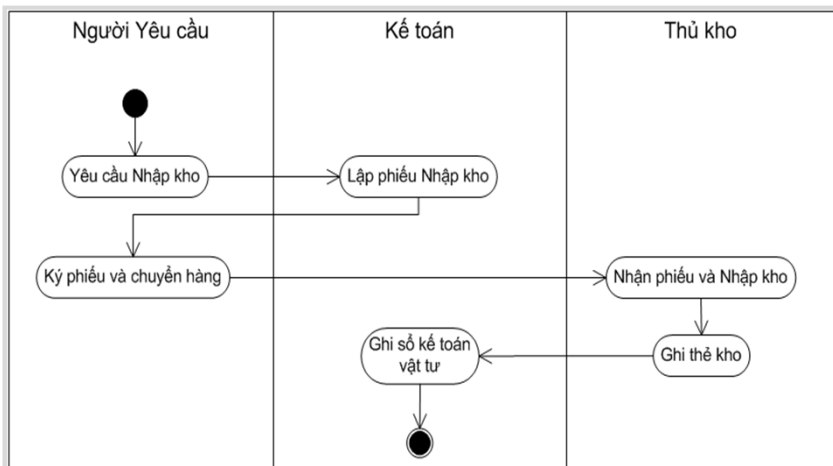
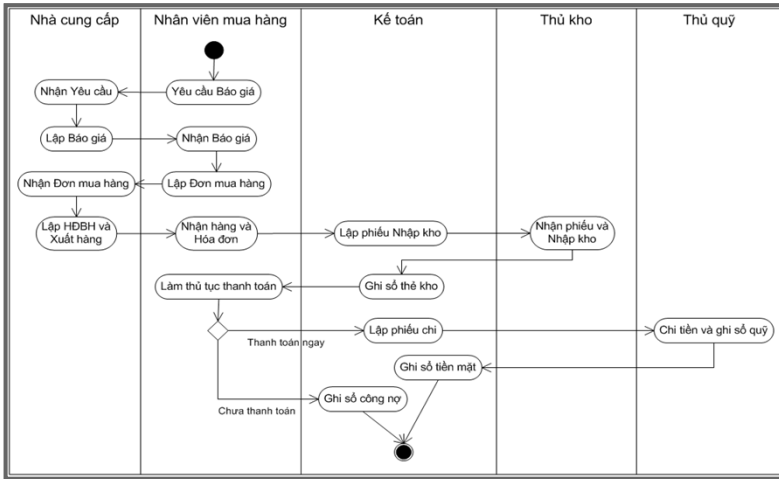
Thu nhận chứng từ



Xử lý - Ghi sổ kế toán



Rà soát số liệu báo cáo



Chứng từ

Đơn vị: _____ Mẫu số: 02-VT
(theo hình thức theo QĐ số 1/2009/QĐ-BTC ngày 20/03/2009 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO Họ: _____
Ngày: ... tháng ... năm ... Số: _____ Chi: _____

- Số hóa người nhận hàng: _____ Địa chỉ (bộ phận): _____
- Lý do xuất kho: _____
- Xuất tại kho (ngày 10): _____ Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất và số, đơn vị, địa điểm, hàng hóa			Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
	A	B	C		D	1		
Tổng								

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): _____
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____ Ngày: ... tháng ... năm ...

Người lập phiếu: _____ Người nhận hàng: _____ Thủ kho: _____ Kế toán trưởng: _____ Giám đốc: _____
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)

Đơn vị: _____ Mẫu số: 02-VT
(theo hình thức theo QĐ số 1/2009/QĐ-BTC ngày 20/03/2009 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO Họ: _____
Ngày: ... tháng ... năm ... Số: _____ Chi: _____

- Số hóa người giao: _____
- Theo số ngày tháng năm của: _____
- Nhập tại kho: _____ Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất và số, đơn vị, địa điểm, hàng hóa			Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
	A	B	C		D	1		
Tổng								

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): _____
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____ Ngày: ... tháng ... năm ...

Người lập phiếu: _____ Người giao hàng: _____ Thủ kho: _____ Kế toán trưởng: _____ Giám đốc: _____
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)
(Chữ, họ tên)

❖ Chứng từ nhập kho:

- Vật tư mua ngoài: Hóa đơn, biên bản bàn giao, phiếu bảo hành...
- Vật tư tự sản xuất: Phiếu nhập kho; biên bản nghiệm thu, phiếu kế toán tổng hợp; hóa đơn...

❖ Chứng từ xuất kho

- Phiếu xuất kho, lệnh điều động nội bộ...
- Hóa đơn đầu ra

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Kiểm tra bộ chứng từ

- ❖ Các thông tin cần kiểm tra**
 - Thông tin về doanh nghiệp
 - Thông tin về hàng hóa mua, số tiền
 - Dấu và chữ ký trên hóa đơn
- ❖ Các chứng từ đi kèm**
 - Chứng từ chứng minh
 - Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt với hóa đơn có giá trị cả thuế từ 20 triệu trở lên
- ❖ Đọc quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế**
- ❖ Hoàn thiện hồ sơ với một số trường hợp**

TTP **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Mẫu số: 01GTKT3/001
Lần 1: Lưu Kỳ hiệu TP/13P Số: 0000016
Ngày: 13 tháng 12, năm 20 13

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA TÂN THỊNH PHÁT**
Mã số thuế: 0 3 1 1 4 7 5 4 2
Địa chỉ: 172/194/9 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 5432 1198 Fax: (08) 5432 1455
Số tài khoản: 060043716266 tại NH Sacombank - PGD Hân Hải Nguyễn

Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY MINH HUY**
Mã số thuế: 0 3 1 0 6 3 4 9 0 5
Địa chỉ: 87/32 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân - Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Màng công nghiệp	kg	416	37.500	15.600.000
Tổng cộng:					15.600.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.560.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.160.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) _____ Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) _____

985.611.911 – 0941.611.911

Ghi Nợ

- Tài khoản chi phí – Nếu hóa đơn chi phí dùng ngay
- Tài khoản tài sản
 - TK Hàng tồn kho (TK 152, 153, 156) – Nếu là hàng nhập kho
 - TSCĐ (TK 211, 213...) – Nếu là tài sản cố định (*)
 - Chi phí trả trước (TK 242) – Nếu hóa đơn chi phí, tài sản dùng cho nhiều kỳ tiếp theo

Đồng thời, nếu mua hàng có hóa đơn GTGT thì thuế GTGT được khấu trừ ghi Nợ Tài khoản thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)

Ghi Có

- Tài khoản nợ phải trả (TK 331...) - Nếu chưa thanh toán
- Tài khoản tiền (TK 111, 112) - Nếu đã thanh toán



Căn cứ phiếu nhập

- o Mua ngoài, nhập khẩu
- o Hàng đang đi đường
- o Ghi nhận giá tạm tính
- o Trao đổi
- o Nhận vốn góp
- o Phế liệu thu hồi
- o Kiểm kê, Kiểm nhận HTK phát hiện thừa

Dư NỢ cuối kỳ: Số hiện có

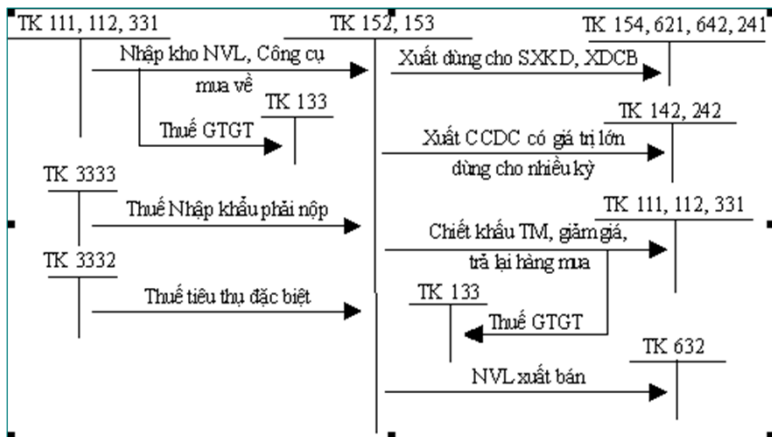
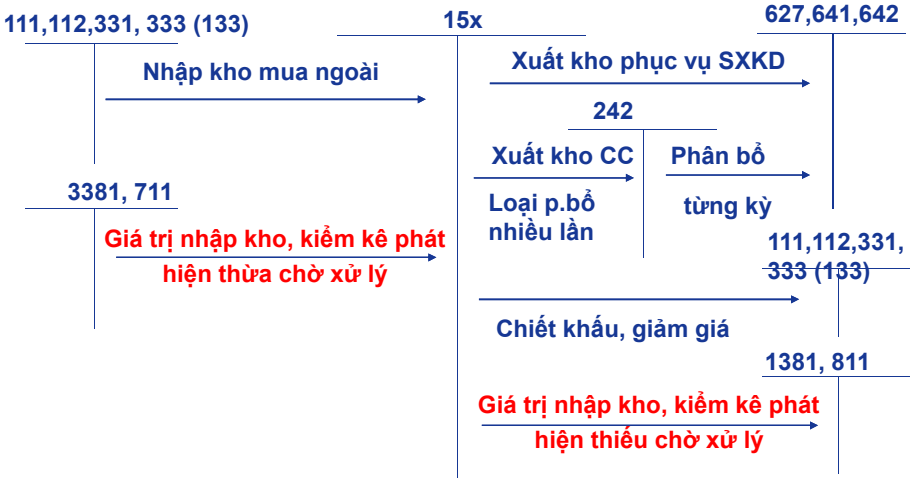
Căn cứ phiếu xuất

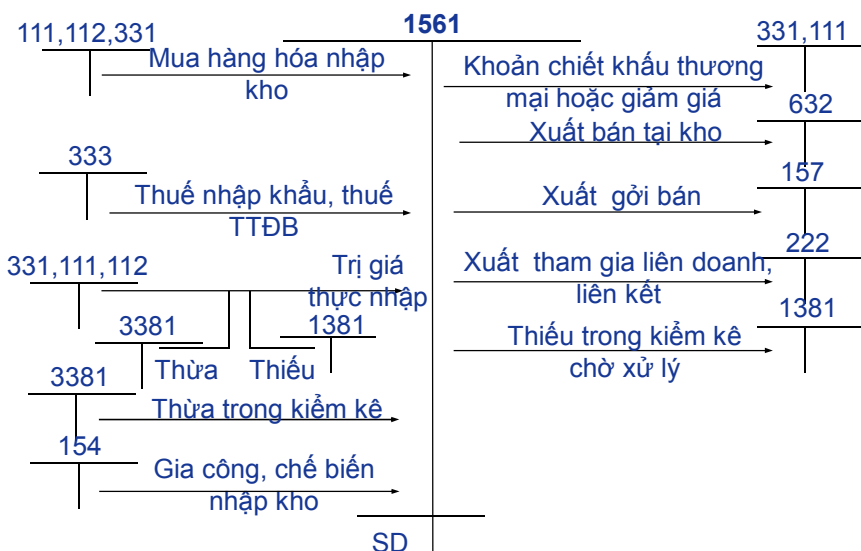
- o Sử dụng NVL
- o Sử dụng CCDC (các trường hợp)
- o Bán hàng
- o Đưa đi góp vốn vào cty con
- o Mua lại phần vốn góp?
- o Trao đổi
- o Kiểm kê phát hiện thiếu

Lưu ý: PP KCTX và KKĐK

Nguyên vật liệu: TK 152
 Công cụ, dụng cụ: TK 153
 Chi phí sản xuất dở dang: TK 154
 ...

} Theo kho
 } Theo mã vật tư





- ❖ Giả sử các nghiệp vụ sau đều có hóa đơn GTGT 10% chưa trả tiền cho người bán
 - Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu nhập kho hàng?
 - Chi phí nhân công của bên thứ ba phục vụ công trình (tập hợp trên TK 154)
 - Chi phí sửa chữa máy phát điện
 - Chi phí thuê máy xúc
 - Chi phí mua tủ điện
 - Chi phí thuê thầu phụ một phần công trình
 - Chi phí mua hàng hóa xuất bán thẳng
 - Chi phí mua máy xúc lật
 - Chi phí tiền điện, tiền nước cho sản xuất và cho văn phòng
 - Chi phí văn phòng phẩm
 - Chi phí ngân hàng
 - Chi phí tiếp khách

- ❖ Mua nguyên vật liệu theo HĐ GTGT chưa trả tiền cho người bán
 - Giá chưa thuế: 1000 cái x 1 trđ/cái, VAT 10%
- ❖ Phiếu nhập hàng hóa theo hóa đơn bán hàng chưa trả tiền cho người bán
 - Giá trị hàng mua: 2000 cái x 100.000đ/cái
 - Chi phí vận chuyển hàng mua: 500.000 đ
- ❖ Xuất kho 500 cái NVL cho công trình
- ❖ Chi tiền mặt mua đồ điện xuất cho công trình theo hóa đơn GTGT 30 triệu, VAT 10%

- ❖ Định khoản các ví dụ tính giá nhập và xuất kho?
- ❖ Doanh nghiệp A, kỳ kế toán 2x13, ĐVT: đồng
- ❖ Tồn đầu kỳ: 1000 lít xăng (trị giá trên sổ kế toán 22 500 000 đồng)
- ❖ Trong kỳ:
 - Mua nhập kho chưa thanh toán: 500 lít, giá chưa thuế GTGT 21000 đ/l
 - Tài sản cố định nguyên giá 100 trđ, khấu hao 5 năm. Đã khấu hao 4 năm nên không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định
 - Tình chế xăng hoàn thành nhập kho 200 lít giá mua thô là 18000đ/l, chi phí chế biến là 2 triệu đồng
- ❖ Nhập kho xăng số lượng 510 cái; vòi bơm 320 cái đơn giá chưa có thuế: 110 nghìn đồng và 520 nghìn đồng chưa trả tiền. Lô hàng này thuê bên thứ 3 vận chuyển đã thanh toán tiền mặt 17, 43 triệu đồng (Trong đó VAT 5%). Chi phí vận chuyển phân bổ theo số lượng
- ❖ Xuất kho 100 cái xăng và 120 cái vòi bơm (dùng 2 năm) cho hoạt động sản xuất 80% và cho hoạt động bán hàng số còn lại
- ❖ Xuất bán 200 xăng và 100 vòi bơm bán. Biết thặng dư thương mại xăng là 20%, vòi bơm 15

- ❖ **Đổi chiều giữa tài khoản và sổ dự kho**
- ❖ Định kỳ, kế toán và thủ kho đổi chiều sổ kế toán với thẻ kho → Biên bản kiểm kê kho
- ❖ Nếu có sự khác biệt với sổ kế toán:
 - Thẻ kho > sổ kế toán: Nợ TK 15x/Có TK 3381
 - Sổ ngân hàng < thẻ kho: Nợ TK 1381/ Có TK 15x
- ❖ Xử lý sổ khác biệt:
 - Nợ TK 3381/ Có TK 3388 hoặc Có TK 711
 - Nợ TK 1388 hoặc Nợ TK 811 hoặc 632/ Có TK 1381

- ❖ Sai lệch công nợ phải trả :
- ❖ - Căn cứ chứng từ mua bán, thanh toán gốc, đổi chiều hai bên để phát hiện sai lệch.
- ❖ - Định kỳ, có biên bản chốt công nợ với nhà cung cấp.
- ❖ Trả trước tiền hàng (Dự nợ 331):
 - ❖ - Phải có hợp đồng , thỏa thuận đặt hàng, ghi rõ điều kiện ứng trước tiền hàng và thời hạn giao hàng.

- ❖ Dư nợ 331 quá lớn :
- ❖ - Kiểm tra lại hợp đồng về điều khoản thanh toán.
- ❖ Luật thuế GTGT, TNDN quy định đối với hóa đơn trên 20tr phải TT qua ngân hàng mới được ghi nhận chi phí và khấu trừ thuế GTGT.
- ❖ Trường hợp cuối năm, chưa thanh toán phải kiểm tra để điều chỉnh thuế GTGT đã kê khai.(
Hạn thanh toán : Căn cứ vào Hợp đồng)

- ❖ Doanh nghiệp A, kỳ năm 2x17, ngày 31/12
- ❖ Tồn kho theo sổ:
 - NVL X: 700 kg, đơn giá 100 nđ
 - Công cụ dụng cụ Y: 700 cái, đơn giá 200 nđ
- ❖ Kiểm kê
 - NVL X: 720 kg
 - Công cụ dụng cụ Y: 650 cái
- ❖ Ước tính:
 - NVL X: giá bán 120 nđ, chi phí bán 10 nđ/sp
 - CCDC Y: giá bán 160 nđ, chi phí bán 5 nđ/sp
- ❖ Xử lí chênh lệch?

- Trình bày HTK trên BCTC: Có sự khác biệt khi sử dụng tài khoản HTK và trình bày về hàng tồn kho
 - Tái phân loại hàng hóa BĐS
- Bảng cân đối kế toán
 - “Hàng tồn kho” – mã số 141
 - “Dự phòng giảm giá HTK” – mã số 149
 - “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” – mã số 241
 - “Thiết bị,VT,PT thay thế...” – mã số 263
- Thuyết minh BCTC
 - Chính sách kế toán HTK
 - Mức dự phòng trích và hoàn nhập

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

Mẫu số : S03a3-DN
(Ban hành theo QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ MUA HÀNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng				
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 21 inches	1561	331	27.000.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 29 inches	1561	331	71.820.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 21 inches	1331	331	2.700.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 29 inches	1331	331	7.482.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1331	331	5.747.700
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1331	331	9.036.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1561	331	69.650.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1561	331	62.000.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	331	1561	1.173.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	331	1561	1.640.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU	1561	331	79.200.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU	1561	331	66.000.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU	1331	331	7.620.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU	1331	331	5.000.000
Tổng cộng						414.778.700

Số này có 1 trang đính số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ:

Người ghi số
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200...

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Tài khoản 331 Phải trả cho người bán

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_HALIEN	Công ty TNHH Hà Liên	331		80.900.000				80.900.000
CT_HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà	331		100.200.000	5.940.000	108.910.000		203.070.000
CT_LANTAN	Công ty TNHH Lan Tân	331				140.710.000		140.710.000
CT_VIETHA	Công ty Cổ phần Việt Hà	331				151.620.700		151.620.700
Tổng cộng				181.100.000	5.940.000	410.142.700		585.302.700

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TỔNG HỢP TỒN KHO

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mã kho: 156 Tên kho: Kho hàng hoá

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã nhóm vật tư HH Tên nhóm vật tư Hàng hoá											
1	DD_SAMSUNG E8	Điện thoại SAMSUNG E8		20	78.200.000					20	78.200.000
2	TL_TOSHIBA A110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít				14	96.600.000			14	96.600.000
3	TL_TOSHIBA A60	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít				12	44.400.000			12	44.400.000
4	TV_LGPHAN G19	Tivi LG 19 inches		10	24.400.000					10	24.400.000
Cộng (Mã nhóm vật tư)				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000
CÔNG: KHO HÀNG HOÀ				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000
TỔNG CỘNG:				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000

Ngày in 04/02/2009

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HOÁ TRÊN NHIỀU KHO
Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 13/01/2009

Mã kho	Ngày	Số	Loại	Địa điểm	Đơn giá	Nhập kho		Xuất kho		Tồn kho		
						Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Mã hàng			DD_SAMSUNGES	Tên hàng		Điện thoại SAMSUNG ES						
156	31/12/2008			(Số tiền đầu kỳ)						20	78.200.000	
Công suất hàng DD_SAMSUNGES trong kho 156											20	78.200.000
Tổng công suất hàng DD_SAMSUNGES											20	78.200.000
Mã hàng			TL_TOSHIBA110	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	6.900.000	14	96.600.000			14	96.600.000	
Công suất hàng TL_TOSHIBA110 trong kho 156											14	96.600.000
Tổng công suất hàng TL_TOSHIBA110											14	96.600.000
Mã hàng			TL_TOSHIBA60	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	3.700.000	12	44.400.000			12	44.400.000	
Công suất hàng TL_TOSHIBA60 trong kho 156											12	44.400.000
Tổng công suất hàng TL_TOSHIBA60											12	44.400.000
Mã hàng			TV_LOPHANG19	Tên hàng		Tivi LG 19 inches						
156	31/12/2008			(Số tiền đầu kỳ)						10	24.000.000	
Công suất hàng TV_LOPHANG19 trong kho 156											10	24.000.000
Tổng công suất hàng TV_LOPHANG19											10	24.000.000

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



QUY TRÌNH BÁN HÀNG VÀ NỢ PHẢI THU

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



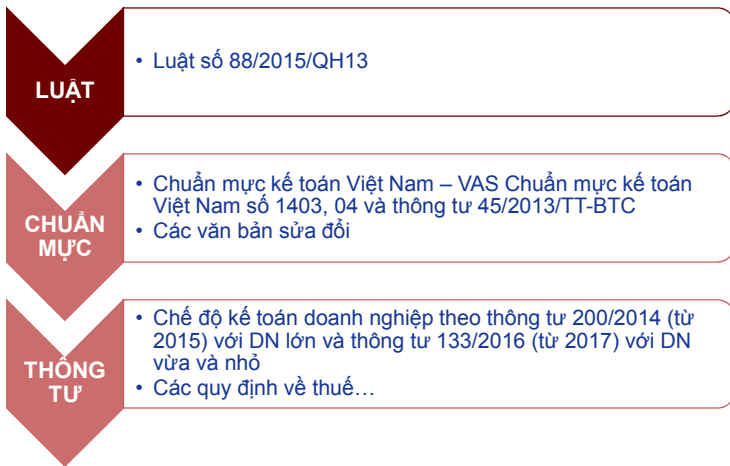
KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ NỢ PHẢI THU

- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

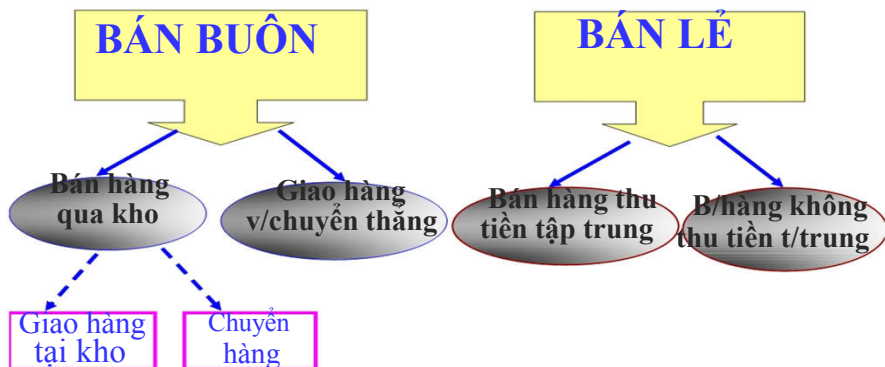
Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

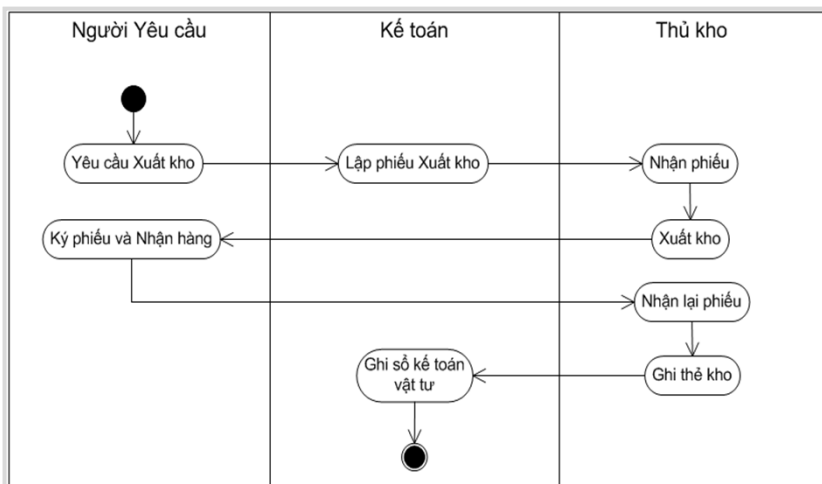
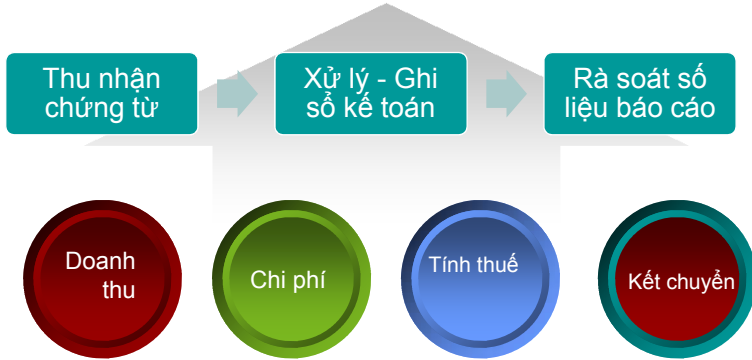


PHƯƠNG THỨC BÁN HÀNG

Phương thức giao hàng và thanh toán



Bán hàng và xác định KQKD



- ❖ **Kế toán doanh thu và các khoản giảm giá trị doanh thu bán hàng bao gồm:**
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
 - Bảng thanh toán hàng đại lí, kí gửi
 - Các chứng từ thanh toán
 - Chứng từ kế toán liên quan khác như phiếu nhập kho hàng tra lại...

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

TTP Mã số: 01657673/001
Mã số thuế: TP113P
Số: 0000016

Liên 1: Lưu
Ngày: 12 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHÀ TÂN THỊNH PHÁT**
Mã số thuế: 0311475542
Địa chỉ: 172/19/19 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 5432.1198 Fax: (08) 5432.1455
Số tài khoản: 065003716266 tại NH Sacombank - PGD Hẻm Hải Nguyễn

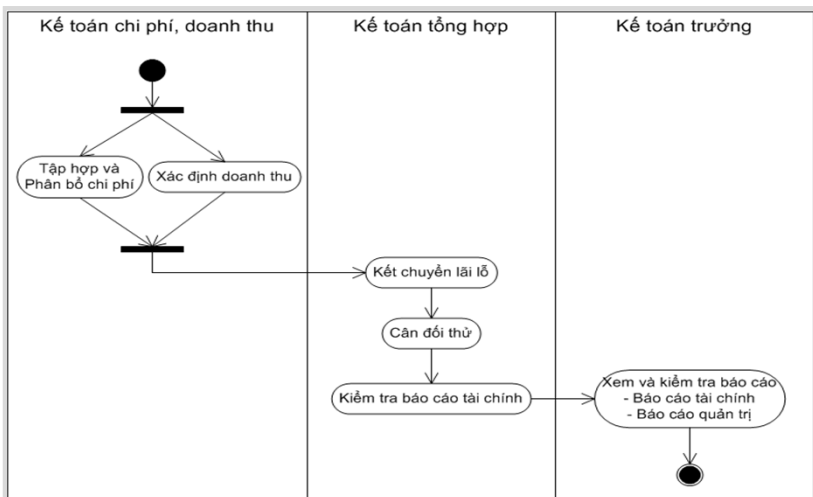
Họ tên người mua hàng: _____
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY MINH HUY**
Mã số thuế: 03110634905
Địa chỉ: 87/32 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Màng công nghiệp	kg	416	37.500	15.600.000
Tổng tiền hàng:					15.600.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.560.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.160.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng./

Người mua hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) _____
Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) _____



DT bán hàng

- (1) Chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích cho người mua;
- (2) Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc quyền kiểm soát
- (3) Xác định tương đối chắc chắn;
- (4) Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế
- (5) Xác định được chi phí liên quan

Doanh thu là tổng lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc bản chất hơn hình thức
- So với doanh thu tính thuế?



DT cung cấp dịch vụ

- (1) Được xác định tương đối chắc chắn;
- (2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế
- (3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành
- (4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch

❖ Kế toán doanh thu và thu nhập khác

TK 911, TK
giảm trừ DT

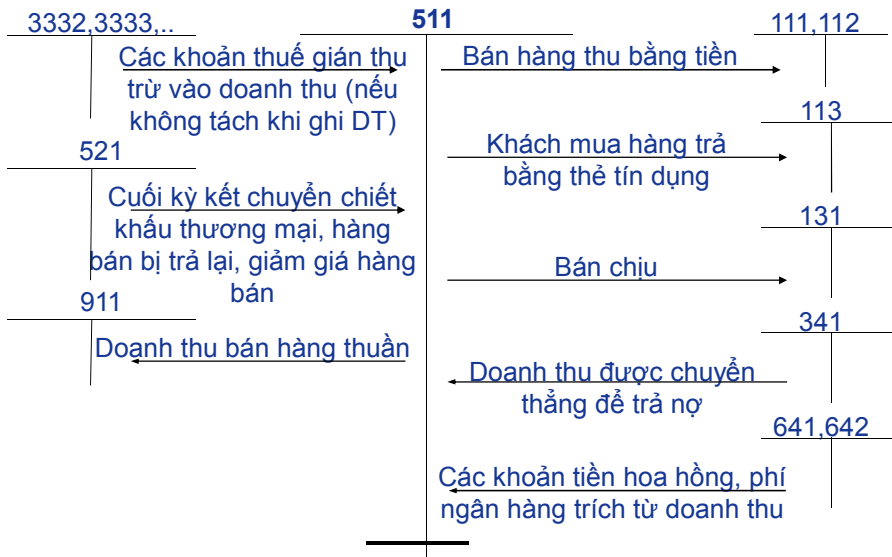
TK 511, TK 711

TK liên quan
(131, 11x...)

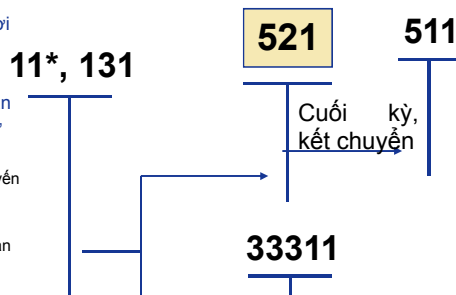
Căn cứ chứng từ giảm

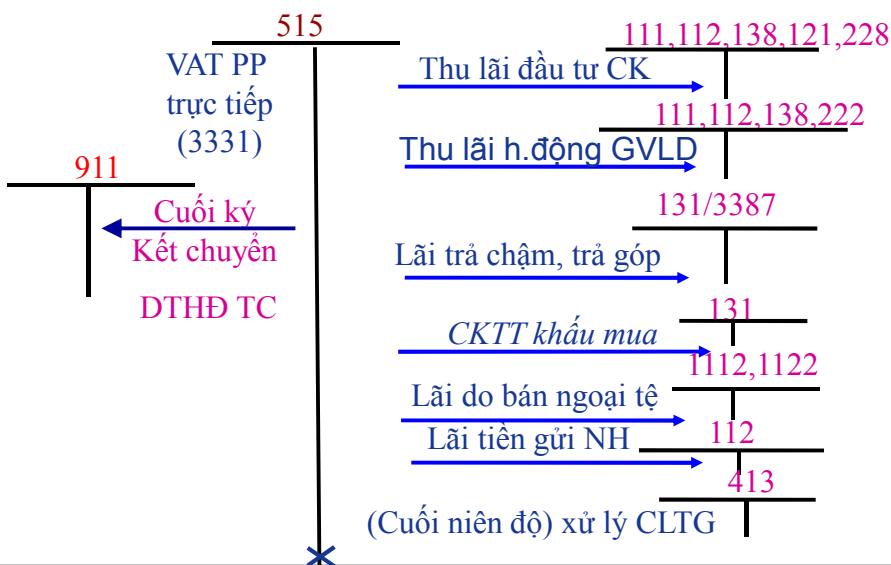
Căn cứ chứng từ tăng

KHÔNG CÓ SỐ DƯ



- ❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- ❖ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu
- ❖ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
 - Trường hợp khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mại khi mua sản phẩm hàng hóa (như mua 2 sản phẩm được tặng thêm 1 sản phẩm)
 - Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế
- ❖ **Chiết khấu thanh toán:** Là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Lưu ý chiết khấu thanh toán KHÔNG được xem là các khoản giảm trừ doanh thu)





Thu nhập khác

✓ Thu nhập khác theo kế toán

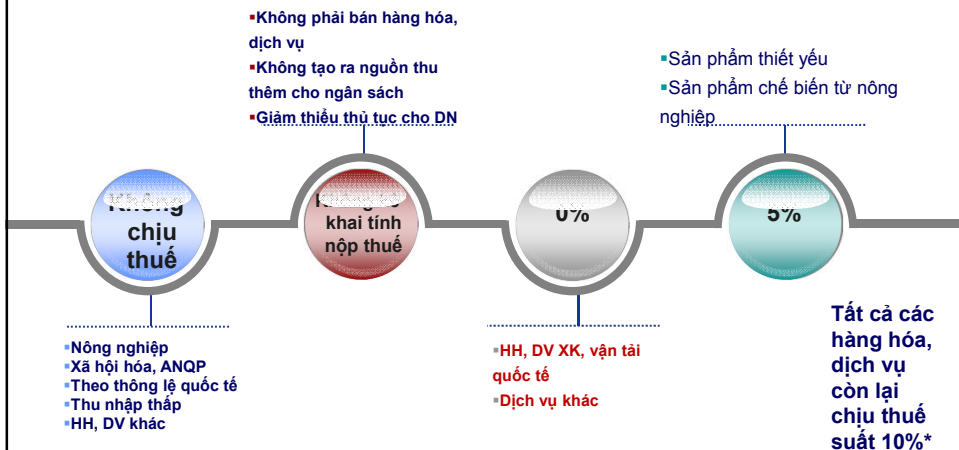
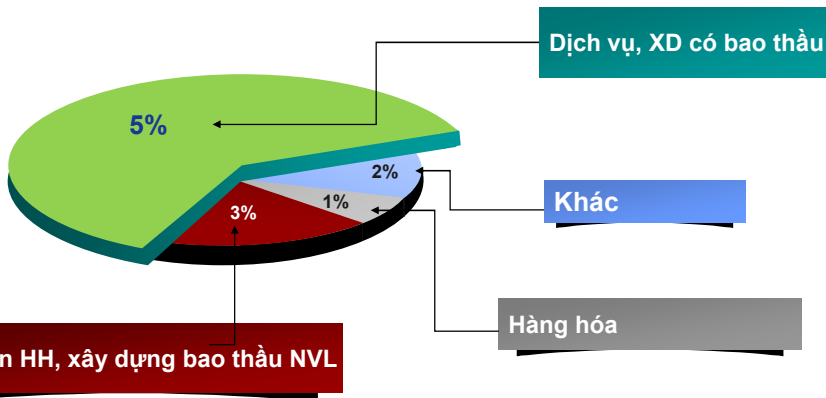
- ✓ Thanh lý tài sản, phế liệu sau khi trừ chi phí thanh lý
- ✓ Nợ phải trả không xác định được chủ nợ
- ✓ Chênh lệch giữa thu và chi về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế
- ✓ TN từ chuyển nhượng vốn, chứng khoán, BĐS, chuyển quyền, cho thuê tài sản
- ✓ Tài trợ, cho biểu tặng

✓ Thu nhập tài chính

- ✓ Từ lãi cho vay vốn
- ✓ Từ đầu tư tài chính trước khi nộp thuế TNDN

Các khoản thu nhập khác

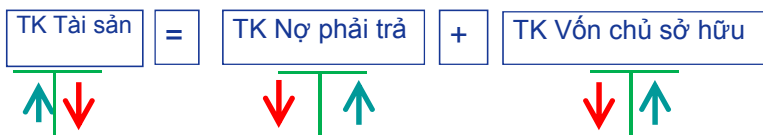




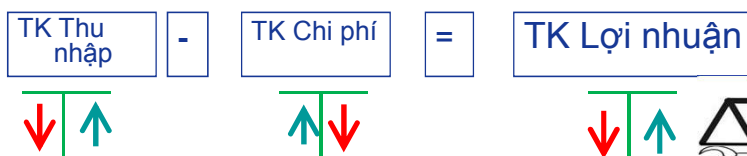
- ❖ Báo cáo tài chính (**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**)
- ❖ Tờ khai thuế GTGT
- ❖ Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

- ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ❖ Thuyết minh BCTC
 - Chính sách kế toán trong việc ghi nhận doanh thu (VD phương pháp xác định phần công việc đã hoàn thành khi cung cấp dịch vụ);
 - Doanh thu của từng loại giao dịch và sự kiện;
 - Doanh thu từ việc trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ theo từng loại hoạt động trên.
 - Thu nhập khác, trong đó trình bày cụ thể các khoản thu nhập bất thường.
& các thông tin liên quan khác đến chi phí.

Lập bảng cân đối kế toán:



Lập báo cáo kết quả kinh doanh



- ❖ **Doanh nghiệp A, kỳ kế toán 2x17, ĐVT: đồng**
- ❖ Mua 500 cái hàng hóa X chưa thanh toán: 50 tr, VAT 10% xuất thẳng cho đối tác gia công
- ❖ Tập hợp chi phí gia công là 10 triệu đồng, thuế GTGT 10% chưa thanh toán
- ❖ DN X nhập kho 200 sp, gửi bán đại lý 150 sp, gửi hàng mẫu không thu tiền 20 sp, bán buôn vận chuyển thẳng 100 sp, bán lẻ 30 sp. Giá bán lẻ là 200 nghìn, bán buôn hưởng CKTM 4%.
- ❖ Cuối kỳ đại lý đã tiêu thụ được 100 sp theo giá 250 nghìn. Số còn lại đại lý mua lại theo giá bán buôn và giá giảm trừ trực tiếp trên hóa đơn. Hoa hồng đại lý hưởng 2% cho số hàng bán được.
- ❖ Xuất kho 100 sản phẩm bán buôn, đã nhận tiền chuyển khoản được CKTT 2%.
- ❖ Khách hàng yêu cầu trả lại 20 sản phẩm do không đạt tc
- ❖ Số sản phẩm trả thay lương 30 sp và bán cho cán bộ 50 sp với giá 160 nghìn

- ❖ Nhận trước tiền gửi của người mua 50 tr.
- ❖ Ngân hàng ACB thông báo lãi trong kỳ: 2,5 tr
- ❖ Doanh nghiệp bị phạt vì phạm hợp đồng kinh tế phải bồi thường 20 tr
- ❖ Thanh lý máy: NG 100 tr, tuổi thọ 5 năm, đã dùng 4 năm. Giá bán là 30 tr
- ❖ Kiểm kê cuối năm thấy sản phẩm Y: 35 sp. Xử lí ngay số hàng thừa (Thiếu) vào thu nhập, chi phí
- ❖ Khấu hao máy phân bổ cho bộ phận bán hàng: 10 tr, cho QLDN: 10 tr
- ❖ Lương phải trả cho bộ phận KD: 20 tr, QLDN: 40 tr
- ❖ Chi tiếp khách, hội nghị chi TGNH: 30 tr
- ❖ Chi tổ chức quảng cáo quảng bá sp: 10 tr
- ❖ Tiền điện, nước phải trả chung cả DN trong kỳ là 45 tr, trong đó 5tr là tiền trả hộ nhân viên.
- ❖ Doanh nghiệp cho thuê nhà cửa nhận tiền trước cho 3 năm, tổng số tiền cả VAT 10% là 495 tr
- ❖ Thuế suất DN 20%
- Lập báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ?
- Lập tờ khai quyết toán thuế TNDN



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

LUẬT

- Luật số 88/2015/QH13

CHUẨN MỰC

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam – VAS 02 Hàng tồn kho
- Các văn bản sửa đổi

THÔNG TƯ

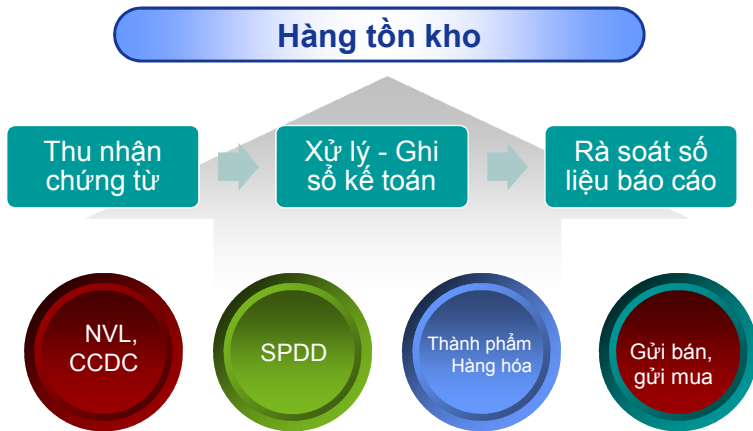
- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014 (từ 2015) với DN lớn và thông tư 133/2016 (từ 2017) với DN vừa và nhỏ
- Các quy định về thuế...

+ Chuẩn mực VAS 02 về HTK: Quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và PP kế toán HTK.

+ HTK bao gồm :

- Hàng hóa
- Thành phẩm
- SP dở dang
- NVL, CC-DC

=> Xác định 1 loại TS có phải là HTK của DN dựa vào mục đích sử dụng TS.



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Kiểm tra bộ chứng từ

- ❖ Các thông tin cần kiểm tra
 - Thông tin về doanh nghiệp
 - Thông tin về hàng hóa mua, số tiền
 - Dấu và chữ ký trên hóa đơn
- ❖ Các chứng từ đi kèm
 - Chứng từ chứng minh
 - Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt với hóa đơn có giá trị cả thuế từ 20 triệu trở lên
- ❖ Đọc quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào và ghi nhận chi phí được trừ cho mục đích thuế
- ❖ Hoàn thiện hồ sơ với một số trường hợp

TTP HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mã số: 016TKT3/001
 Liên 1: Lưu Ký hiệu: PP/13P
 Ngày: 13 tháng 12 năm 20 13 Số: 0000016

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA TÂN THỊNH PHÁT**
 Mã số thuế: 0311475542
 Địa chỉ: 172/194/9 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (08) 5432 1196 Fax: (08) 5432 1455
 Số tài khoản: 860943716266 tại NH Sacombank - PGD Hân Hải Nguyễn

Ko tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY MINH HUY**
 Mã số thuế: 031106314905 _____
 Địa chỉ: 87/32 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
 Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Màng công công nghiệp	kg	416	37.500	15.600.000
Cộng tiền hàng:					15.600.000
Thuế suất GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.560.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.160.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng./.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

0985.611.911 – 0941.611.911

Chứng từ

Đơn vị: _____ Mẫu số: 02-VT
(theo hình thức theo QĐ số 1/2008/QĐ-BTC ngày 20/03/2008 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO Số _____
Ngày: ... tháng ... năm ... Số _____
Số _____ Số _____

- Số và tên người nhận hàng: _____ Địa chỉ (bộ phận): _____
- Lý do xuất kho: _____
- Xuất tại kho (ngày 1/2): _____ Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, hàng hóa (cấp phân, hàng hóa)		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
	A	B					
Tổng cộng							

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): _____
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____ Ngày: ... tháng ... năm ...

Người lập phiếu: _____ Người nhận hàng: _____ Thủ kho: _____ Kế toán trưởng: _____ Giám đốc: _____
(chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên)

Đơn vị: _____ Mẫu số: 02-VT
(theo hình thức theo QĐ số 1/2008/QĐ-BTC ngày 20/03/2008 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO Số _____
Ngày: ... tháng ... năm ... Số _____
Số _____ Số _____

- Số và tên người giao: _____
- Theo số ngày tháng năm của: _____
- Nhập tại kho: _____ Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, hàng hóa (cấp phân, hàng hóa)		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
	A	B					
Tổng cộng							

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): _____
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____ Ngày: ... tháng ... năm ...

Người lập phiếu: _____ Người giao hàng: _____ Thủ kho: _____ Kế toán trưởng: _____ Giám đốc: _____
(chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên) (chữ, họ tên)

❖ Chứng từ nhập kho:

- Vật tư mua ngoài: *Hóa đơn, biên bản bàn giao, phiếu bảo hành...*
- Vật tư tự sản xuất: *Phiếu nhập kho; biên bản nghiệm thu, phiếu kế toán tổng hợp; hóa đơn...*

❖ Chứng từ xuất kho

- *Phiếu xuất kho, lệnh điều động nội bộ...*
- *Hóa đơn đầu ra*

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

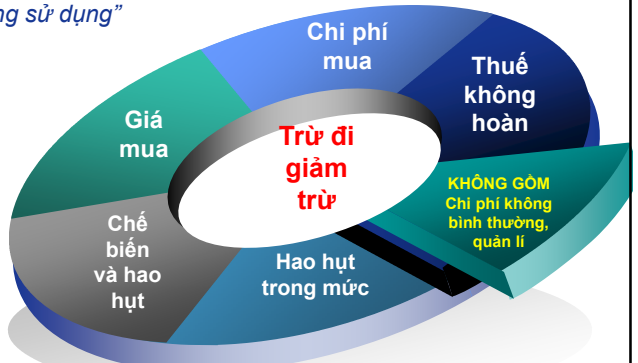


Nguyên tắc đánh giá

“Giá trị của tài sản được tính theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, bốc xếp, vận chuyển, lắp ráp, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng”

Lưu ý, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (NRV)

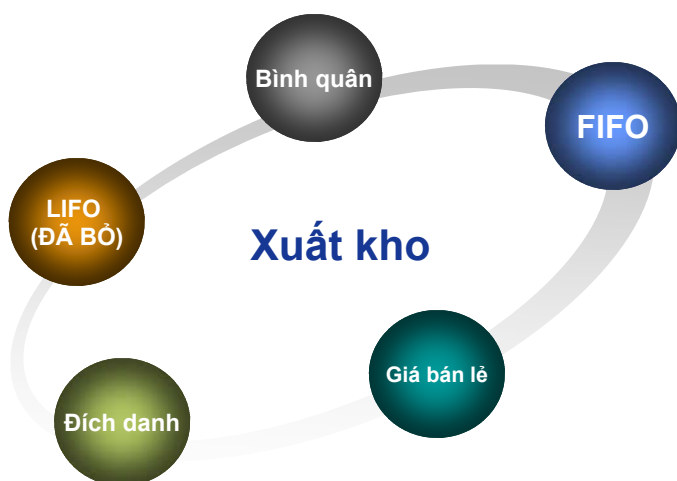
Giá trị thuần có thể thực hiện được của vật tư là giá ước tính của vật tư trong kỳ SXKD bình thường trừ đi các chi phí ước tính để hoàn chỉnh sản phẩm và chi phí ước tính phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm.



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

- ❖ Mua 100 bộ bàn ghế, 1trđ/bộ (VAT 10%)
- ❖ Chi phí vận chuyển về đến kho: 5 triệu đồng
- ❖ Do mua nhiều, doanh nghiệp được giảm giá chỉ còn 950 nghìn đồng/bộ
- ❖ Doanh nghiệp phải đem số bàn ghế này đi sơn bóng: 100 000/bộ
- ❖ Kiểm nhận lúc nhập kho 98 bộ đủ tiêu chuẩn (2 bộ hỏng) Hao hụt định mức 3%



- ❖ **PP LIFO (Nhập sau xuất trước) : đã bỏ**
- ❖ hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó.

- ❖ **PP bình quân gia quyền (tính giá trung bình)**
- Giá trị HTK được tính theo giá trị trung bình của HTK đầu kỳ và giá trị HTK mua vào hoặc sản xuất trong kỳ (giá trị thực tế /số lượng thực tế)
- Bình quân gia quyền mỗi lần nhập
- Bình quân gia quyền cả kỳ (năm; tháng; kỳ DN chọn)
- Ưu/nhược điểm :

- ❖ **PP giá đích danh :**
- ❖ Hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập của lô hàng đó để tính giá xuất.
- ❖ Đảm bảo chính xác cao nhất.
- ❖ Áp dụng : DN ít mặt hàng, HTK giá trị lớn, mặt hàng ổn định, HKT nhận diện dễ dàng.

- ❖ **PP FIFO (nhập trước xuất trước):**
- ❖ HTK được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và HTK còn lại cuối kỳ là HTK được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.
- ❖ Ưu : Xác định giá vốn kịp thời
- ❖ Nhược điểm :DT hiện tại có thể không phù hợp với giá vốn hiện tại tính.Hạch toán phức tạp.
- ❖ Áp dụng :mặt hàng mang tính xu hướng, có date (dược, mỹ phẩm)

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Bước 1	Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá bán lẻ	-		Doanh thu thuần	=		Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ theo giá bán lẻ
2								
3	Bước 2	Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá gốc	:		Trị giá hàng sẵn có để bán theo giá bán lẻ	=		Tỷ lệ giá gốc trên giá lẻ
4								
5	Bước 3	Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ theo giá bán lẻ	x		Tỷ lệ giá gốc trên giá lẻ	=		Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ theo giá gốc
6								
7	Ví dụ cách tính trị giá hàng tồn kho theo giá lẻ							
8					Theo giá gốc			Theo giá bán lẻ
9		Hàng tồn kho đầu kỳ			14.000			21.500
10		Hàng mua vào trong kỳ			<u>61.000</u>			<u>78.500</u>
11		Hàng sẵn có để bán			75.000			100.000
12		Trừ đi: Doanh thu thuần						<u>70.000</u>
14	Bước 1: Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ theo giá lẻ =							
15	Bước 2: Tỷ lệ giá gốc trên giá lẻ = 75.000 : 100.000 = 75%							
16	Bước 3: Ước tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ = 30.000 x 75% = 22.500							

- ❖ **Doanh nghiệp tồn kho đầu kỳ:** 1000 lít xăng (trị giá trên sổ kế toán 22.500.000 đồng)
- ❖ **Trong kỳ nhập kho:**
 - Ngày 4: 500 lít, giá 24 600đ/l
 - Ngày 16: 700 lít, giá 22900đ/l
- ❖ **Trong kỳ xuất kho:**
 - Ngày 10: 800 lít
 - Ngày 27: 1000 lít
- ❖ **Tính giá vật tư xuất kho theo các phương pháp?**

- ❖ **PP Kế khai thường xuyên**
- ❖ $Tồn\ cuối = Tồn\ đầu + nhập\ trong\ kỳ - xuất\ trong\ kỳ.$
- ❖ Theo dõi thường xuyên, có hệ thống.
- ❖ **PP kiểm kê định kỳ :**
- ❖ Không theo dõi liên tục. Chỉ phản ánh tồn đầu, tồn cuối, không phản ánh hàng xuất trong kỳ. (tk611)

Ghi Nợ

- Tài khoản chi phí – Nếu hóa đơn chi phí dùng ngay
- Tài khoản tài sản
 - TK Hàng tồn kho (TK 152, 153, 156) – Nếu là hàng nhập kho
 - TSCĐ (TK 211, 213...) – Nếu là tài sản cố định (*)
 - Chi phí trả trước (TK 242) – Nếu hóa đơn chi phí, tài sản dùng cho nhiều kỳ tiếp theo

Đồng thời, nếu mua hàng có hóa đơn GTGT thì thuế GTGT được khấu trừ ghi Nợ Tài khoản thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)

Ghi Có

- Tài khoản nợ phải trả (TK 331...) - Nếu chưa thanh toán
- Tài khoản tiền (TK 111, 112) - Nếu đã thanh toán



Căn cứ phiếu nhập

- Mua ngoài, nhập khẩu
- Hàng đang đi đường
- Ghi nhận giá tạm tính
- Trao đổi
- Nhận vốn góp
- Phế liệu thu hồi
- Kiểm kê, Kiểm nhận HTK phát hiện thừa

Căn cứ phiếu xuất

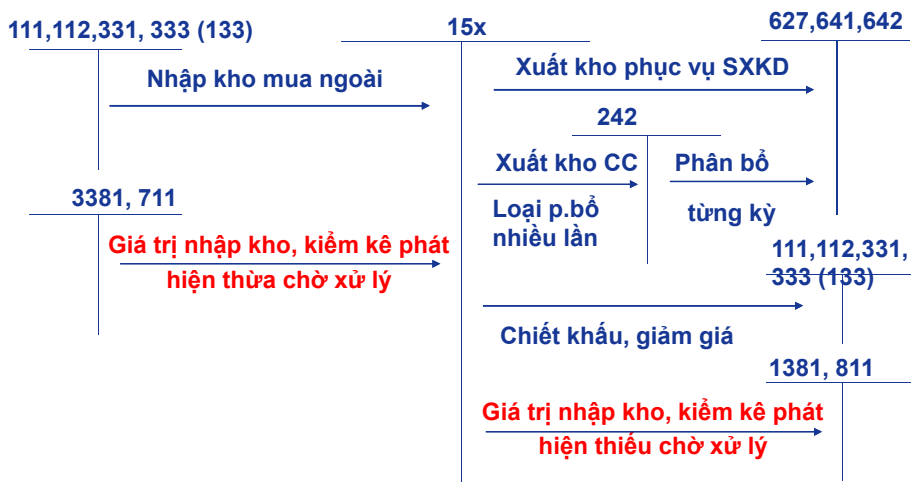
- Sử dụng NVL
- Sử dụng CCDC (các trường hợp)
- Bán hàng
- Đưa đi góp vốn vào cty con
- Mua lại phần vốn góp?
- Trao đổi
- Kiểm kê phát hiện thiếu

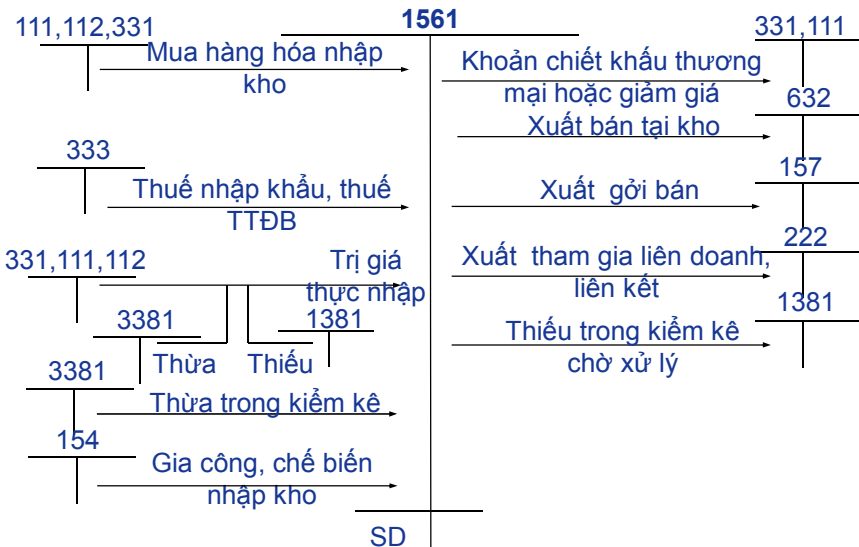
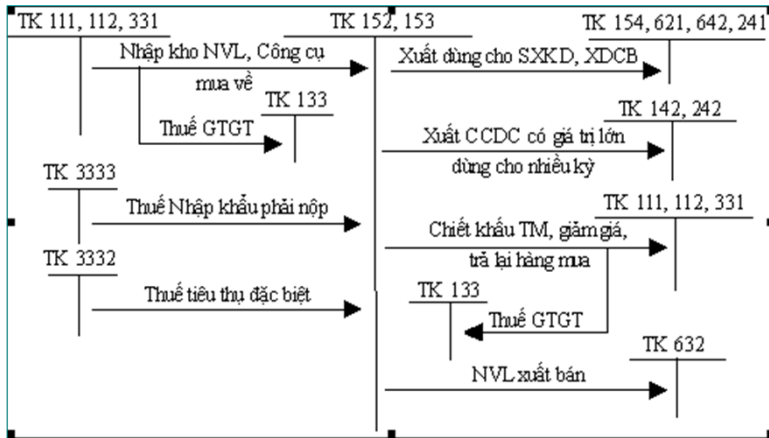
Dư NQ cuối kỳ: Số hiện có

Lưu ý: PP KCTX và KKĐK

Nguyên vật liệu: TK 152
 Công cụ, dụng cụ: TK 153
 Chi phí sản xuất dở dang: TK 154
 ...

} Theo kho
 } Theo mã vật tư





Nhập kho

Nhập kho: Nợ TK 15x
Mua về: Có TK 11x, TK 331
Số tiền thuế nhập khẩu: Có TK 3333(2)
Nhận biểu tặng: Có TK 711

Riêng với mua vào theo phương pháp khấu trừ, phần thuế VAT đầu vào hạch toán riêng: Nợ TK 133

Xuất kho

Có TK 15x
Dùng cho sản xuất sản phẩm (Với NVL cấu thành nên sản phẩm): Nợ TK 621
Xuất dùng cho phân xưởng, cho các hoạt động khác: Nợ TK 627, 641, 642
Xuất bán: Nợ TK 632 (Ghi đồng thời doanh thu)
Xuất chế biến tiếp: Nợ TK 154

Xuất thẳng

Đối với vật tư không qua kho mà xuất thẳng: Bút toán Nợ TK (Các bút toán xuất vật tư)
Bút toán Có TK (Các bút toán nhập vật tư)

Đối với công cụ, dụng cụ: nếu dùng cho nhiều kỳ:

Xuất dùng: Nợ TK 242 / Có TK liên quan (Không quá 03 năm)
Trong kỳ, tiến hành phân bổ: Nợ TK 6xx/Có TK 142, 242

- ❖ **Giả sử các nghiệp vụ sau đều có hóa đơn GTGT 10% chưa trả tiền cho người bán**
 - Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu nhập kho hàng?
 - Chi phí nhân công của bên thứ ba phục vụ công trình (tập hợp trên TK 154)
 - Chi phí sửa chữa máy phát điện
 - Chi phí thuê máy xúc
 - Chi phí mua tủ điện
 - Chi phí thuê thầu phụ một phần công trình
 - Chi phí mua hàng hóa xuất bán thẳng
 - Chi phí mua máy xúc lật
 - Chi phí tiền điện, tiền nước cho sản xuất và cho văn phòng
 - Chi phí văn phòng phẩm
 - Chi phí ngân hàng
 - Chi phí tiếp khách

- ❖ Mua nguyên vật liệu theo HĐ GTGT chưa trả tiền cho người bán
 - Giá chưa thuế: 1000 cái x 1 trđ/cái, VAT 10%
- ❖ Phiếu nhập hàng hóa theo hóa đơn bán hàng chưa trả tiền cho người bán
 - Giá trị hàng mua: 2000 cái x 100.000đ/cái
 - Chi phí vận chuyển hàng mua: 500.000 đ
- ❖ Xuất kho 500 cái NVL cho công trình
- ❖ Chi tiền mặt mua đồ điện xuất cho công trình theo hóa đơn GTGT 30 triệu, VAT 10%

- ❖ Định khoản các ví dụ tính giá nhập và xuất kho?
- ❖ Doanh nghiệp A, kỳ kế toán 2x13, ĐVT: đồng
- ❖ Tồn đầu kỳ: 1000 lít xăng (trị giá trên sổ kế toán 22 500 000 đồng)
- ❖ Trong kỳ:
 - Mua nhập kho chưa thanh toán: 500 lít, giá chưa thuế GTGT 21000 đ/l
 - Tài sản cố định nguyên giá 100 trđ, khấu hao 5 năm. Đã khấu hao 4 năm nên không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định
 - Tình chế xăng hoàn thành nhập kho 200 lít giá mua thô là 18000đ/l, chi phí chế biến là 2 triệu đồng
- ❖ Nhập kho xăng số lượng 510 cái; vòi bơm 320 cái đơn giá chưa có thuế: 110 nghìn đồng và 520 nghìn đồng chưa trả tiền. Lô hàng này thuê bên thứ 3 vận chuyển đã thanh toán tiền mặt 17, 43 triệu đồng (Trong đó VAT 5%). Chi phí vận chuyển phân bổ theo số lượng
- ❖ Xuất kho 100 cái xăng và 120 cái vòi bơm (dùng 2 năm) cho hoạt động sản xuất 80% và cho hoạt động bán hàng số còn lại
- ❖ Xuất bán 200 xăng và 100 vòi bơm bán. Biết thặng dư thương mại xăng là 20%, vòi bơm 15

- ❖ HTK : Một trong những TS chứa đựng nhiều rủi ro nhất đối với DN.
- ❖ Kiểm soát rủi ro HTK thông qua kiểm kê HTK :
- ❖ Kiểm kê :
 - ❖ Ghi nhận HTK thực tế, đối chiếu sổ sách
 - ❖ Sử dụng hiệu quả HTK, tránh tổn thất HTK
 - ❖ Đánh giá thực trạng tổng quát HTK :tiết kiệm CF lưu kho,dự trữ vốn lưu động, đảm bảo HTK tồn trữ hợp lý.

- ❖ Kế toán : QL tồn kho qua sổ sách
- ❖ Thủ kho : QL Tồn kho bằng thẻ kho.
- ❖ Định kỳ :
 - Đối chiếu thẻ kho, sổ sách
 - Kiểm kê thực tế.
 - Đối chiếu số liệu sau kiểm kê
 - Thống kê, tổng kết số liệu sau KK
 - Điều chỉnh lại số liệu theo đúng thực tế.

- ❖ **Đối chiếu giữa tài khoản và số dư kho**
- ❖ Định kỳ, kế toán và thủ kho đối chiếu sổ kế toán với thẻ kho → Biên bản kiểm kê kho
- ❖ Nếu có sự khác biệt với sổ kế toán:
 - Thẻ kho > sổ kế toán: Nợ TK 15x/Có TK 3381
 - Sổ ngân hàng < thẻ kho: Nợ TK 1381/ Có TK 15x
- ❖ Xử lý số khác biệt:
 - Nợ TK 3381/ Có TK 3388 hoặc Có TK 711
 - Nợ TK 1388 hoặc Nợ TK 811 hoặc 632/ Có TK 1381

- ❖ Doanh nghiệp A, kỳ năm 2x17, ngày 31/12
- ❖ Tồn kho theo sổ:
 - NVL X: 700 kg, đơn giá 100 đ
 - Công cụ dụng cụ Y: 700 cái, đơn giá 200 đ
- ❖ Kiểm kê
 - NVL X: 720 kg
 - Công cụ dụng cụ Y: 650 cái
- ❖ Ước tính:
 - NVL X: giá bán 120 đ, chi phí bán 10 đ/sp
 - CCDC Y: giá bán 160 đ, chi phí bán 5 đ/sp
- ❖ Xử lý chênh lệch?

- **Trình bày HTK trên BCTC: Có sự khác biệt khi sử dụng tài khoản HTK và trình bày về hàng tồn kho**
 - Tái phân loại hàng hóa BĐS
- **Bảng cân đối kế toán**
 - “Hàng tồn kho” – mã số 141
 - “Dự phòng giảm giá HTK” – mã số 149
 - “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” – mã số 241
 - “Thiết bị,VT,PT thay thế...” – mã số 263
- **Thuyết minh BCTC**
 - Chính sách kế toán HTK
 - Mức dự phòng trích và hoàn nhập

- ❖ Dự phòng HTK : Dự phòng phần giá trị bị tổn thất của HTK.
- ❖ Đảm bảo nguyên tắc thận trọng
- ❖ Nguyên tắc :
 - + Có đủ bằng chứng tin cậy
 - + Lập vào thời điểm lập BCTC
 - + Tính riêng cho từng loại vật tư
 - + Xác định giá trị dự phòng

- ❖ Phương thức trích lập :
 - TK sử dụng : TK 229 (4)
- ❖ Năm tài chính đầu tiên :
 - Phát sinh dự phòng : N632/C229
- ❖ Các năm sau
 - Phát sinh tổn thất :
- ❖ Ntk 229/C152,153... : hàng hỏng, hết giá trị
- ❖ NTK 632/C TK 229 : Trích lập bổ sung
- ❖ Nợ TK 229/ C 632 : Hoàn nhập

- ❖ - TT78/tndn : HTK bị hư hỏng do sinh hóa tự nhiên, hết hạn mà không được bồi thường => Tính vào chi phí được trừ.
- ❖ Hồ sơ : Theo TT 96/2015
- ❖ - Biên bản kiểm kê giá trị hàng hỏng do DN lập (Chi tiết, cụ thể)
- ❖ Hồ sơ bồi thường thiệt hại, quy trách nhiệm (nếu có)
- ❖ Hồ sơ hủy đi kèm.

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

Mẫu số : S9.3a3-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ MUA HÀNG

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản nợ	Tài khoản có	Số tiền
	Số liệu	Ngày tháng				
A	B	C	D	E	F	I
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 21 inches	1561	331	27.000.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 29 inches	1561	331	71.000.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 21 inches	1331	331	2.700.000
03/01/2009	MHĐ000001	03/01/2009	Tivi LG 29 inches	1331	331	7.100.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1331	331	5.747.700
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1331	331	8.000.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	1561	331	88.660.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	1561	331	82.000.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại SAMSUNG E8	331	1561	1.173.000
08/01/2009	MHĐ000002	08/01/2009	Điện thoại NOKIA N6	331	1561	1.640.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU	1561	331	79.200.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU	1561	331	88.000.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 12000BTU	1331	331	7.600.000
15/01/2009	MHĐ000003	15/01/2009	Điều hòa nhiệt độ SHIMAZU 24000BTU	1331	331	5.600.000
Tổng cộng						414.778.700

Số này có 1 trang đính số từ trang 1 đến trang 1

Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm 200...

Người ghi số
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC

100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Tài khoản 331 Phải trả cho người bán

Mã nhà cung cấp	Tên nhà cung cấp	Tài khoản	Đầu kỳ		Phát sinh		Cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
CT_HALIEN	Công ty TNHH Hà Liên	331		80.900.000				80.900.000
CT_HONGHA	Công ty TNHH Hồng Hà	331		100.200.000	5.940.000	108.812.000		209.072.000
CT_LANTAN	Công ty TNHH Lan Tân	331				146.710.000		146.710.000
CT_VIETHA	Công ty Cổ phần Việt Hà	331				151.620.700		151.620.700
Tổng cộng				181.100.000	5.940.000	410.142.700		585.392.700

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TỔNG HỢP TỒN KHO

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mã kho: 156 Tên kho: Kho hàng hoá

STT	Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã nhóm vật tư		HH	Tên nhóm vật tư		Hàng hoá						
1	DD_SAMSUNGE8	Điện thoại SAMSUNG E8		20	78.200.000					20	78.200.000
2	TL_TOSHIBA110	Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít				14	96.600.000			14	96.600.000
3	TL_TOSHIBA60	Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít				12	44.400.000			12	44.400.000
4	TV_LOPHANG19	Tivi LG 19 inches		10	24.400.000					10	24.400.000
Cộng (Mã nhóm vật tư)				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000
CÔNG: KHO HÀNG HOA				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000
TỔNG CỘNG:				30	102.600.000	26	141.000.000			56	243.600.000

Ngày in 04/02/2009

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HOÁ TRÊN NHIỀU KHO

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/01/2009

Mã kho	Ngày	Số	Loại	Địa chỉ	Đơn giá	Nhập kho		Xuất kho		Tồn kho	
						Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã hàng		DD_SAMSUNGE8	Tên hàng		Điện thoại SAMSUNG E8						
156	31/12/2008									20	78.200.000
Cộng mã hàng DD_SAMSUNGE8 trong kho 156										20	78.200.000
Tổng cộng mã hàng DD_SAMSUNGE8										20	78.200.000
Mã hàng		TL_TOSHIBA110	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 110 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	6.900.000	14	96.600.000			14	96.600.000
Cộng mã hàng TL_TOSHIBA110 trong kho 156						14	96.600.000			14	96.600.000
Tổng cộng mã hàng TL_TOSHIBA110						14	96.600.000			14	96.600.000
Mã hàng		TL_TOSHIBA60	Tên hàng		Tủ lạnh TOSHIBA 60 lít						
156	12/01/2009	NK000001	Nhập kho	Công ty TNHH Lan Tân	3.700.000	12	44.400.000			12	44.400.000
Cộng mã hàng TL_TOSHIBA60 trong kho 156						12	44.400.000			12	44.400.000
Tổng cộng mã hàng TL_TOSHIBA60						12	44.400.000			12	44.400.000
Mã hàng		TV_LGPHANG19	Tên hàng		Tivi LG 19 inches						
156	31/12/2008									10	24.400.000
Cộng mã hàng TV_LGPHANG19 trong kho 156										10	24.400.000
Tổng cộng mã hàng TV_LGPHANG19										10	24.400.000

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



TACA

Training And Coaching Accounting

Thank You!

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ; CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- 1 Các quy định pháp luật liên quan
- 2 Chứng từ kế toán
- 3 Tài khoản và ghi sổ kế toán
- 4 Những thông tin liên quan trên BCTC

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

LUẬT

- Luật số 88/2015/QH13

CHUẨN MỰC

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam – VAS Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03, 04 và thông tư 45/2013/TT-BTC
- Các văn bản sửa đổi

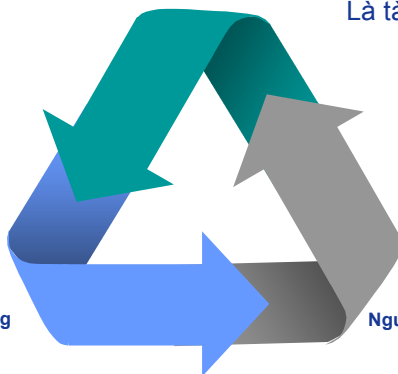
THÔNG TƯ

- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014 (từ 2015) với DN lớn và thông tư 133/2016 (từ 2017) với DN vừa và nhỏ
- Các quy định về thuế...

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Là tài sản

Thời gian sử dụng
từ 1 năm trở lên



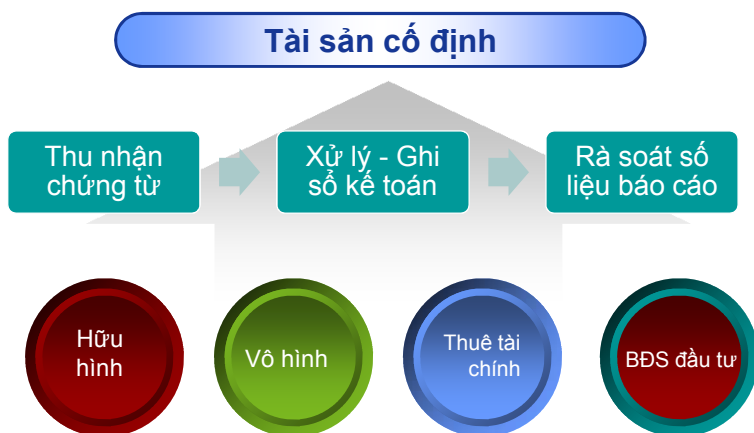
Nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên

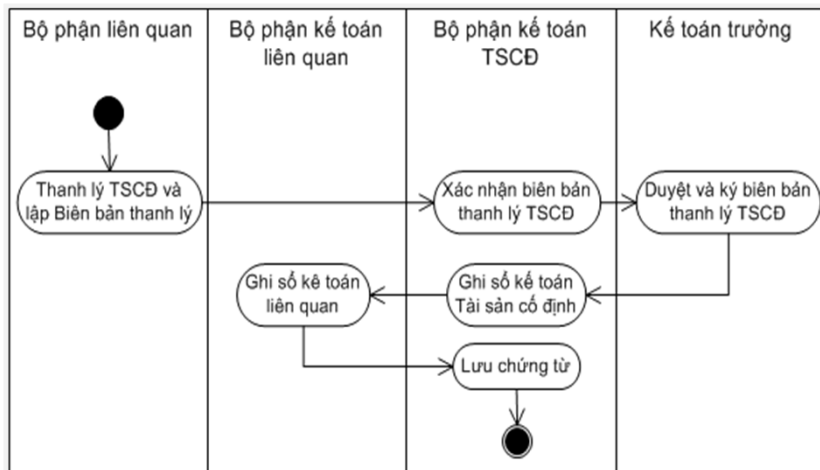
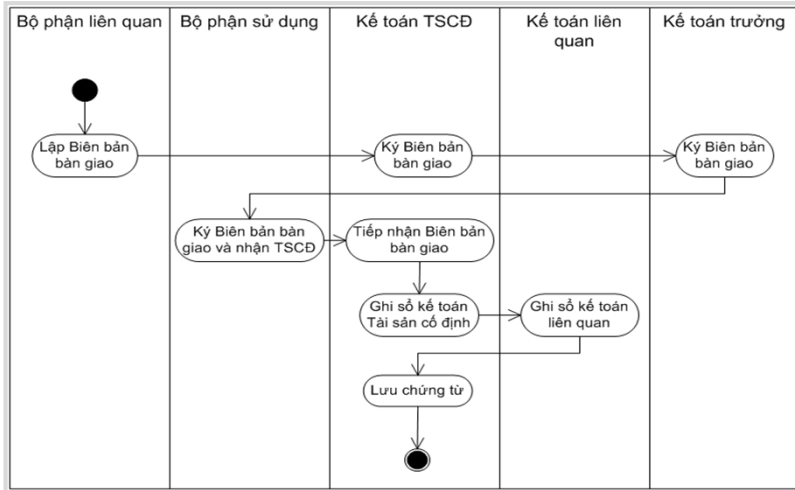
TSCĐ là những tài sản có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài, khi tham gia vào quá trình sản xuất, nó sẽ bị hao mòn dần và giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi bị hư hỏng.

- ❖ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- ❖ Nguyên giá TS xác định một cách đáng tin cậy.
- ❖ Thời gian sử dụng : ước tính trên 1 kỳ;
- ❖ Đủ tiêu chuẩn giá trị theo hiện hành

- ❖ TS có hình thái vật chất, thỏa mãn tiêu chuẩn TSCĐ.
- ❖ Đặc điểm : giá trị TS chuyển dịch từng phần vào chi phí sxkd, nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.
- ❖ Gồm :
 - Nhà cửa, vật kiến trúc
 - Máy móc, thiết bị
 -
 - Vườn cây lâu năm, súc vật ,...tscđ khác

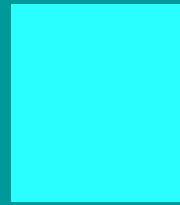
- ❖ TS không có hình thái vật chất thỏa mãn tiêu chuẩn của TSCĐ.
- ❖ TSCĐ hữu hình khác với lợi thế thương mại.
- ❖ **Gồm :** - Quyền sử dụng đất
 - Quyền phát hành
 - Bản quyền, bằng sáng chế
 - Nhãn hiệu, tên thương mại
 - Chương trình phần mềm
 - Giấy phép, giấy nhượng quyền...





- ❖ **Chứng từ tăng tài sản:**
 - Mua ngoài: Hóa đơn, biên bản bàn giao, phiếu bảo hành, chứng từ kỹ thuật liên quan ...
 - Tự sản xuất, xây dựng: Phiếu nhập kho; biên bản nghiệm thu, phiếu kế toán tổng hợp; hóa đơn, chứng từ kỹ thuật liên quan ...
- ❖ **Chứng từ giảm tài sản**
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Hóa đơn thanh lý tài sản cố định
 - Biên bản điều chuyển TSCĐ...
- ❖ **Biên bản đánh giá lại TSCĐ**
- ❖ **Biên bản kiểm kê TSCĐ**
- ❖ **Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ**
- ❖

Form BÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ (Asset Disposal Record) with fields for date, location, and a table for asset details.



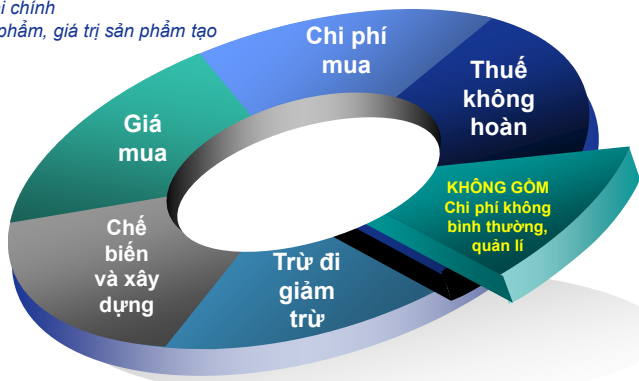
Form BÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ (Asset Disposal Record) with fields for date, location, and a table for asset details.

“Giá trị của tài sản được tính theo giá gốc, đến khi đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng”

Nếu mua trả góp, phần lãi trả chậm hạch toán vào chi phí trả trước, hoặc chi phí tài chính

Nếu chạy thử có tạo ra sản phẩm, giá trị sản phẩm tạo ra trừ khỏi nguyên giá

**Bộ phận, liên
kiện đi kèm phải
tách riêng theo
GTHL được
hạch toán là
hàng tồn kho**



❖ Tính giá cho 02 ô tô nhập khẩu sau:

- Giá FOB theo hóa đơn thương mại: 30.000 USD /cái
- Chi phí vận chuyển, bảo hiểm đường biển về tới cảng Đình Vũ (Hải Phòng): 1000 USD
- Chi phí vận chuyển về tới kho Quảng Ninh: 20
- Thuế nhập khẩu: 70%; thuế tiêu thụ đặc biệt 50%
- Chi phí chạy thử: Xăng dầu: 5 trđ
- Lãi trả chậm: 1%/tháng
- Lệ phí trước bạ: 10 trđ/cái

Căn cứ chứng từ tăng

- Mua sắm, xây dựng, tự chế TSCĐ
- Nhận vốn góp, nhận biếu tặng
- Trao đổi tài sản cố định (tương tự và không tương tự)
- Kiểm kê, xử lý thừa tài sản cố định

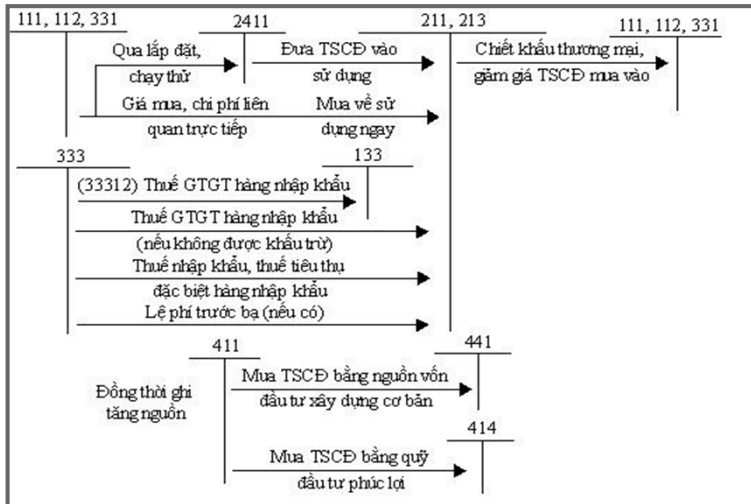
Căn cứ chứng từ giảm

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chuyển thành CCDC, BĐS đầu tư
- Dùng TSCĐ để góp vốn
- Các trường hợp giảm khác
- Kiểm kê, xử lý tổn thất về tài sản cố định
- Bán và tái thuê tài sản cố định

Dư NỢ cuối kỳ: Nguyên giá hiện có

TSCĐ HH: TK 211
TSCĐ thuê TC: TK 212
TSCĐVH: TK 213
BĐSDT: TK 217
...

Theo loại tài sản



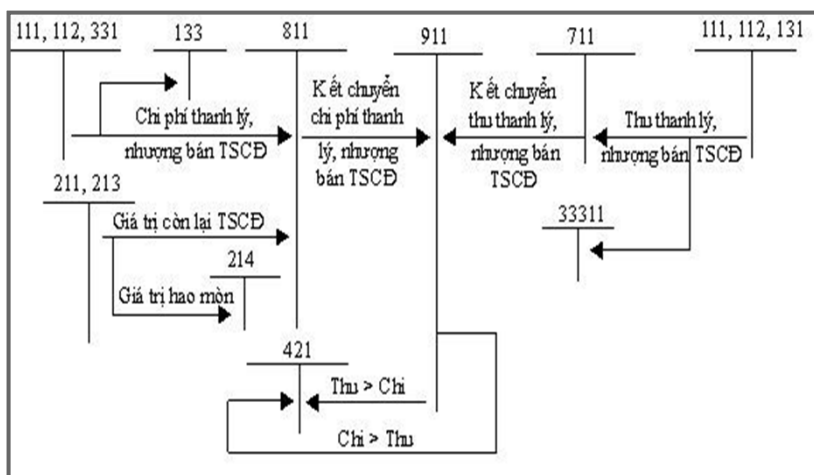
❖ Tăng TSCĐ: Nợ TK 21x

- Mua về: Có TK 11x, TK 331
- Số tiền thuế nhập khẩu: Có TK 3333(2)
- Nhận lại vốn góp bằng TSCĐ: Có TK 222, 221...
- Nhận vốn góp từ các bên bằng TSCĐ: Có TK 411
- Nhận biểu tặng: Có TK 711

❖ Phải có bút toán chuyển nguồn: Nợ TK... Có TK 411

- ❖ Riêng với mua vào theo phương pháp khấu trừ, **phần thuế VAT đầu vào** hạch toán riêng: **Nợ TK 13312**

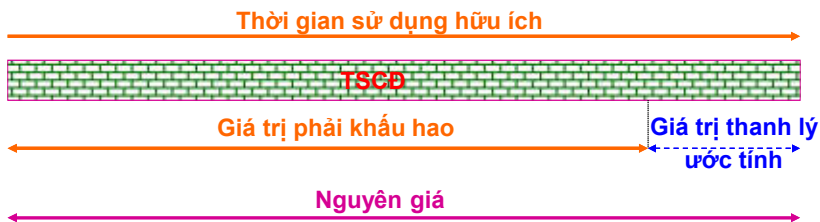
- ❖ Với trường hợp TSCĐ hình thành do tự xây dựng nên:
 - Tập hợp các chi phí để xây dựng: Nợ TK 241/Có TK liên quan
 - Xây dựng hoàn thành: Nợ TK 211/ Có TK 241
- ❖ Với trường hợp TSCĐ mua trả góp, phần lãi trả góp:
 - Tính vào 1 kỳ: Nợ TK 635/ Có TK 331, 111, 112...
 - Tính vào nhiều kỳ: Nợ TK 242/ Có TK 331, 11x.
 Sau đó hàng kỳ phân bổ vào chi phí: Nợ TK 635/ Có TK x42
- ❖ Với DN chuyển hàng hóa (bất động sản, máy móc...), trao đổi hàng hóa, TSCĐ để hình thành TSCĐ mới



- ❖ **Đếm số loại, số lượng** → Biên bản kiểm kê TSCĐ
- ❖ **Nếu có sự khác biệt thực tế với sổ kế toán:**
 - Thực tế > sổ kế toán: Tài sản của DN
Nợ TK 21x/Có TK 3381 và trích khấu hao bổ sung
 - Thực tế < sổ kế toán:
Nợ TK 214, Nợ TK 1381 / Có TK 21x
- ❖ **Xử lý số khác biệt:**
 - Nợ TK 3381/ Có TK 3388 hoặc Có TK 711,...
 - Nợ TK 1388 hoặc Nợ TK 811,.../ Có TK 1381

Khấu hao TSCĐ là việc phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó

Giá trị phải khấu hao = Nguyên giá – Giá trị thanh lý ước tính



Giá trị thanh lý ước tính = Giá trị ước tính thu khi thanh lý – CP thanh lý ước tính

1. PP khấu hao đường thẳng

2. PP khấu hao theo sản lượng

3. PP khấu hao theo số dư giảm dần

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

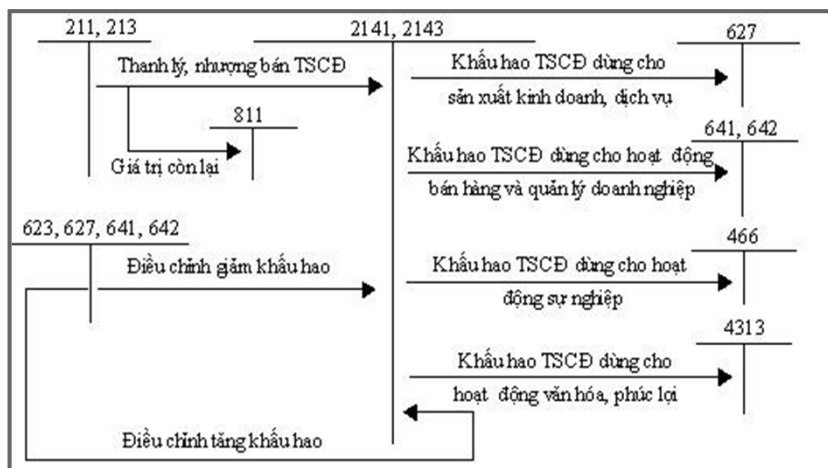


❖ Nguyên tắc chi phí khấu hao được trừ:

- Nguyên giá: Có hóa đơn chứng từ hợp lệ
- Thời gian: Khấu hao theo khung quy định
- TSCĐ dùng cho SXKD

❑ Không được trừ

- ❑ Khấu hao vượt khung
- ❑ Khấu hao ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ...) tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe
- ❑ Sử dụng cho hoạt động của các cá nhân, trừ TSCĐ phục vụ cho người lao động (...)
- ❑ Không chứng minh thuộc sở hữu (trừ thuê tài chính)
- ❑ Tạm dừng hoạt động quá thời hạn



CHI PHÍ PHÁT SINH SAU GHI NHẬN BAN ĐẦU

CP phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ HH

Tăng nguyên giá

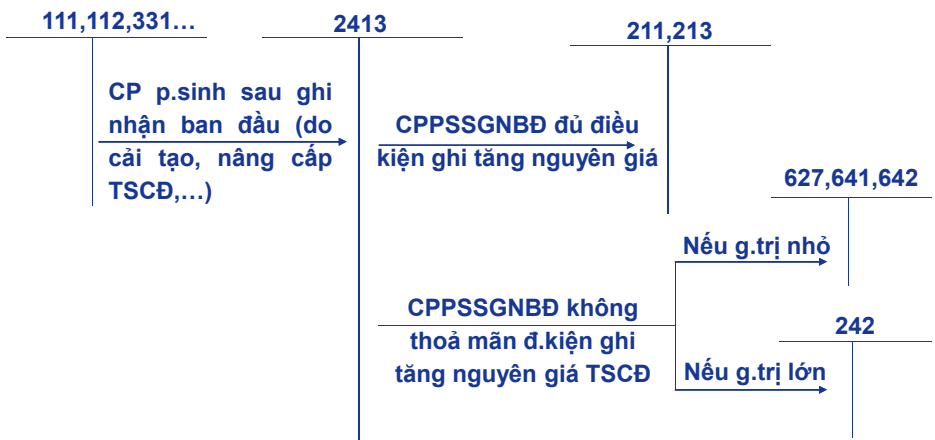
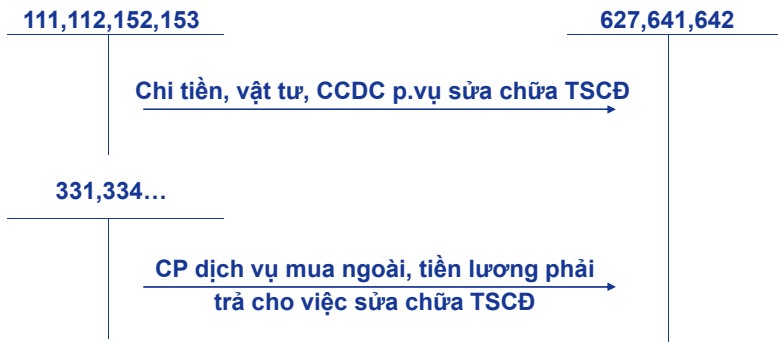
(Nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó)

P1

Tăng CP SXKD trong kỳ

(Nếu không thỏa mãn điều kiện làm tăng nguyên giá tài sản)

lần hoặc phân bố
LONG, 7/14/2009



❖ Lò nướng bánh mì trị giá 160 trđ, sử dụng trong 4 năm. Đã sử dụng 2 năm, DN tiến hành:

- Sửa chữa định kì:
 - Chi phí thuê thợ sửa: 2 trđ
 - Chi phí thay thiết bị đã cũ: 3 trđ
- Sửa chữa làm giảm thời gian nướng bánh đi 20%, tổng chi phí: 30 trđ
- Sửa chữa làm tăng số lượng mẻ bánh lên 1,1 lần và số bánh nướng 1 mẻ tăng 20%: tổng chi phí 30 trđ

❖ Nguyên tắc xóa sổ TSCĐ:

- Xóa nguyên giá: Có TK 21x
- Xóa khấu hao lũy kế tương ứng: Nợ TK 214
- Xóa giá trị còn lại: Nợ TK 1x

❖ Giảm TSCĐ: Có TK 21x

- Thanh lí, bán TSCĐ:
 - Ghi nhận doanh thu
 - Ghi nhận giá vốn
- Đem đi góp vốn: Nợ TK 214/ Nợ TK 22x
- Chuyển thành công cụ, dụng cụ: Nợ TK 214/Nợ TK 242

- ❖ **Đếm số loại, số lượng** → Biên bản kiểm kê TSCĐ
- ❖ **Nếu có sự khác biệt thực tế với sổ kế toán:**
 - Thực tế > sổ kế toán: Tài sản của DN
Nợ TK 21x/Có TK 3381 và trích khấu hao bổ sung
 - Thực tế < sổ kế toán:
Nợ TK 214, Nợ TK 1381 / Có TK 21x
- ❖ **Xử lý số khác biệt:**
 - Nợ TK 3381/ Có TK 3388 hoặc Có TK 711,...
 - Nợ TK 1388 hoặc Nợ TK 811,.../ Có TK 1381

- ❖ Rủi ro thất thoát tài sản : Doanh nghiệp không kiểm soát được hết phần TSCĐ của doanh nghiệp; ghi nhận sai TSCĐ sang chi phí trả trước... dẫn đến sơ hở thất thoát TS.
- ❖ Định giá TS không đúng giá trị của nó.
- ❖ Rủi ro về thuế :
 - Ghi nhận TSCĐ mà chưa đầy đủ chứng từ.
 - Phân loại và xác định thời gian khấu hao sai
 - Phương pháp tính trích khấu hao không nhất quán
 - Khấu hao đối với những TS đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng

Danh sách TSCĐ

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

DANH SÁCH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 31/01/2009

Loại TSCĐ: AUTOMOBIL Tên loại: Phương tiện vận tải

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao còn lại	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
OTO12	Xe TOYOTA 12 chỗ ngồi		01/01/2002	12 Năm	870.000.000	22.916.667	596.989.722	273.000.278
Cộng					870.000.000	22.916.667	596.989.722	273.000.278

Loại TSCĐ: EQUIPMENT Tên loại: Máy móc thiết bị

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao còn lại	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
MFD	Máy phát điện		25/01/2009	5 Năm	50.000.000	10.000.000	63.333	40.999.667
Cộng					50.000.000	10.000.000	63.333	40.999.667

Loại TSCĐ: FURNITURE Tên loại: Thiết bị dụng cụ quản lý

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao còn lại	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
MVT1	Máy vi tính intel 01		01/01/2007	3 Năm	12.000.000	4.000.000	8.333.333	3.666.667
MVT2	Máy vi tính intel 02		01/01/2007	3 Năm	10.000.000	3.333.333	6.677.778	3.022.222
MVT_INTEL	Máy vi tính intel		24/01/2009	3 Năm	10.000.000	3.333.333	277.778	9.722.222
Cộng					32.000.000	10.666.666	15.588.889	16.411.111

Loại TSCĐ: HOUSE Tên loại: Nhà cửa, vật kiến trúc

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Số hiệu	Ngày sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Mức khấu hao còn lại	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
NHA1	Nhà A1		01/01/2003	10 Năm	150.000.000	15.000.000	91.250.000	58.750.000
Cộng					150.000.000	15.000.000	91.250.000	58.750.000

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Thẻ TSCĐ

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q.Tây Hồ, Hà Nội

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 31/01/2009

Mẫu số S 23-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số... Ngày... Tháng... Năm...

Tên TSCĐ: Xe TOYOTA 12 chỗ ngồi

Số hiệu:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Ngày mua: 01/01/2002

Ngày sử dụng: 01/01/2002

Công suất (điện tích thiết kế)

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày... tháng... Năm...

Lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, Tháng, Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
FIX_000011	31/12/2008	Chi tăng TSCĐ	850.000.000	2002		
ĐC000001	16/01/2009	Điều chỉnh TSCĐ	870.000.000	2002		
KH000001	31/01/2009	Khấu hao	870.000.000	2002	1.909.722	596.989.722

Lý do ghi giảm:

Ngày tháng năm 200...

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Công ty TNHH ABC
100 Hùng Vương, Q Tây Hồ, Hà Nội

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/01/2009

Mẫu số S21-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Loại TSCĐ : FURNITURE Tên loại : Thiết bị dụng cụ quản lý

STT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chương trình		Tên TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Hao mòn lũy kế	Chương trình		Lý do
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng	
Số hiệu TSCĐ		MVT_INTEL		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel							
1	GT000001	12/01/2009	Máy vi tính Intel		1/24/2009	MVT_INTEL	90.000.000						
2	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel		1/24/2009	MVT_INTEL			277.778	277.778			
Số hiệu TSCĐ		MVT1		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel 01							
3	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel 01		1/1/2007	MVT1		333.333	0.333.333				
Số hiệu TSCĐ		MVT2		Tên TSCĐ		Máy vi tính Intel 02							
4	KH000001	31/01/2009	Máy vi tính Intel 02		1/1/2007	MVT2		277.778	0.977.778				
Tổng cộng							10.000.000		888.889				

Sổ này có 1 trang đánh số từ trang 1 đến trang 1

Ngày ra số:

Người ghi số
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 200..

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- ❖ **Khái niệm** : Là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán.
- ❖ **VD** : Cchi phí trả trước thuê nhà...
- ❖ **Phân loại** :
- ❖ Trước đây phân loại theo thời gian :
- ❖ - Chi phí trả trước ngắn hạn
- ❖ - Chi phí trả trước dài hạn
- ❖ **TT 200** bao gồm các loại sau :

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

- ❖ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán.
- ❖ Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm
- ❖ Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán;
- ❖ Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán;

- ❖ Chi phí đi vay trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành;
- ❖ Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.
- ❖ Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phân bổ tối đa không quá 3 năm;

Căn cứ chứng từ tăng chi phí

- o CC,DC nhập mua, XK sử dụng
- o Chi phí trả trước thuê nhà, hoạt động TSCĐ
- o Trả trước lãi tiền vay
- o Chi phí khác phục vụ SXKD

Căn cứ chứng từ phân bổ chi phí

- o Phân bổ chi phí trả trước, tính vào HD SXKD trong kỳ

Dư NƠ cuối kỳ: Các khoản chi phí trả trước chưa tính vào chi phí SXKD trong kỳ.

- ❖ Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phân bổ hợp lý
- ❖ Kế toán phải theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn chi phí trả trước đã phát sinh, phân bổ và phần chi phí còn lại chưa phân bổ



TACA

Training And Coaching Accountants

Thank You!

Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



KẾ TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 Các quy định pháp luật liên quan

2 Kiểm tra đối chiếu số liệu

3 Thực hiện kết chuyển và khóa sổ

4 Lập Báo cáo tài chính

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

LUẬT

- Luật số 88/2015/QH13

CHUẨN MỰC

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam – Đọc VAS 11, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28 về các báo cáo tài chính
- Đọc VAS 23, 29 về điều chỉnh báo cáo
- Các văn bản sửa đổi

THÔNG TƯ

- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014 (từ 2015) với DN lớn và thông tư 133/2016 (từ 2017) với DN vừa và nhỏ
- Các quy định về thuế...

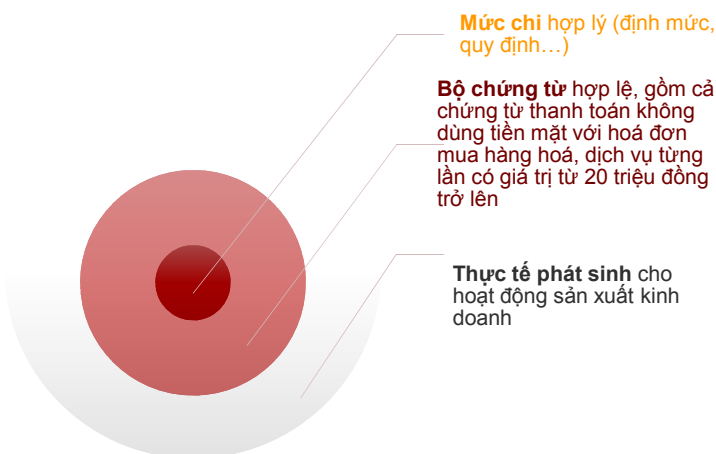
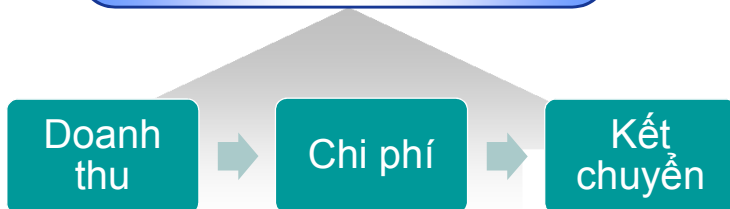
❖ Các công việc cuối kỳ kế toán

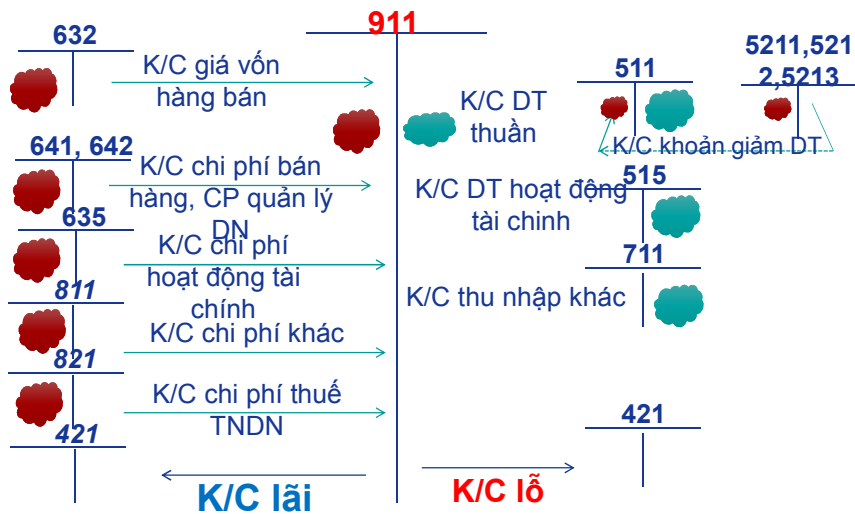
- Tính lương, phân bổ lương và các khoản trích nộp theo lương
- Phân bổ khấu hao tài sản, chi phí trả trước
- Tính giá thành, xác định sản phẩm dở dang
- Kiểm kê, đối chiếu xác nhận công nợ

❖ Kiểm tra đối chiếu số liệu

- Kiểm tra số dư tài khoản phù hợp với nguyên tắc kế toán
- Đối chiếu giữa các sổ chi tiết, sổ tổng hợp
- Kiểm tra chi tiết từng tài khoản, đối chiếu với các bằng chứng khác (Biên bản kiểm kê, xác nhận công nợ, tờ khai thuế...)
- Kiểm tra các nghiệp vụ phân bổ chi phí

XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



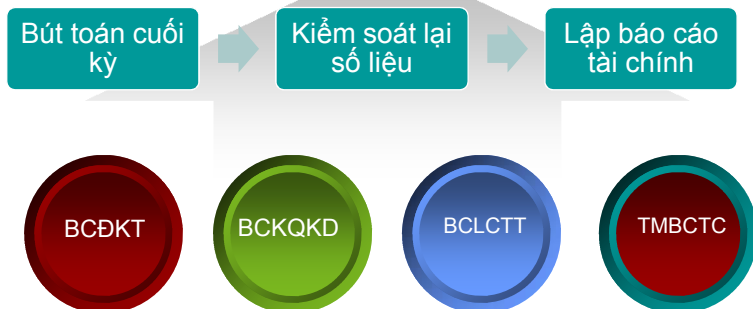


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ❖ Báo cáo tài chính là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Balance Sheet
Assets

Báo cáo tài chính

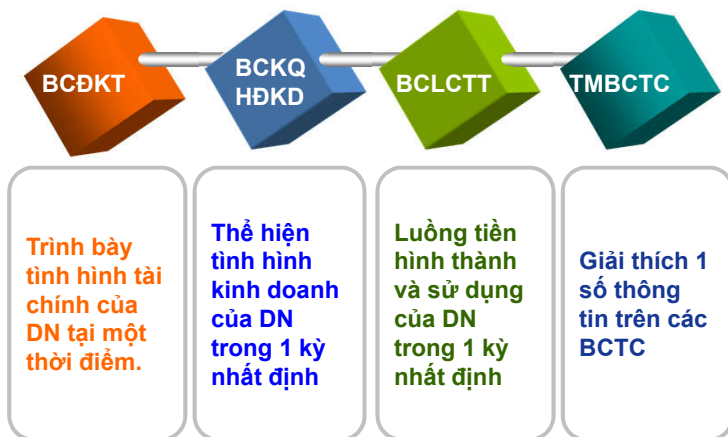


Thời gian lập và thời hạn nộp

LOẠI HÌNH	BCTC NĂM	BCTC BÁN NIÊN
DN độc lập thuộc NN	30	20
TỔNG CÔNG TY Công ty mẹ thuộc NN	90	45
DN TƯ' NHÂN CÔNG TY HỢP DANH	30	/
KHÁC	90	/

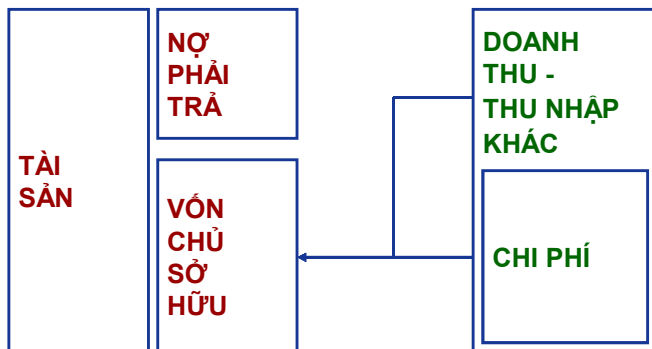
Loại DN	Nơi nhận Báo cáo tài chính				
	CQ tài chính	CQ Thuế	CQ Thống kê	DN cấp trên	CQ đăng ký KD
DNNN	X	X	X	X	X
DN có vốn đầu tư NN	X	X	X	X	X
DN khác		X	X	X	X

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH KINH DOANH



Báo cáo khác

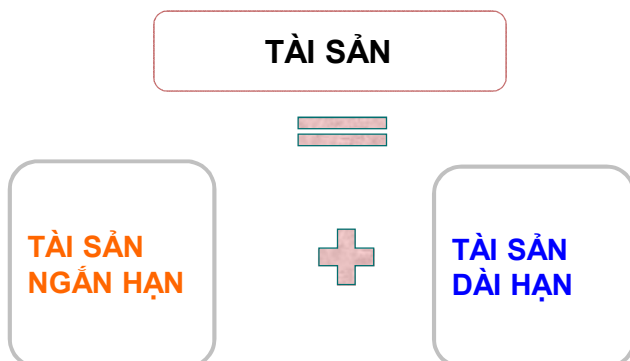
- ❖ Với Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế, công ty mẹ... phải lập hệ thống **báo cáo tài chính hợp nhất**
- ❖ Với Ngân hàng, Công ty chứng khoán, bảo hiểm có hệ thống BCTC **đặc thù**
- ❑ Trong Bảng cân đối kế toán DN phải trình bày riêng biệt các tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn.
- ❑ Đối với từng khoản mục tài sản và nợ phải trả, nếu số tiền dự tính được thu hồi hoặc được thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xếp vào ngắn hạn, số tiền được thu hồi hoặc được thanh toán sau 12 tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xếp vào dài hạn.
- ❖ *Lưu ý: nếu doanh nghiệp lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì việc phân loại ngắn hạn và dài hạn sẽ được tính kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán, thay vì tính từ ngày kết thúc niên độ.*

❖ Công việc cần làm để lên BCĐKT:

- Kiểm tra số liệu sổ kế toán với các bên liên quan
- Kiểm kê thực tế những tài khoản số thực
- Lập bút toán điều chỉnh thích hợp
- Khóa sổ kế toán

❖ Lên bảng cân đối kế toán

- Chỉ tiêu có nội dung phù hợp với tài khoản kế toán
- Chỉ tiêu có nội dung liên quan đến một số tài khoản kế toán: Tiền và tương đương tiền; Hàng tồn kho; Tài sản cố định; Vay và nợ dài hạn...
- Chỉ tiêu có nội dung liên quan đến số dư không bù trừ của 1 tài khoản: Trả trước cho người bán; Người mua trả tiền trước...
- Chỉ tiêu điều chỉnh được ghi âm: Khấu hao, dự phòng...



TÀI SẢN NGẮN HẠN

Được dự tính để bán hoặc được sử dụng trong khuôn khổ của một chu kỳ kinh doanh bình thường của DN

Được nắm giữ chủ yếu cho mục đích thương mại hoặc cho mục đích ngắn hạn

Là tiền hoặc tương đương tiền mà việc sử dụng không gặp một hạn chế nào

BCĐKT

A. TSNH

- I. Tiền và các khoản tương đương tiền*
- II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*
- III. Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác*
- IV. Hàng tồn kho*
- V. Tài sản ngắn hạn khác*

Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.731.875.433.624	15.457.989.802.876
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.358.682.600.684	1.527.875.428.216
Tiền	111		1.212.517.600.684	993.333.794.600
Các khoản tương đương tiền	112		146.165.000.000	534.541.633.616
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.668.377.936.330	7.469.006.501.322
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	525.980.876.577	704.814.872.722
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7(a)	(72.195.440.247)	(139.208.371.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	8.214.592.500.000	6.903.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.685.469.151.432	2.777.099.430.909
Phải thu khách hàng	131	8	2.202.396.055.303	1.988.614.362.323
Trả trước cho người bán	132		126.289.719.352	420.615.080.215
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	359.995.340.900	370.036.643.588
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(3.211.964.123)	(5.917.834.434)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.751.179.217
Hàng tồn kho	140	11	3.810.095.215.771	3.554.823.963.018
Hàng tồn kho	141		3.827.369.319.952	3.567.948.334.861
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.274.104.181)	(13.124.371.843)

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Tất cả các tài sản khác ngoài các tài sản ngắn hạn thì được xếp vào loại tài sản dài hạn

TÀI SẢN DÀI HẠN

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

BCĐKT

A. TSDH

I. Phải thu dài hạn

II. Tài sản cố định

III. Bất động sản đầu tư

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

V. Tài sản dài hạn khác

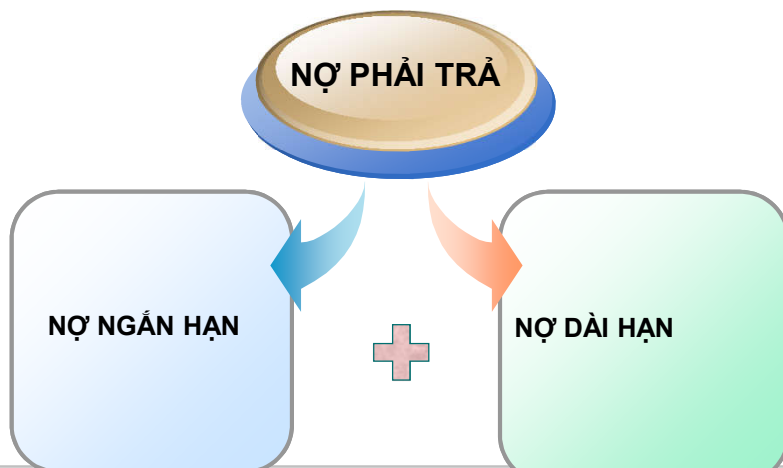
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.746.300.510.728	10.312.148.258.081
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.898.388.770	21.965.907.697
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		5.573.700.349	7.395.303.671
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	15.324.688.421	14.570.604.026
Tài sản cố định	220		8.214.134.749.497	8.086.395.812.459
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.795.345.501.520	7.548.188.780.138
Nguyên giá	222		13.059.721.039.709	11.782.649.084.362
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.264.375.538.189)	(4.234.460.304.224)
Tài sản cố định vô hình	227	13	418.789.247.977	538.207.032.321
Nguyên giá	228		553.684.246.456	691.495.740.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.894.998.479)	(153.288.707.736)
Bất động sản đầu tư	230	14	142.368.204.632	147.725.868.615
Nguyên giá	231		179.678.050.557	179.594.679.077
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.309.845.925)	(31.868.810.462)
Tài sản dở dang dài hạn	240		843.679.104.973	889.715.794.757
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	82.393.992.187	65.283.282.436
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	761.285.112.786	824.432.512.321
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		940.365.020.223	671.339.515.656
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252	7(c)	397.130.670.931	317.972.437.657
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	11.378.476.240	11.628.368.600

Phân biệt giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn:

1. Hàng tồn kho
2. Phải thu từ hoạt động bán hàng với thời hạn tín dụng 1 tháng
3. Tài sản cố định sử dụng ở bộ phận bán hàng
4. Cho vay nhưng có 1/2 khoản nợ sẽ được thu hồi trong nửa năm sau.

Với từng trường hợp trên bạn hãy xác định nội dung nào sẽ thuộc về TSNH và nội dung nào sẽ thuộc về TSDH tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 31/12

Các yếu tố của Bảng cân đối kế toán



NỢ NGẮN HẠN

1

Được dự kiến thanh toán trong một chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp

2

Được thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán

3

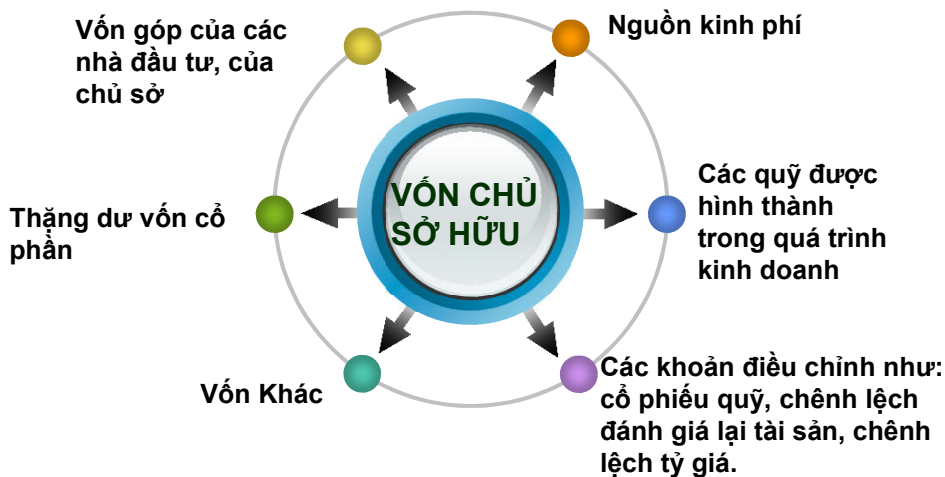
NỢ DÀI HẠN

Tất cả các khoản phải trả ngoài nợ phải trả ngắn hạn được xếp vào loại nợ phải trả dài hạn

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	6.554.260.196.767	5.969.901.577.449
Nợ ngắn hạn	310	6.004.316.835.213	5.453.280.356.023
Phải trả người bán	311 20	2.193.602.809.261	1.898.529.392.924
Người mua trả tiền trước	312	19.882.391.510	17.826.386.435
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313 21	215.807.811.014	502.643.076.304
Phải trả người lao động	314	452.476.117.228	163.476.907.176
Chi phí phải trả	315 22	593.485.587.927	632.991.337.019
Doanh thu chưa thực hiện	318	1.350.893.817	17.424.992
Phải trả ngắn hạn khác	319 23(a)	644.468.337.067	598.428.618.781
Vay ngắn hạn	320 24(a)	1.475.358.507.208	1.279.525.014.840
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321 25(a)	2.420.017.605	4.122.882.763
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322 26	405.464.362.576	355.719.314.789
Nợ dài hạn	330	549.943.361.554	516.621.221.426
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.598.840.218	-
Phải trả dài hạn khác	337 23(b)	2.814.519.233	8.192.561.774
Vay dài hạn	338 24(b)	368.170.178.853	346.383.586.552
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 18(b)	89.034.118.250	84.711.303.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342 25(b)	87.325.705.000	77.333.769.500

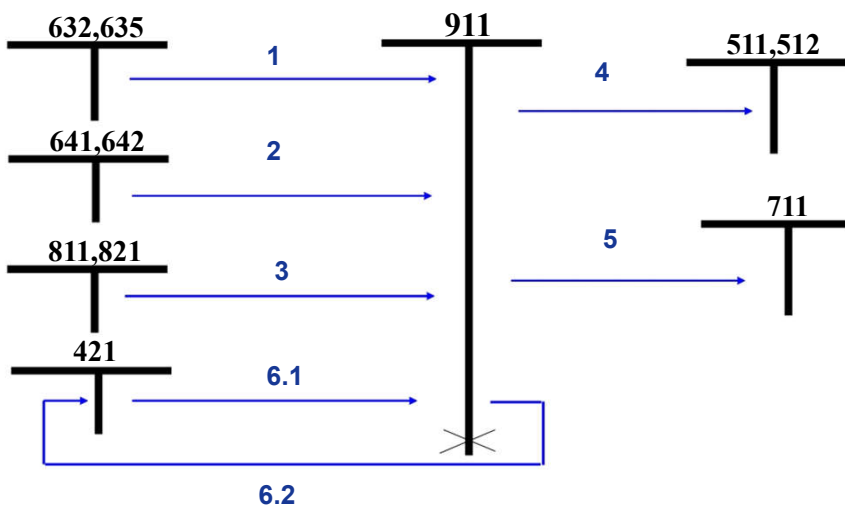
- Vay để mua hàng tồn kho thời hạn 6 tháng
- Phát hành trái phiếu kỳ hạn 5 năm
- Đi vay để mua sắm tài sản cố định với thời hạn 4 năm nhưng $\frac{1}{2}$ khoản nợ này sẽ phải được thanh toán trong năm sau.

Với mỗi trường hợp trên bạn hãy phân biệt giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn tại ngày lập bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 31/12



B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	VI.25	12.412.148.182.440	7.950.956.287.870
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.412.148.182.440	7.950.956.287.870
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.561.147.540.000	3.530.721.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.521.794.000)	(669.051.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		908.024.236.384	2.172.290.789.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		556.114.754.000	353.072.120.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.112.389.346.056	1.895.541.229.005

Kế toán xác định kết quả kinh doanh



TÌNH HÌNH KINH DOANH

**DOANH THU,
THU NHẬP**

CHI PHÍ

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm.....

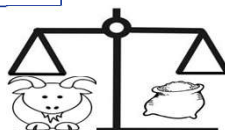
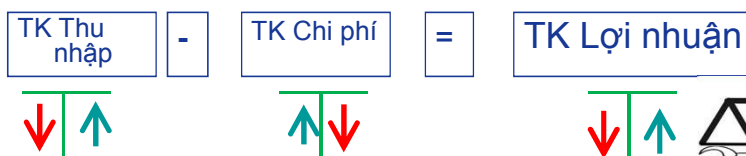
Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26)}	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Lập bảng cân đối kế toán:



Lập báo cáo kết quả kinh doanh



- ❖ Rủi ro về dòng tiền
- ❖ Rủi ro các khoản phải thu, phải trả:
- ❖ Rủi ro về HTK :
- ❖ Rủi ro khác

- ❖ Sửa chứng từ, sửa sổ → Phần mềm: tự điều chỉnh, kế toán thủ công: cải biên
- ❖ Lập chứng từ bổ sung để ghi tăng giá trị nghiệp vụ
- ❖ Ghi âm để ghi giảm giá trị nghiệp vụ
- ❖ Bút toán điều chỉnh đảo

- ❖ Bút toán điều chỉnh đảo
 - ❖ Bút toán điều chỉnh ghi âm
- * Chưa phát hành báo cáo: Điều chỉnh phi hồi tố lên hệ thống sổ và báo cáo của năm nay
- * Đã phát hành báo cáo: Điều chỉnh hồi tố lên hệ thống sổ và báo cáo tài chính của năm đã phát hành



TACA

Training And Teaching Accounting

Thank You!

Biên soạn: "Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca"

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



CÁC SẮC THUẾ HIỆN HÀNH

Biên soạn: “Đội ngũ giảng viên Học Viện Taca”



Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911



Tổng quan về thuế tại Việt Nam

Thuế tiêu dùng

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất-nhập khẩu
- Thuế bảo vệ môi trường

Thuế thu nhập

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

Thuế tài sản

- Thuế tài nguyên
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Phí và lệ phí

- Lệ phí môn bài
- Lệ phí trước bạ
- ...

Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

- ❖ Người nộp thuế tự kê khai, tự nộp thuế và chịu trách nhiệm
- ❖ Nguyên tắc áp dụng giá thị trường và ấn định thuế

Nếu hôm nay, bạn bỏ tính sai số thuế dẫn đến nộp thiếu **10,000\$** tiền thuế, bạn có biết điều gì sẽ xảy ra?

Năm thứ nhất: không có gì xảy ra

Năm thứ hai: không có gì xảy ra

Năm thứ ba: không có gì xảy ra

Năm thứ tư: Không có gì xảy ra
Đến

Năm thứ năm: Thanh tra thuế và bị phát hiện
Kết quả xấu nhất là:

1. Phạt 3 lần tiền thuế do gian lận và trốn thuế: $10,000\$ \times 3 = 30,000\$$
2. Thu lãi chậm nộp tiền thuế (18%/ năm): $10,000\$ \times 18\% \times 5 \text{ năm} = 9,000\$$
3. Phạt truy thu thuế 20% trên số tiền bị truy thu:
 $10,000\$ \times 20\% = 2,000\$$

Nộp bổ sung số thuế thiếu: **10,000\$**

Tổng cộng: 51,000\$
(gấp 5 lần số tiền phải nộp ban đầu và có thể còn nhiều hơn thế nếu thời gian càng lâu)

❖ Khái niệm :

❖ Là thuế đánh trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

ĐẶC ĐIỂM , CỦA THUẾ GTGT

Là 1 loại thuế gián thu?

- Có tính trung lập cao và lũy thoái,
- Phân đoạn, từ sản xuất, lưu thông, tiêu dùng
- Nguyên tắc điểm đến, người tiêu dùng cuối cùng.

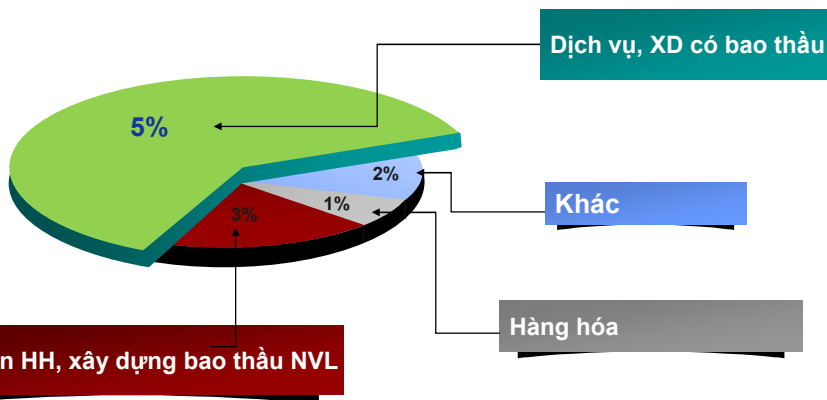
Thuế GTGT là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

❖ Đối tượng chịu thuế GTGT :

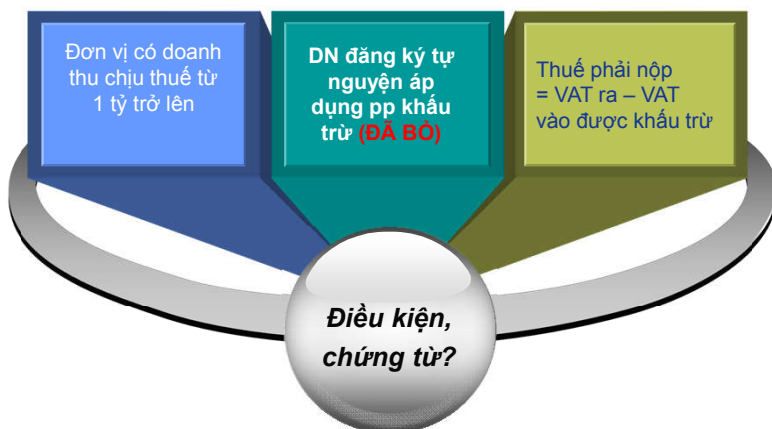
Tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ đều chịu sự điều chỉnh của luật thuế GTGT.

Loại trừ dần các trường hợp đặc biệt :

- + Đối tượng không phải kê khai, tính nộp
- + Đối tượng không chịu thuế
- + Đối tượng chịu thuế 0%
- + Các đối tượng còn lại.

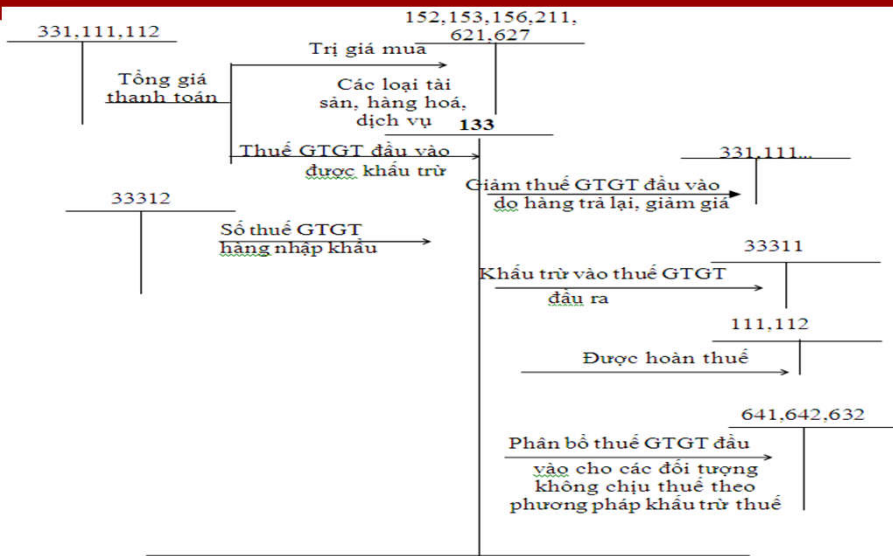


Đơn vị tính thuế GTGT theo pp khấu trừ chịu sự điều chỉnh lớn của luật thuế GTGT từ thuế suất, điều kiện khấu trừ, hoàn thuế....

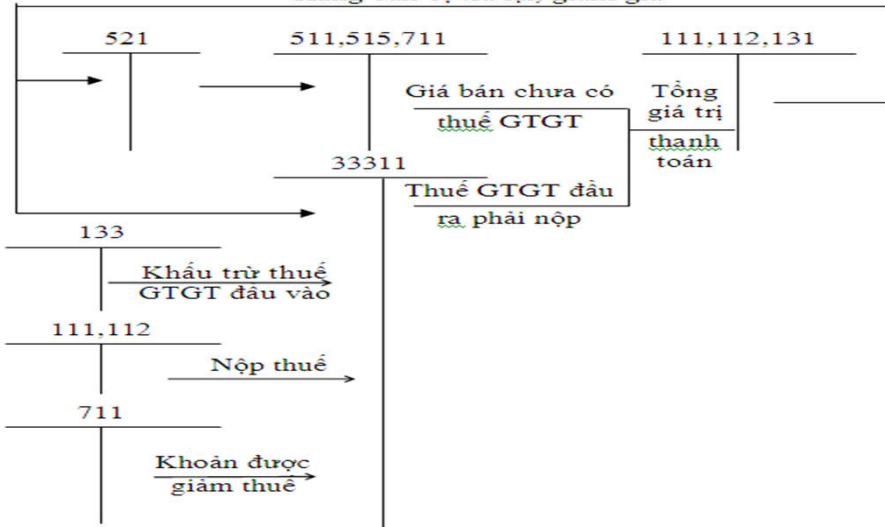




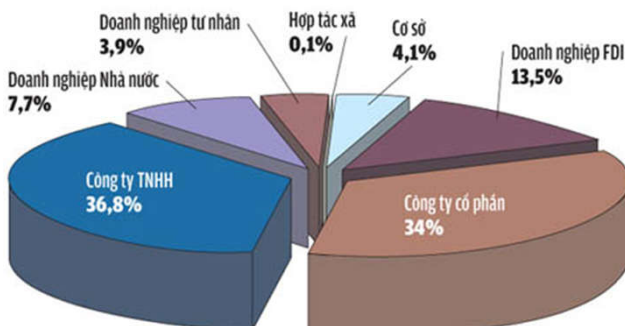
(*) Trường hợp bán hàng mà điểm giao, nhận ngoài VN phải có hồ sơ chứng minh



Hàng bán bị trả lại, giảm giá



- ❑ **Tổ chức** hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế



$$\text{Thuế phải nộp} = [\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN}] \times \text{Thuế suất}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{TN được miễn thuế} + \text{Lỗ kết chuyển}$$

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Chi phí được trừ	+	Các khoản TN khác
--------------------	---	-----------	---	------------------	---	-------------------

Không hạch toán được chi phí

→ Thuế = Doanh thu x Tỷ lệ (1% TM, 5%* DV, 2%*)

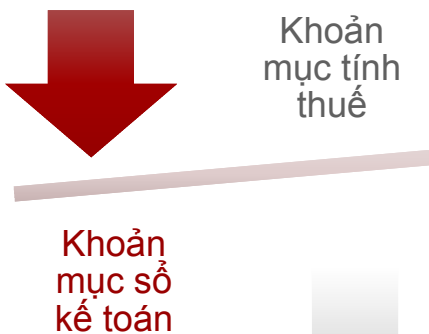
15

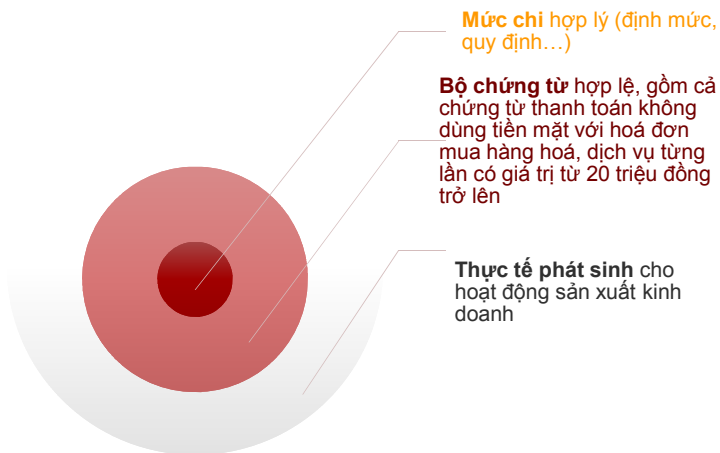
Web: taca.edu.vn

Hotline: 0985.611.911 – 0941.611.911

Doanh thu tính thuế

- ❖ *Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền*
- ❖ Về cơ bản không khác biệt so với doanh thu theo kế toán, trừ một số trường hợp
 - Nhận trước tiền nhiều năm
 - Xuất khẩu hàng hóa





17

❖ **Hao hụt, mất mát, chi vượt định mức Nhà nước ban hành**

Trừ tổn thất bất khả kháng khác không được bồi thường và có hồ sơ

❖ **Chi phí nhân công không ghi cụ thể điều kiện và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ, kể cả chi phúc lợi chi trực tiếp cho NLĐ mà tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế và chi đào tạo**

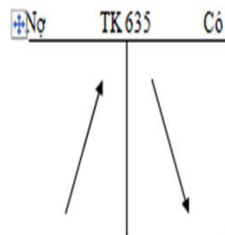
I. **Khấu hao vượt khung**

- Lưu ý về khấu hao nhanh
- Phân bổ CCDC không phải TSCĐ

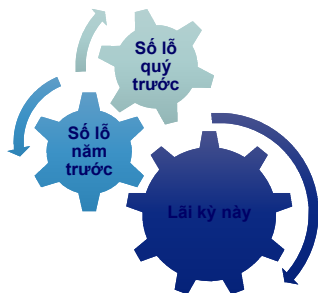


18

- ❑ Chi tiền thuê tài sản, chi trả tiền điện, nước không có đầy đủ hồ sơ
- ❑ Chi tài trợ xã hội hóa không đúng quy định
- ❑ Chi phí mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf
- ❑ Chi không tương ứng với doanh thu tính thuế
- ❑ Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính
- ❑ Chi phí trả lãi tiền vay
 - ❑ *Vượt 150% lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm vay (Không áp dụng nếu vay từ các tổ chức)*
 - ❑ *Chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn còn thiếu theo tiến độ góp vốn (Không áp dụng với khoản vay để góp vốn vào khoản đầu tư)*
- ❑ Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền và nợ phải thu



19



- ❑ Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm (-) về **thu nhập tính thuế**
- ❑ Doanh nghiệp có lỗ thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quý, theo tháng liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Thuế suất cơ bản 20%

Quyết toán khi chuyển đổi, chấm dứt hoạt động

Khai quyết toán khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp...

Thời hạn kê khai: ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp...

Khai quyết toán cuối năm

Khai quyết toán theo năm tài chính

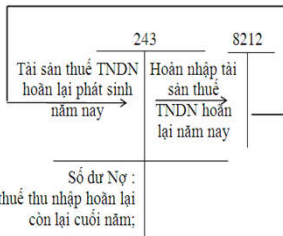
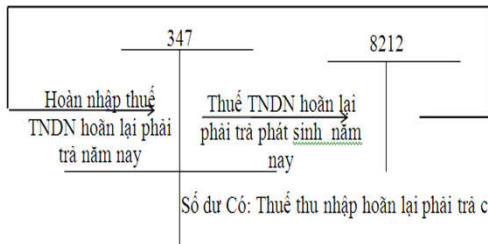
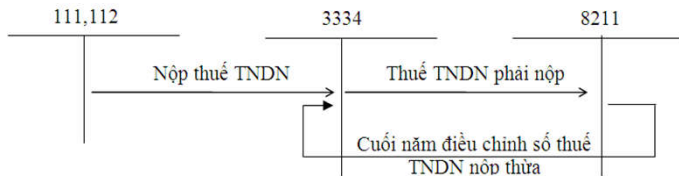
Thời hạn kê khai: ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính

Tạm tính

Tạm tính theo quý
Thời hạn nộp tiền: ngày thứ 30 của quý sau

**Lưu ý tiền chậm nộp –
Nếu tổng số đã nộp trong 4 quý của năm thấp hơn 80% số phải nộp theo quyết toán thì chênh lệch giữa số đã tạm nộp và 80% số phải nộp theo quyết toán phải tính phạt chậm nộp từ hạn nộp của quý IV đến khi thực tế nộp tiền*

- **Thu nhập chịu thuế:** Là thu nhập chịu thuế TNDN của một kỳ, được xác định theo qui định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- **Cơ sở tính thuế thu nhập của một tài sản hay nợ phải trả:** Là giá trị tính cho tài sản hoặc nợ phải trả cho mục đích xác định thuế TNDN.
- **Chênh lệch tạm thời:** Là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Chênh lệch tạm thời có thể là:
 - **Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế TNDN:** Là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán; hoặc
 - **Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:** Là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh các khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong tương lai khi mà giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hay nợ phải trả liên quan được thu hồi hay được thanh toán.
- **Thuế thu nhập hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập DN của năm hiện hành.
- **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:** Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:** Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản:
 - Chênh lệch tạm thời được khấu trừ;
 - Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và
 - Giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.



Cá nhân cư trú –
TNCT phát sinh trong và ngoài lãnh thổ VN

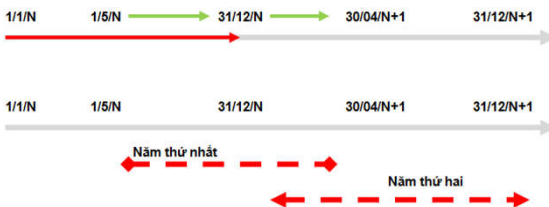
- Có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên tính trong **một năm dương lịch**
- Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong 12 tháng liên tục từ ngày đầu tiên có mặt
- Có nơi ở thường xuyên tại VN, kể cả trường hợp có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm nhưng không chứng minh được là cá nhân cư trú của nước khác theo **Giấy chứng nhận cư trú, hộ chiếu**
- Có nhà thuê để ở tại VN với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm

Cá nhân không cư trú –
TNCT phát sinh trong lãnh thổ VN

- Không đáp ứng điều kiện của cá nhân cư trú

Trường hợp năm dương lịch đầu tiên có mặt < 183 ngày, nhưng tính cho 12 tháng liên tục từ 183 ngày trở lên thì được xác định là đối tượng cư trú:

- Năm tính thuế đầu tiên tính cho 12 tháng liên tục.
- Từ năm thứ hai tính theo năm dương lịch. Số thuế phải nộp năm thứ 2 được trừ phần thuế trùng



- ❖ Chuyển nhượng BĐS, thừa kế, quà tặng giữa vợ - chồng, bố mẹ với con cái, cháu, anh chị em ruột.
- ❖ Nhà ở duy nhất
- ❖ Đất được nhà nước giao
- ❖ Chuyển đổi đất nông nghiệp (không làm thay đổi mục đích sử dụng)
- ❖ Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở khâu trực tiếp đánh bắt sx và bán ra

- ❖ Lãi tiền gửi ở ngân hàng, BH nhân thọ, trái phiếu chính phủ
- ❖ Tiền lương, tiền công làm thêm giờ
- ❖ Tiền bồi thường
- ❖ Kiếu hối
- ❖ Lương hưu
- ❖ Học bổng nhận được từ NSNN

CÁ NHÂN CƯ TRÚ

(Thu nhập chịu thuế – Các khoản giảm trừ) x Thuế lũy tiến từng phần tương ứng

CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

Thuế = Thu nhập chịu thuế x 20%

- ❖ Tiền lương, tiền công, phụ cấp, trợ cấp, thưởng và các khoản tương tự (Kể cả thưởng bằng chứng khoán)
- ❖ Tiền thù lao, hoa hồng, nhuận bút...
- ❖ Tiền tham gia hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị...
- ❖ Các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền (*)

1. Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo ?
2. Khoản chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục... cao hơn mức
3. Đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại theo quy chế của đơn vị.
4. Đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động phù hợp với công việc hoặc theo kế hoạch
5. Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa
6. Trợ cấp khó khăn, thai sản, hưu trí, thôi việc, thất nghiệp do bảo hiểm xã hội trả
7. Khoản tiền hiếu, hỉ

- ❖ Ưu đãi người có công
- ❖ T/gia kháng chiến, BV Tổ quốc
- ❖ Khoản trợ cấp đối với LLVT
- ❖ PC độc hại, nguy hiểm
- ❖ PC thu hút, khu vực
- ❖ TC Khó khăn đột xuất, tai nạn LĐ
- ❖ PC đặc thù ngành nghề khác

- ❖ Ăn ca, ăn trưa
- ❖ Vé máy bay khứ hồi cho NLĐ
- ❖ Tiền học phí cho con NLĐ (Mầm non đến PT)
- ❖ Các khoản phục vụ điều động, luân chuyển
- ❖ Chi đám hiếu, hỉ cho NLĐ và gđ (không qua 1 tháng lương)

Giảm trừ gia cảnh

- Cá nhân người nộp thuế 9 triệu đồng/tháng và người phụ thuộc 3,6 triệu đồng/tháng/người
- Người phụ thuộc bao gồm rất nhiều đối tượng, cơ bản bảo đảm điều kiện: Không có khả năng lao động VÀ Mức thu nhập bình quân tháng không quá 1.000.000 đồng/tháng.

Đóng góp bảo hiểm bắt buộc và các Quỹ từ thiện

1. Các khoản bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề
2. Bảo hiểm bắt buộc tương tự tại nước ngoài
3. **Đóng góp Quỹ từ thiện, cơ sở bảo trợ, Quỹ nhân đạo...**



Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất %	TÍNH
Đến 5	5	5% TNTT
Trên 5 đến 10	10	10% TNTT - 0,25 trđ
Trên 10 đến 18	15	15% TNTT - 0,75 trđ
Trên 18 đến 32	20	20% TNTT - 1,65 trđ
Trên 32 đến 52	25	25% TNTT - 3,25 trđ
Trên 52 đến 80	30	30 % TNTT - 5,85 trđ
Trên 80	35	35% TNTT - 9,85 trđ

❖ **Tổ chức trả thu nhập khấu trừ**

- Theo tháng hoặc quý - Không phát sinh thì không phải kê khai
- Cá nhân đã có mã số thuế và chỉ có duy nhất thu nhập tại tổ chức nhưng ước tính tổng TNCT sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thì làm cam kết gửi tổ chức để tạm thời chưa khấu trừ thuế.
- Cuối năm, tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và được cá nhân người lao động có uỷ quyền quyết toán

❖ **Cá nhân tự kê khai**

- Cá nhân trực tiếp khai thuế thực hiện khai thuế theo quý
- Cá nhân không cư trú có thu nhập khai thuế theo từng lần phát sinh
- Quyết toán thuế với cá nhân: Chỉ áp dụng với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ sau

Thu nhập	Công thức
TỪ KINH DOANH	DOANH THU x THUẾ SUẤT (0,5%; 1%; 2%)
TỪ ĐẦU TƯ VỐN	Thu nhập chịu thuế x 5%
CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	Thu nhập chịu thuế x 20% Giá chuyển nhượng x 0.1%
CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN	Giá chuyển nhượng x 2%
BẢN QUYỀN – NHƯỢNG QUYỀN	(Giá chuyển nhượng – 10 triệu đồng) x 5%
TRÚNG THƯỞNG, THỪA KẾ, QUÀ TẶNG	(Giá chuyển nhượng – 10 triệu đồng) x 10%

